

## Quyển 21

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

#### Phần đầu DU GIÀ XỨ - CHUNG TÁNH ĐỊA thứ 1

Như vậy đã thuyết Tu sở thành địa. Sao gọi là *Thanh văn địa*? Hợp chung tất cả Thanh văn địa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Nếu lược thuyết địa đây  
Tánh thấy, số thủ thú  
Như thích hợp an lập  
Thế gian, xuất thế gian  
Địa đây lược có ba  
Là chủng tánh, thú nhập  
Và xuất ly tưởng địa  
Đây thuyết là Thanh văn.*

Sao gọi là *Chủng tánh địa*? Ớt-Đà-Nam nói:

*Nếu nói lược tất cả  
Nên biết chủng tánh địa  
Là tự tánh, an lập  
Các tướng, số thủ thú.*

Đó là: **1. Tự tánh chủng tánh; 2. An lập chủng tánh; 3. Sở hữu các tướng của người trụ chủng tánh; 4. Bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh.** Hết thấy như thế lược chung là một, gọi là Chủng tánh địa.

**1. Chủng tánh:** Là bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh có pháp chủng tử. Bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh do hiện hữu, nếu được gặp duyên thù thắng, bèn có khả năng kham nhiệm, bèn có thể lực năng đắc năng chứng Niết-bàn.

**Hỏi:** Chủng tánh đây có tên gọi sai khác gì?

**Đáp:** Hoặc gọi là Chủng tử, hoặc gọi là Giới, hoặc gọi là Tánh. Đây là tên gọi sai khác.

**Hỏi:** Nay chủng tánh đây lấy gì làm thể?

**Đáp:** Nương nơi thân sở y, có tướng như vậy nhiếp thuộc sáu xứ. Lẽ pháp có được đây là từ đời vô thủy triển chuyển truyền lại đến nay. Do nơi sự thành lập mà có các tên gọi sai khác, đó là: chủng tánh, chủng tử, giới, tánh. Đây gọi là chủng tánh.

**2. An lập chủng tánh:** Nên hỏi rằng: Nay chủng tánh đây nên nói là thô hay nên nói là tế? —Nên đáp là tế. Vì có sao? Do chủng tử đây chưa

thể cho quả, chưa tập thành quả, nên nói là tế. Nếu đã cho quả, đã tập thành quả, bấy giờ chúng tánh hoặc chủng, hoặc quả đều nói là thô.

**Hỏi:** Chủng tánh như thế nên nói rơi vào một tương tục, hay rơi vào nhiều tương tục?

**Đáp:** Nên nói rơi vào một tương tục. Vì có sao? Giả sử pháp khác tướng câu hữu mà chuyển, thấy chủng chủng kia tương tục, chủng chủng lưu chuyển mỗi mỗi riêng khác. Chủng tử như thế chẳng phải có tướng riêng khác so với sáu xứ, tức ở nơi chủng loại như vậy, phần vị của sáu xứ vượt trội hơn. Lễ pháp có được đây là từ đời vô thủy triển chuyển truyền lại đến nay, có tướng như vậy và dùng ngôn thuyết gọi là chủng tánh, chủng tử, giới, tánh. Cho nên nói là rơi vào một tương tục.

**Hỏi:** Nếu bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh có pháp Niết-bàn, thì vì nhân duyên nào bổ-đặc-già-la có pháp Niết-bàn đây, mà từ xưa đến nay trường thời lưu chuyển không Bát-niết-bàn?

**Đáp:** Do 4 nhân duyên không Bát-niết-bàn. Những gì là bốn? 1. Vì sanh không nhân hạ; 2. Vì lỗi phóng dật; 3. Vì hành tà giải; 4. Vì lỗi có chương ngại.

Sao gọi là sanh không nhân hạ? Như có người sanh nơi biên địa và sanh trong dòng tộc thấp hèn hạ tiện. Nơi không có các bậc chánh chí thiện sĩ và bốn chúng hiền lương du hành qua lại. Đây gọi là sanh không nhân hạ.

Sao gọi là lỗi phóng dật? Như có người tuy sanh ở giữa đất nước, lại không phải thuộc dòng tộc thấp hèn hạ tiện. Nơi có các bậc chánh chí thiện sĩ và bốn chúng hiền lương đều du hành qua lại. Nhưng sanh nhà hào quý đầy đủ tài bảo, nên sanh tham trước thọ dụng nơi các diệu dụng, chẳng thấy tai họa, chẳng biết ra khỏi. Đây gọi là lỗi phóng dật.

Sao gọi là hành tà giải? Như có người tuy sanh ở giữa đất nước... cho đến nói rộng như trên, mà có chủng chủng ác kiến ngoại đạo, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: Không có bố thí... nói rộng cho đến ta tự biết rõ không có các đời sau. Do kiến chấp ngoại đạo như vậy, lại thêm chẳng được gặp chư Phật xuất hiện nơi đời, không được các bạn lành nói chánh pháp. Đây gọi là hành tà giải.

Sao gọi là có lỗi chướng ngại? Như có người tuy sanh ở giữa đất nước... cho đến nói rộng như

trên, được gặp chư Phật xuất hiện nơi đời, được gặp các bạn lành nói chánh pháp. Nhưng căn tánh ngu độn, ngờ nghếch, vô tri, lại thêm tâm ngạo, dùng tay thay lời, không đủ sức hiểu rõ pháp nghĩa của lời thiện hay lời ác. Hoặc lại gây tạo các nghiệp vô gián. Hoặc lại trường thời khởi các phiền não. Đây gọi là có lỗi chướng ngại.

Như vậy gọi là bốn chủng nhân duyên. Do nhân duyên đây, tuy có pháp Bát-niết-bàn mà không Bát-niết-bàn. Nếu người kia được gặp chư Phật xuất hiện nơi đời, lắng nghe chánh pháp, có được sự thuận theo dạy răn dạy trao không mắc phải các nhân duyên trên. Bấy giờ mới có thể thành thực thiện căn, lần hồi cho đến đắc Bát-niết-bàn.

Bồ-đặc-già-la trụ tụ quyết định không pháp Bát-niết-bàn, hoặc có gặp duyên, hoặc không gặp duyên, khắp tất cả chủng loại thuộc tụ đây rốt ráo chẳng thể đắc Bát-niết-bàn.

**Hỏi:** Những gì gọi là duyên của pháp Niết-bàn mà nói vì khuyết, vì không, vì không hội ngộ, nên không Bát-niết-bàn?

**Đáp:** Có 2 chủng duyên. Những gì là hai? 1. Thắng duyên; 2. Liệt duyên.

Sao gọi là thắng duyên? Là tăng thượng lắng nghe âm thanh người thuyết chánh pháp và bên trong như lý tác ý.

Sao gọi là liệt duyên? Liệt duyên đây có nhiều chủng: **a.** Tự mình viên mãn; **b.** Người khác viên mãn; **c.** Muốn thiện pháp; **d.** Chân chánh xuất gia; **e.** Luật nghi giới; **f.** Luật nghi căn; **g.** Đối với ăn uống biết lượng; **h.** Đầu đêm, cuối đêm thường siêng năng tu tập tỉnh thức Du-già; **i.** An trụ chánh biết; **j.** Vui viễn ly; **k.** Thanh tịnh các cái; **l.** Nương Tam-ma-địa.

**a.** Sao gọi là tự mình viên mãn? Đó là khéo được thân người, sanh nơi thánh xứ, không khuyết các căn, tịnh tín thắng xứ, lìa các nghiệp chướng.

Sao gọi là khéo được thân người? Như có người sanh đồng phận trong cõi người, hoặc được thân tượng phu, thành tựu nam căn, hoặc được thân người nữ. Như vậy gọi là khéo được thân người.

Sao gọi là sanh nơi thánh xứ? Như có người sanh giữa đất nước, nói rộng như trước, cho đến các bậc chánh chí thiện sĩ đều du hành qua lại. Như vậy gọi là sanh nơi thánh xứ.

Sao gọi là không khuyết các căn? Như có người

tánh không ngu độn, không xuẩn ngốc, lại không câm ngọng, nói rộng cho đến các chi phần cơ thể không bị thiếu. Do kia chi phần không khuyết như vậy, như tai không khuyết... có thể tinh cần tu tập phẩm thiện. Như vậy gọi là không khuyết các căn.

Sao gọi là tịnh tín thắng xứ? Như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da của chư Phật Như Lai Chánh Giác đã thuyết, được tâm tịnh tín. Như vậy gọi là tịnh tín thắng xứ. Nói thắng xứ: vì pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai Chánh Giác đã thuyết, năng sanh tất cả pháp bạch tịnh thế gian và xuất thế gian. Trong pháp đây, trước phát khởi các tín thanh tịnh tăng thượng mà hành, nên gọi là tịnh tín thắng xứ; sau nương pháp đây năng trừ tất cả phiền não, cấu uế, ô trược.

Sao gọi là lìa các nghiệp chướng? Là năng xa lìa năm nghiệp vô gián: hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, đối với Như Lai ác tâm làm chảy máu. Nếu có người gây tạo, tăng trưởng năm nghiệp vô gián đây, trong hiện pháp chẳng thể sanh khởi Thánh đạo, chuyển đắc Bát-niết-bàn. Nếu có người trong hiện pháp chẳng gây tạo, chẳng làm một trong số các nghiệp chướng vô gián

đây, gọi là lia các nghiệp chướng. Như vậy gọi là lia các nghiệp chướng.

Chỉ do đầy đủ 5 chủng chi phần như vậy mới được gọi là tự thể viên mãn. Do đây gọi là tự mình viên mãn.

**b. Sao gọi là người khác viên mãn?** Đó là chư Phật xuất thế, thuyết chánh giáo pháp, giáo pháp cứu trụ, pháp trụ tùy chuyển và được người khác thương xót.

Sao gọi là chư Phật xuất thế? Như có người khởi ý vui tăng thượng muốn làm lợi ích khắp tất cả các loại hữu tình, nên tu tập muôn ngàn khổ hạnh khó hành, đoạn trừ năm cái, tâm khéo an trụ nơi bốn niệm trụ, tu tập ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tích tập rộng lớn hai chủng tư lương phước đức và trí tuệ, đạt được thân tối hậu thượng diệu, an tọa nơi tòa Vô thượng Bồ-đề thù thắng, hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như vậy gọi là chư Phật xuất thế. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều do như vậy gọi là xuất thế.

Sao gọi là thuyết chánh giáo pháp? Chư Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời như vậy, vì thương xót



tất cả Thanh văn, nương bốn thánh đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, tuyên thuyết chân thật vô lượng giáo pháp, bao gồm Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sanh, Bốn sự, Hy pháp, Phương quảng, Luận nghị. Như vậy gọi là thuyết chánh giáo pháp. Chư Phật Thế Tôn và thánh đệ tử, tất cả bậc chánh sĩ đều cưỡi pháp đây mà được xuất ly, về sau lại vì người tuyên thuyết xưng khen, cho nên nói đây là chánh pháp. Vì tuyên thuyết đây gọi là chánh giáo pháp.

Sao gọi là giáo pháp cứu trụ? Tức là Đức Phật Thế Tôn đã thuyết chánh pháp, đã chuyển pháp luân, cho đến thọ mạng cứu trụ. Sau khi Thế Tôn Niết-bàn, trải qua thời gian ấy, chánh hạnh chưa hoại diệt, chánh pháp chưa ẩn mất, như vậy gọi là chánh pháp cứu trụ. Cứu trụ như vậy, nên biết tức là nói đến đạo lý thắng nghĩa tác chứng chánh pháp.

Sao gọi là pháp trụ tùy chuyển? Người đã chứng chánh pháp như vậy, có lực thấu biết: “Chúng sanh đều có khả năng chứng chánh pháp như thế”. Tức như điều đã chứng mà tùy chuyển, tùy thuận dạy trao dạy răn. Như vậy gọi là pháp trụ tùy chuyển.

Sao gọi là được người khác thương xót? Người khác đây là thí chủ. Thí chủ kia đối với hành giả khởi tâm thương quý, nên huệ thí vật dụng nuôi thân thuận theo pháp tịnh mạng, như là pháp: huệ thí y phục, thức ăn, thức uống, các thứ tọa cụ, ngọa cụ và thuốc trị bệnh. Như vậy gọi là được người khác thương xót.

**c.** *Sao gọi là muốn thiện pháp?* Như có người hoặc từ Phật, hoặc từ đệ tử Phật, được nghe chánh pháp phát khởi tâm tịnh tín. Đã được tịnh tín, phải học như vậy: “Nếu ở trong cõi trần tục này, cuộc sống tại gia có nhiều phiền não nhiều loạn. Xuất gia thanh nhàn giống như hư không. Ta nay nên xả bỏ tất cả vợ con, quyến thuộc, tài sản, thân bảo”. Người kia chánh xả pháp gia đình, hướng đến đời sống không gia đình. Đã xuất gia rồi, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tinh cần tu chánh hạnh khiến được viên mãn. Ở trong thiện pháp sanh khởi muốn như vậy, gọi là muốn thiện pháp.

**d.** *Sao gọi là chân chánh xuất gia?* Túc do lực mãnh liệt của lòng ham muốn thắng thiện pháp, bạch tứ yết-ma thọ Cụ túc giới, hoặc thọ học sở

học Thi-la của Sa-di. Đây gọi là chánh xuất gia.

e. *Sao gọi là luật nghi giới?* Người kia đã chân chánh xuất gia như vậy, an trụ giới cụ túc, phòng hộ bền vững luật nghi Biệt giải thoát, sở hành quy tắc đều được viên mãn, thấy sợ hãi lớn đối với tội rất nhỏ, thọ học tất cả sở hữu học xứ. Đây gọi là luật nghi giới.

f. *Sao gọi là luật nghi căn?* Tức là nương luật nghi giới đây, thủ hộ chánh niệm, tu niệm thường thuận theo, lấy niệm phòng hộ tâm, hành vị bình đẳng. Mắt thấy sắc rồi, không giữ lấy tướng, không giữ lấy tướng tùy hảo. Sợ rằng nương sắc đây, nếu không tu tập an trụ luật nghi phòng hộ căn mắt, khiến nơi tâm rỉ chảy pháp ác bất thiện thuộc sở hữu tham ưu, nên ở nơi kia phải tu hành luật nghi phòng hộ căn mắt. Như đây tức là nương nơi căn mắt, tu hành luật nghi.

Như đã thực hành ở nơi mắt thấy sắc, thì thực hành ở nơi tai nghe tiếng, nơi mũi ngửi hương, nơi lưỡi nếm vị, nơi thân cảm xúc, nơi ý liễu pháp nên biết cũng vậy. Tức là không giữ lấy tướng, không giữ lấy tướng tùy hảo, sợ rằng nương nơi đây, nếu không tu tập an trụ luật nghi phòng hộ căn tai cho

đến căn ý, khiến nơi tâm rỉ chảy pháp ác bất thiện thuộc sở hữu tham ưu, nên ở nơi kia phải tu hành luật nghi phòng hộ căn tai cho đến căn ý. Như đây tức là nương nơi căn tai cho đến căn ý, tu hành luật nghi. Đây gọi là luật nghi căn.

**g.** *Sao gọi là đối với việc ăn uống biết lượng?* Người kia đã giữ gìn các căn như vậy rồi, dùng tư duy chân chánh phân tích việc ăn uống vật thực. Đó là không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng đẹp, không vì đoan nghiêm. Nhưng ăn uống vật thực đây vì an trụ thân, vì tạm giữ gìn các chi phần cơ thể, vì trừ đói khát, vì nhiếp phạm hạnh, vì đoạn trừ thọ cũ, vì khiến thọ mới không sanh khởi trở lại, vì phải nuôi dưỡng sức khỏe, vui vẻ không tội, an trụ yên ổn. Như vậy gọi là đối với việc ăn uống biết lượng.

**h.** *Sao gọi là đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tinh thức Du-già?* Người kia đối với ăn đã biết lượng như vậy, vào ban ngày, ở nơi hai thứ oai nghi hoặc kinh hành, hoặc tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Vào phần đầu đêm, ở nơi hai thứ oai nghi hoặc kinh hành, hoặc tĩnh

tọa, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Qua phần đầu đêm, ra ngoài trú xứ, rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ, nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau, trụ tướng quang minh, chánh niệm chánh biết tư duy khởi tướng. Vào phần cuối đêm, nhanh chóng tỉnh thức, ở nơi hai thứ oai nghi hoặc kinh hành, hoặc tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu. Như vậy gọi là đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già.

i. *Sao gọi là an trụ chánh biết?* Người kia đã thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già như vậy, hoặc đến, hoặc về an trụ chánh biết; hoặc thấy, hoặc nhìn an trụ chánh biết; hoặc co, hoặc duỗi an trụ chánh biết; giữ y Tăng-già-lê và giữ y bát an trụ chánh biết; hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm an trụ chánh biết; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm an trụ chánh biết; vào lúc tỉnh thức an trụ chánh biết; hoặc nói, hoặc im an trụ chánh biết; vào lúc ngủ nghỉ, giải lao an trụ chánh biết. Như vậy gọi là an trụ chánh biết.

j. *Sao gọi là vui viễn ly?* Người kia đã khéo tu tập thiện pháp như vậy, tu sửa trị không điên đảo nghiệp địa đầu tiên rồi, xa lìa tất cả tham trước

ngọa cụ, thường ở nơi a-lan-nhã, nhà trống, dưới gốc cây, trong hang núi, động đá, rừng cây, thảo nguyên, đồng không mông quạnh, chỗ nằm ngồi bên bờ vắng. Đây gọi là vui viễn ly.

**k. Sao gọi là thanh tịnh các cái?** Người kia đã an trụ chốn a-lan-nhã như vậy, hoặc dưới gốc cây, hoặc trong nhà trống... ở nơi năm chủng cái là tham dục, sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, cùng với nghi cái, tịnh tu trong tâm. Tùy theo mỗi cái hiện hành mà tu tâm rồi, tâm xa lìa các cái, an trụ Hiền Thiện Thắng tam-ma-địa. Như vậy gọi là thanh tịnh các cái.

**l. Sao gọi là nương Tam-ma-địa?** Người kia đã đoạn năm cái như vậy, bèn năng xa lìa tùy phiền não của tâm, xa lìa các pháp dục ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ tĩnh lự, đầy đủ an trụ. Tầm tứ tịch tĩnh, ở nơi nội tịnh, tâm tánh nhất hượng, không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc, đầy đủ an trụ đệ nhị tĩnh lự. Xa lìa hỷ tham, an trụ niệm xả cùng với chánh biết, thân lãnh thọ lạc, chỗ mà bậc Thánh nói là “an trụ niệm xả, đầy đủ an lạc”, như vậy đầy đủ an trụ đệ tam tĩnh lự. Trước đoạn khổ, rốt ráo đoạn lạc, hỷ và ưu đồng

diệt mất, không khổ không lạc, niệm thanh tịnh, xả thanh tịnh, đầy đủ an trụ đệ tứ tinh lự. Như vậy gọi là nương Tam-ma-địa.

Do người kia tuân tự dần dần tu hành các duyên như vậy, từ đầu tiên tự mình viên mãn cho đến sau cùng nương tam-ma-địa, về sau càng tu tập càng khiến chuyển thắng, chuyển tăng, chuyển thượng. Như thế được tâm thanh tịnh sáng sủa, không các cấu uế, lìa tùy phiền não, chất trực, có khả năng kham nhiệm, an trụ vô động.

Hoặc lại đạt được trong việc y chỉ bốn thánh đế. Vì khiến tác chứng vĩnh viễn đoạn biến tri, nên tu tập nương theo âm thanh dạy răn dạy trao của người khác, bèn có năng lực kham nhiệm, phát sanh như lý dẫn dắt tác ý, cùng với sở hữu chánh kiến làm tiền dẫn. Do đây bèn năng ở nơi bốn thánh đế nhập hiện quán chân thật, giải thoát viên mãn, ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Trong đây nên biết, khởi đầu thuận theo chánh kiến cho đến về sau giải thoát viên mãn, ở Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Đây gọi là tu tập chân thật chủng tánh.

Như vậy từ đầu tiên tự mình viên mãn cho

đến sau cùng nương Tam-ma-địa, nên biết gọi là tu tập liệt duyên. Nếu y chỉ giáo pháp bốn thánh đế tăng thượng, nương âm thanh dạy trao dạy răn của người khác, như lý dẫn dắt tác ý, nên biết gọi là tu tập thắng duyên.

Như vậy gọi là an lập chủng tánh.

**3. Sở hữu các tướng của người trụ chủng tánh:** Tức là các tướng trái với sở hữu tất cả tướng của bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn, nên biết gọi là sở hữu các tướng của bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh.

**Hỏi:** Những gì gọi là sở hữu các tướng của bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn, vì thành tựu tướng kia mà gọi là bồ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn?

**Đáp:** Bồ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn có rất nhiều tướng. Nay Ta sẽ nói ít phần tướng kia.

Đó là có bồ-đặc-già-la lúc ban đầu không trụ chủng tánh không pháp Niết-bàn. Do ái A-lại-da thức, khắp tất cả chủng hành chuyển thấy đều thuận theo sự trói cột, phụ thuộc vào sở y, triển chuyển thành vô lượng pháp, không thể lay động nhổ bật, đuổi theo dai dẳng lâu dài, rốt ráo bền



chặt, tương tục nương gá. Tất cả chư Phật cũng không thể cứu. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ nhất.

Lại có tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là có kẻ lắng nghe, dùng vô lượng môn hủy mắng lỗi lầm của sanh tử. Nhưng đối với tận ái, tịch diệt Niết-bàn, không thấy chút phần công đức dầu nhỏ, không thấy chút phần sở hữu lợi ích thù thắng, cũng chẳng thấy chút phần hân lạc. Thấy vui như thế, ở đời quá khứ chẳng thể đã sanh, ở đời vị lai chẳng thể sẽ sanh, ở đời hiện tại chẳng thể đang sanh. Lại có kẻ lắng nghe, dùng vô lượng môn xưng khen các công đức của Niết-bàn. Nhưng đối với sanh tử, không thấy chút phần lỗi lầm của sự hý luận, không thấy chút phần sở hữu quá hoạn, cũng lại chẳng thể chút phần chán lìa. Thấy nhàm chán như vậy, ở đời quá khứ chẳng thể đã sanh, ở đời vị lai chẳng thể sẽ sanh, ở đời hiện tại chẳng thể đang sanh. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ hai.

Lại có tướng không chủng tánh của bồ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là có kẻ bản

tánh thành tựu không tầm không quý phẩm thượng. Do nhân duyên đây, không biết chán ghét, không tâm khiếp sợ, đem tâm thích thú gây tạo các ác. Do nhân duyên đây, chưa từng hối hận. Đây chỉ quán sát bổ-đặc-già-la ở hiện pháp. Do nhân duyên đây, lãnh chịu các lỗi lầm họa hoạn do chính thân mạng tài bảo của mình bị suy thoái. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ ba.

Lại có tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là có kẻ ở nơi tất cả chủng đều phân tích rõ ràng, xưng khen các đạo lý vi diệu thù thắng, dễ có thể hiểu biết chi tiết. Nhưng khi được khai thị tuyên thuyết giáo pháp chân chánh, hoặc nương khổ đế, hoặc nương tập đế, hoặc nương diệt đế, hoặc nương đạo đế, kẻ kia không thể thu được chút ít phát tâm nhỏ nhoi, chút ít tin hiểu nhỏ nhoi, hà huống năng khiến lông trên thân dựng đứng, buồn khóc rơi lệ. Đây nương quán sát bổ-đặc-già-la ở cả ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại riêng biệt. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ tư.

Lại có tướng không chủng tánh của bổ-đặc-

già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là kẻ kia có lúc chỉ tạm xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vì hoặc bị quốc vương bức bách, hoặc bị giặc cướp bức bách, hoặc bị chủ nợ bức bách, hoặc vì sợ hãi bức bách, hoặc vì lo lắng việc kiếm sống bức bách. Chẳng phải vì tự điều phục mình, chẳng phải vì tự tịch tĩnh mình, chẳng phải vì tự mình Niết-bàn, chẳng phải vì tánh Sa-môn, chẳng phải vì tánh Bà-la-môn mà cầu xuất gia. Nên khi đã xuất gia rồi, lại vui cùng với người tại gia và chúng xuất gia chung sống hỗn tạp huyên náo. Hoặc phát tà nguyện mà tu các phạm hạnh, như cầu sanh thiên, hay các cõi trời khác. Hoặc vui thích xả bỏ các cấm giới đã thọ học, hoặc trái phạm Thi-la (giới). Trong lòng mục nát, ngoài hiện tướng chân thật, như loài ốc sên bắn thủ trong nước sanh ra. Tiếng như ốc, hạnh như chó. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, chẳng phải hành phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Đây cũng nương quán sát bổ-đặc-già-la ở cả ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại riêng biệt. Nên biết đây là bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh, chỉ mượn tướng xuất gia.

Có bổ-đặc-già-la vui muốn tu học, gọi là chân

xuất gia. Vị đây thọ Cụ túc giới, thành tựu tánh Bì-sô. Do môn khác biệt đây, do ý thú đây hiển nghĩa kẻ kia vốn không phải người xuất gia, chỉ giữ lấy tướng mạo xuất gia mà vào trong hàng ngũ những người xuất gia. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ năm.

Lại có tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh khác. Đó là kia có chút ít tạo tác thiện nghiệp ở nơi thân, hoặc ngữ, hoặc ý. Nhưng tất cả đều vì mong cầu các hữu, hoặc cầu hậu hữu thù thắng ở đời vị lai, hoặc cầu tài bảo, hoặc cầu gặt hái sở hữu tài bảo thù thắng. Đây gọi là tướng không chủng tánh của bổ-đặc-già-la không trụ chủng tánh thứ sáu.

Tất cả loại như vậy có rất nhiều tướng. Vì thành tựu những tướng kia, nên rơi vào trong số không pháp Bát-niết-bàn.

**4. Bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh:** Đó là bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh, hoặc chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập cũng chưa xuất ly, hoặc có an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập mà chưa xuất ly, hoặc có an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập đã

xuất ly, hoặc có căn yếu kém, hoặc có căn trung bình, hoặc có căn thông lợi, hoặc có hành tham, hoặc có hành sân, hoặc có hành si, hoặc sanh không nhân hạ, hoặc sanh có nhân hạ, hoặc có phóng túng buông lung, hoặc không phóng túng buông lung, hoặc có tà hạnh, hoặc không tà hạnh, hoặc có chướng ngại, hoặc không chướng ngại, hoặc xa, hoặc gần, hoặc chưa thành thực, hoặc đã thành thực, hoặc chưa thanh tịnh, hoặc đã thanh tịnh.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập, cũng chưa xuất ly? Như có bồ-đặc-già-la đã thành tựu chủng tử pháp xuất thế của bậc thánh, nhưng chưa được thân cận Thiện tri thức để lắng nghe chánh pháp, chưa thu được chánh tín đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, chưa thọ trì tịnh giới, chưa nhiếp thọ đa văn, chưa tăng trưởng huệ xả, chưa điều nhu các kiến. Như vậy gọi là bồ-đặc-già-la chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập, cũng chưa xuất ly.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, cũng đã thú nhập mà chưa xuất ly? Như trước đã nói sở hữu tướng phẩm hắc, trái với tướng đây là

phẩm bạch, nên biết gọi là bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập. Nhưng có chỗ khác biệt là do kia chưa lìa hệ buộc của phiền não, chưa đắc sở hữu thánh đạo và quả thánh đạo.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, cũng đã thú nhập và đã xuất ly? Cũng như trước đã thuyết, nhưng có chỗ khác biệt là kia đã lìa hệ buộc của phiền não, đã đắc thánh đạo và quả thánh đạo.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la căn yếu kém? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, chỗ có các căn chuyển vận rất trì trệ, chuyển vận rất yếu ớt. Tác ý tương ưng hoặc do nghe mà thành tựu, hoặc do tư duy mà thành tựu, hoặc do tu tập mà thành tựu, hoặc tín căn, hoặc tinh tấn căn, hoặc niệm căn, hoặc định căn, hoặc tuệ căn không có năng lực kham nhiệm, không có sức thông đạt pháp nghĩa, không thể nhanh chóng chứng chân thật. Đây gọi là bổ-đặc-già-la căn yếu kém.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la căn trung bình? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, chỗ có các căn chuyển vận ít trì trệ, còn lại tất cả như trước đã thuyết. Đây gọi là bổ-đặc-già-la căn trung bình.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la căn thông lợi? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, chỗ có các căn chuyển vận không trì trệ, chuyển vận không yếu ớt. Ở nơi tác ý tương ưng, hoặc do nghe mà thành tựu, hoặc do tư duy mà thành tựu, hoặc do tu tập mà thành tựu, hoặc tín căn, hoặc tinh tấn căn, hoặc niệm căn, hoặc định căn, hoặc tuệ căn có năng lực kham nhiệm, có sức thông đạt pháp nghĩa rất mãnh lợi, nhanh chóng chứng chân thật. Đây gọi là bổ-đặc-già-la lợi căn.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành tham? Có bổ-đặc-già-la đối với các việc đáng yêu thích, việc đáng nhiệm trước, cảnh giới sở duyên, có tham mãnh lợi, có tham trường thời. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành tham.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành sân? Có bổ-đặc-già-la đối với việc đáng ghét, việc đáng giận dữ, cảnh giới sở duyên, có sân mãnh lợi, có sân trường thời. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành sân.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành si? Có bổ-đặc-già-la đối với sự sở tri, cảnh giới sở duyên, có si mãnh lợi, có si trường thời. Đây gọi là bổ-đặc-già-la hành si.

Bổ-đặc-già-la hoặc sanh nơi không nhân hạ, hoặc có phóng túng buông lung, hoặc có tà hạnh, hoặc có chướng ngại, tất cả như vậy nên biết tương tự như trên. Trái với các tướng trên, nên biết tức là bổ-đặc-già-la sanh nơi có nhân hạ, không phóng túng buông lung, không có tà hạnh và không có chướng ngại.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la xa? Có bổ-đặc-già-la hoặc do thời gian xa nên cách xa Niết-bàn, hoặc do gia hạnh xa nên gọi là xa.

- Sao gọi là do thời gian xa nên cách xa Niết-bàn? Có bổ-đặc-già-la trải qua nhiều trăm đời, hoặc nhiều ngàn đời, hoặc nhiều trăm ngàn đời sau mới có thể được gặp thắng duyên, đấng Bát-niết-bàn.

- Sao gọi là do gia hạnh xa nên gọi là xa? Có bổ-đặc-già-la chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập, chẳng thể nhanh chóng được gặp thắng duyên đấng Bát-niết-bàn. Người kia đối với Niết-bàn chưa thể phát khởi gia hạnh thù thắng. Do gia hạnh còn xa mà gọi là xa, chẳng do thời gian xa. Hai chủng như vậy lược chung làm một, gọi là bổ-đặc-già-la xa.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la gần? Có bổ-đặc-già-la như vậy, hoặc do thời gian gần nên gần Niết-bàn,



hoặc do gia hạnh gần nên gọi là gần.

- Sao gọi là do thời gian gần nên gần Niết-bàn? Có bồ-đặc-già-la trụ sanh tối hậu, trụ hữu tối hậu, trụ thân tối hậu, tức do thân đây sẽ đắc Niết-bàn; hoặc tức do sát-na không gián đoạn, ở nơi phiền não đoạn sẽ được tác chứng. Như vậy gọi là do thời gian gần nên gần Niết-bàn.

- Sao gọi là do gia hạnh gần nên gọi là gần? Có bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh cũng đã thú nhập. Hai chủng như vậy lược chung làm một, gọi là bồ-đặc-già-la gần.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la chưa thành thực? Có bồ-đặc-già-la chưa thể đạt được thân tối hậu hữu, tức là chưa thể trụ ở thân đây Bát-niết-bàn, hoặc thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là bồ-đặc-già-la chưa thành thực.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la đã thành thực? Có bồ-đặc-già-la đã năng đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ ở thân đây năng Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là bồ-đặc-già-la đã thành thực.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la chưa thanh tịnh? Có bồ-đặc-già-la chưa sanh khởi thánh đạo, chưa là

hệ buộc của phiền não, chưa thể tác chứng đối với quả thánh đạo. Đây gọi là bổ-đặc-già-la chưa thanh tịnh.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thanh tịnh? Nên biết tướng đây trái với tướng bổ-đặc-già-la chưa thanh tịnh.

Như vậy gọi là sở hữu các tướng sai biệt của bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh. Vì độ kia mà chư Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời, đó là chuyển chánh pháp luân, kiến lập học xứ, nếu người chưa thú nhập khiến được thú nhập, nếu người chưa thành thực khiến được thành thực, nếu người chưa thanh tịnh khiến được thanh tịnh.

## **Phần đầu DU GIÀ XỨ - THÚ NHẬP ĐỊA thứ 2**

Như vậy đã thuyết Chủng tánh địa. Sao gọi là *Thú nhập địa*? Ôt-Đà-Nam nói:

*Nếu lược thuyết tất cả  
Thú nhập địa nên biết*

*Là tự tánh, an lập  
Các tướng, số thú thú.*

Đó là: **1.** Tự tánh thú nhập; **2.** An lập thú nhập; **3.** Sở hữu các tướng của người thú nhập; **4.** Bồ-đặc-già-la đã thú nhập. Tất cả như vậy lược chung là một, gọi là Thú nhập địa.

**1. Tự tánh thú nhập:** Là bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, đã có bản tánh thành tựu chủng tử Niết-bàn, sanh ở giữa đất nước, không sanh trong dòng tộc thấp hèn hạ liệt... cho đến nói rộng. Nếu lúc bấy giờ có Phật xuất hiện nơi đời, kia được gặp Phật và đệ tử Phật, được đến lui phụng sự, được nghe chánh pháp, nên bắt đầu có được chánh tín, thú đến thọ trì tịnh giới, nhiếp thọ đa văn, tăng trưởng huệ xả, điều nhu các kiến, từ đây về sau thọ trì pháp đây. Do nhân duyên như vậy, trải qua kiếp sống đó, sau khi thân hoại diệt, đạt được sáu xứ dị thực nhiếp lấy các căn thù thắng, năng trường thời làm sanh khởi triển chuyển chánh tín thù thắng, lấy đây làm y chỉ. Cùng với chánh tín kia là năng thọ trì tịnh giới, nhiếp thọ đa văn, tăng trưởng huệ xả, điều nhu các kiến khiến chuyển

thượng, chuyển thắng, cho đến chuyển thêm vi diệu làm chỗ y chỉ. Lại do chuyển thượng, chuyển thắng, cho đến chuyển thêm vi diệu các pháp như tín... nên càng được dị thực thù thắng khác. Do dị thực đây, lại thuận theo pháp xuất thế mà triển chuyển tăng trưởng các thiện pháp thù thắng khác. Triển chuyển như thế xoay vần làm chỗ nhân nương, xoay vần thành thế lực ở các kiếp sống về sau, cho đến đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân đây đặc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là thú nhập. Vì có sao? Hoặc đạo, hoặc đường, hoặc dấu đi ngay thẳng, năng đặc Niết-bàn, năng hướng đến Niết-bàn, bấy giờ vị kia năng tiến đến, năng nhập vào, năng thực hành chánh hạnh, lần hồi thứ lớp đi đến cực cứu cánh. Cho nên gọi đây là đã thú nhập.

Như vậy gọi là tự tánh thú nhập.

**2. Kiến lập thú nhập:** Đó là hoặc có chủng tánh, hoặc có thú nhập, hoặc sắp thành thực, hoặc đã thành thực, hoặc chỉ thú nhập chẳng phải sắp thành thực chẳng phải đã thành thực, hoặc cũng thú nhập cũng sắp thành thực chẳng phải đã thành

thục, hoặc cũng thú nhập cũng đã thành thục chẳng phải sắp thành thục, hoặc chẳng phải thú nhập chẳng phải sắp thành thục chẳng phải đã thành thục.

Sao gọi là có chủng tánh? Như trước đã thuyết.

Sao gọi là có thú nhập? Là bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh, ban đầu đạt được điều xưa chưa từng được: đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, thọ trì tịnh giới, nhiếp thọ đa văn, tăng trưởng huệ xả, điều nhu các kiến. Đây gọi là thú nhập.

Sao gọi là sắp thành thục? Chỉ trừ khi chưa đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân ấy đắc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Bổ-đặc-già-la đã thú nhập như vậy, từ khi thú nhập cho đến ở các kiếp về sau tu tập các căn càng chuyển thượng, càng chuyển thắng, càng chuyển thêm vi diệu. Đây gọi là sắp thành thục.

Sao gọi là đã thành thục? Bổ-đặc-già-la đã đạt được thân tối hậu hữu, trụ ở thân đây đắc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là đã thành thục.

Sao gọi là chỉ thú nhập, chẳng phải sắp thành

thục, chẳng phải đã thành thục? Có bổ-đặc-già-la ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Nhưng từ đây về sau, lại chưa trải qua một kiếp sống hành như vậy, thì gọi là chỉ thú nhập, chẳng phải sắp thành thục, chẳng phải đã thành thục.

Sao gọi là cũng thú nhập, cũng sắp thành thục, chẳng phải đã thành thục? Có bổ-đặc-già-la ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Từ đây về sau, lại trải qua hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều đời, mà chưa đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân đây đắc Bát-niết-bàn, còn lại như trước đã thuyết. Đây gọi là cũng thú nhập, cũng sắp thành thục, chẳng phải đã thành thục.

Sao gọi là cũng thú nhập, cũng đã thành thục, chẳng phải sắp thành thục? Có bổ-đặc-già-la đã đắc thú nhập như vậy, cũng đã đạt được thân tối hậu hữu, hoặc trụ thân đây đắc Bát-niết-bàn, còn lại như trước đã thuyết. Đây gọi là cũng thú nhập, cũng đã thành thục, chẳng phải sắp thành thục.

Sao gọi là chẳng phải đã thú nhập, chẳng phải sắp thành thực, chẳng phải đã thành thực? Có bổ-đặc-già-la có pháp Bát-niết-bàn như vậy, nhưng chỉ trụ chủng tánh mà chưa thú nhập. Đây gọi là bổ-đặc-già-la chẳng phải đã thú nhập, chẳng phải sắp thành thực, chẳng phải đã thành thực. Nhưng có khả năng kham nhiệm, nhất định sẽ thú nhập, sẽ được thành thực.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la quyết định không có khả năng kham nhiệm, không được thú nhập, không được thành thực, đó là bổ-đặc-già-la không pháp Niết-bàn, xa lìa chủng tánh. Nên biết bổ-đặc-già-la không chủng tánh như vậy, còn quyết định không khả năng kham nhiệm, không sẽ được thú nhập, không sẽ được thành thực, hà huống năng đắc Bát-niết-bàn.

Nên biết bổ-đặc-già-la nói trên nhiếp vào 6 vị. Những gì là sáu? 1. Bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm; 2. Bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm hạ; 3. Bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm trung; 4. Bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm thượng; 5. Bổ-đặc-già-la có phương tiện cứu cánh; 6. Bổ-đặc-già-la đã đến cứu cánh.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm? Có bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, chưa có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến chưa điều nhu các kiến. Đây gọi là bổ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm hạ? Có bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm hạ.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm trung? Có bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, ban đầu đối với pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai chánh giác chánh thuyết, có được tâm chánh tín, nói rộng cho đến điều nhu các kiến. Từ đây về sau, trải qua hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều đời triển chuyển thăng tiến, mà chưa đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ thân đây đắc Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm trung.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu thiện căn



phẩm thượng? Có bồ-đặc-già-la triển chuyển thắng tiến như vậy, đã năng đạt được thân tối hậu hữu, tức là trụ ở thân đây năng Bát-niết-bàn, hoặc năng thú nhập Chánh tánh ly sanh. Đây gọi bồ-đặc-già-la thành tựu thiện căn phẩm thượng.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la phương tiện cứu cánh? Có bồ-đặc-già-la đã đạt được thân tối hậu hữu. Vì tận dứt các lậu hoặc, lắng nghe chánh pháp, có được sự dạy trao dạy răn không điên đảo, chánh tu hành gia hạnh mà chưa thể vĩnh viễn tận các lậu khắp tất cả chủng, chưa đạt đến rốt ráo. Đây gọi là bồ-đặc-già-la phương tiện cứu cánh.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh? Có bồ-đặc-già-la vì tận dứt các lậu, lắng nghe chánh pháp, có được sự dạy trao dạy răn không điên đảo, chánh tu gia hạnh như vậy, đã năng đạt được vĩnh viễn tận các lậu khắp tất cả chủng, việc cần làm đã làm xong, rốt ráo đạt đến thanh lương bậc nhất. Đây gọi là bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh.

Nên biết trong đây chủng loại bồ-đặc-già-la có khả năng kham nhiệm, tức là lấy chủng tánh làm chỗ nương, làm chỗ trụ, bền năng đạt được thiện căn phẩm hạ và năng thú nhập. Đã thú nhập

rồi, lấy thiện căn phẩm hạ làm chỗ nương, làm chỗ trụ, lại năng đạt được thiện căn phẩm trung, lấy thiện căn đây mà tự thành thực. Người kia ở đây như vậy, lúc tự thành thực, lấy thiện căn bậc trung làm chỗ nương, làm chỗ trụ, lại năng đạt được thiện căn phẩm thượng, đã được thành thực. Do người kia như vậy, tu tập thiện căn phẩm thượng làm nhân, chứng đắc tự thể. Lại năng tu tập tư lương triển chuyển thù thắng, do đây xúc chứng tâm tánh nhất cảnh. Lại năng thú nhập Chánh tánh ly sanh, chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, mà chưa năng chứng quả A-la-hán tối thắng bậc nhất. Như vậy gọi là bồ-đặc-già-la phương tiện cứu cánh. Nếu đã chứng đắc tất cả phiền não thấy đều vĩnh viễn đoạn tận, chứng đắc quả A-la-hán, bấy giờ gọi là bồ-đặc-già-la đã đến cứu cánh.

Như trên tức do sự tu hành chánh hạnh đầu, giữa, sau của tất cả Thanh văn, nên hiển thị kiến lập 6 chủng bồ-đặc-già-la. Do có chánh hạnh của Thanh văn chủng tánh, nên hiển thị bồ-đặc-già-la đầu tiên. Do có chánh hạnh của Thanh văn đến cứu cánh, nên hiển thị bồ-đặc-già-la sau cùng. Do

chánh hạnh của Thanh văn tu hành còn lại, nên hiển thị bổ-đặc-già-la trung gian.

**Hỏi:** Bổ-đặc-già-la đã được thú nhập là có định lượng tất cả thời đồng đắc Bát-niết-bàn, hay là không định lượng tất cả thời phần không đồng đắc Bát-niết-bàn?

Đáp: Không có định lượng, cũng chẳng phải ở tất cả thời phần đồng đều mà đắc Bát-niết-bàn. Tuy nhiên tùy chỗ thích hợp, tức là chỗ duyên gặp gỡ có sự sai khác mà Bát-niết-bàn. Nên biết trong đây hoặc có một loại trải qua thời gian rất lâu xa, hoặc có một loại không cần trải qua thời gian quá lâu đắc Bát-niết-bàn. Hoặc có một loại vô cùng nhanh chóng đắc Bát-niết-bàn, đó là bổ-đặc-già-la trụ chủng tánh, vô cùng nhanh chóng đắc Bát-niết-bàn. Người kia chỉ trải qua ba đời, trong đời thứ nhất thú nhập trước tiên, trong đời thứ hai tu tập khiến thành thực, trong đời thứ ba đã tu tập thành thực rồi, liền ở thân đây đắc Bát-niết-bàn. Nếu không ở thân đây đắc Bát-niết-bàn, tất phải nhập vị học mới có thể chết đi, trải qua nhiều nhất bảy hữu, đắc Bát-niết-bàn.

Như vậy gọi là an lập thú nhập.

**3. Sở hữu các tướng của người đã thú nhập:** Có bồ-đặc-già-la đắc Bát-niết-bàn an trụ chủng tánh, vừa mới thú nhập. Giả sử chuyển sanh đời khác, đối với Đại sư của mình và trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, có sự quên mất nhớ nghĩ. Nếu gặp pháp ác thuyết Tỳ-nại-da và pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da cùng hiện hữu ở thế gian, thì tuy ở nơi pháp ác thuyết Tỳ-nại-da được lắng nghe đã lâu, lại được nghe vô lượng môn tốt đẹp xưng khen công đức thù thắng của pháp kia, nhưng không tin hiểu vui thích tu hành, cũng không ở nơi pháp kia mà cầu xuất gia. Giả sử người kia tạm thời xuất gia, vừa được nhập vào, liền nhanh chóng xả bỏ thối lui, vì tánh đối với pháp kia không vui an trụ. Cũng ví như trong mật sanh giòi, lấy giòi bỏ vào rượu hay giấm đặc, hoặc ví như người vui thích thọ diệu dục mà gặp phải bùn lầy như bản vậy. Đó là do lực nhậm trì của nhân diệu thiện đời trước. Còn đối với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, hoặc mới chỉ tạm lắng nghe sự xưng khen ít phần công đức, hoặc hoàn toàn chưa cần nghe, tuy nhiên năng nhanh chóng thú nhập tin hiểu, vui thích tu hành, hoặc cầu xuất gia. Người kia xuất gia rồi, rất ráo thú

nhập trọn không thối chuyển, vì tánh đối với pháp đây vui thích an trụ. Ví như mật sanh giò, giò lại được bỏ vào loại mật hảo hạng; hoặc như người vui thích thọ diệu dục mà gặp được dục thù thắng hơn cả. Đây do lực nhậm trì của nhân diệu thiện đời trước. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ nhất.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia tuy chưa thể vượt qua được tất cả đường ác, chốn không nhân hạ, lìa hệ buộc của phiền não, mà có thể không sanh nơi đường ác hay chốn không nhân hạ. Thế Tôn nương bồ-đặc-già-la đã được thú nhập đây mà mật ý thuyết rằng: “Nếu có người thế gian chánh kiến phẩm thượng, tuy trải qua ngàn đời không đọa đường ác. Nếu người kia đã nhập thiện căn phẩm thượng, dần dần hướng đến thành thực, bấy giờ người kia bèn không sanh chốn không nhân hạ và các đường ác”. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ hai.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia thoát nghe công đức thù thắng của Phật, Pháp, Tăng liền

được tín tâm tùy niệm thanh tịnh, dẫn phát thiện căn xuất ly rộng lớn, luôn luôn duyên nhớ nghĩ, điều nhu suy lường thanh tịnh nơi tâm, toàn lòng trên thân dựng đứng, vui mừng rơi lệ. Đây là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ ba.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia có bản tánh đã thành tựu tâm quý mãnh lợi, sanh tâm hổ thẹn sâu đối với các tội hiện hành. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ tư.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia vui thích sâu xa, vui thích mãnh lợi trong việc thọ trì, đọc tụng, thưa hỏi, tư duy, quán hành, cầu thiện pháp. Đây gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ năm.

Lại có tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia đối với tất cả việc làm đều không tội, tu tập trong tất cả phương tiện gia hạnh phẩm thiện. Năng khéo tu tập, phát khởi bền chắc, phát khởi trường thời. Đây gọi là

tướng dã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ sáu.

Lại có tướng dã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia có bản tánh trần cấu mỏng nhẹ, phiền não suy yếu, tuy khởi các triền mà không tương tục trụ lâu dài. Không siểm, không cưỡng, năng hàng phục kiêu mạn chấp ngã, ngã sở. Giữ gìn công đức lành, nhằm ghét xoay lưng với các lỗi lầm. Đây gọi là tướng dã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ bảy.

Lại có tướng dã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập khác. Đó là người kia năng khéo léo thủ hộ ngăn ngừa tâm. Đối với các điều chứng đắc rộng lớn, không tự mình an phận trong chỗ bất lực. Sự tin hiểu ngày càng tăng trưởng mãnh lợi mạnh mẽ. Đây gọi là tướng dã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập thứ tám.

Như vậy, các loại tướng dã thú nhập của bổ-đặc-già-la đã được thú nhập có vô lượng, nay Ta chỉ lược thuyết ít phần tướng kia. Các tướng như vậy, hoặc có người an trụ thiện căn phẩm hạ mà thú nhập, nên biết thuộc loại phẩm hạ, gọi là có khuyết hở, chưa được không gián đoạn, chưa thiện

thanh tịnh. Hoặc có người an trụ thiện căn phẩm trung mà thú nhập, nên biết thuộc loại phẩm trung. Hoặc có người an trụ thiện căn phẩm thượng mà thú nhập, nên biết thuộc loại phẩm thượng, gọi là không khuyết hở, không gián đoạn, đã thiện thanh tịnh. Như vậy gọi là tướng đã thú nhập của bồ-đặc-già-la đã được thú nhập. Người thành tựu tướng thú nhập như vậy, nên biết thuộc trong số đã thú nhập.

Nên biết bồ-đặc-già-la an trụ chủng tánh đã thú nhập như vậy, sở hữu rất nhiều tướng kiết tường của bậc thiện sĩ. Duy chỉ có chư Phật Thế Tôn và đệ tử Phật đã đến cứu cánh bậc nhất, dùng trí kiến thắng diệu thiện thanh tịnh hiện thấy hiện chứng, tùy theo chủng tánh, tùy đối tượng thú nhập mà diệu ứng cứu độ.

**4. Bồ-đặc-già-la đã được thú nhập:** Hoặc có bồ-đặc-già-la đã được thú nhập, duy chỉ có đã thú nhập, chưa sắp thành thực, chưa đã thành thực, chưa đắc xuất ly. Hoặc có bồ-đặc-già-la cũng đã thú nhập, cũng sắp thành thực, chưa đã thành thực, chưa đắc xuất ly. Hoặc có bồ-đặc-già-la cũng



đã thú nhập, cũng đã thành thực, chưa đắc xuất ly, tùy muốn mà hành. Các tướng sai biệt như vậy, nên biết đều đã biện ở trước.

Lại có sở hữu các tướng sai khác của bồ-đặc-già-la đã nói trong phần *Chứng tánh địa*, như bồ-đặc-già-la căn yếu kém. Nay ở trong đây tùy chỗ thích hợp cũng nên rõ biết sở hữu các tướng sai khác.

Như vậy đã thuyết hoặc tự tánh thú nhập, hoặc an lập thú nhập, hoặc sở hữu các tướng của người đã thú nhập, hoặc bồ-đặc-già-la đã thú nhập, tất cả gọi chung là Thú nhập địa.



## Quyển 22

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

#### Phần đầu DU GIÀ XỬ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-1

Như vậy đã thuyết Thú nhập địa. Sao gọi *Xuất ly địa*?

Ốt-Đà-Nam nói:

*Hoặc thế gian ly dục  
Xuất thế gian như vậy  
Cùng hai tư lương đây  
Gọi là Xuất ly địa.*

Đó là: **1.** Do đạo thế gian mà hướng đến ly dục; **2.** Do đạo xuất thế gian mà hướng đến ly dục; **3.** Sở hữu tư lương của hai đạo đây. Tất cả đây lược chung là một, gọi là Xuất ly địa.

#### **1. Do đạo thế gian mà hướng đến ly dục:**

Như có người đối với hạ dục giới, quán là tướng thô; đối với Sơ tinh lự, ly sanh hỷ lạc, hoặc định hoặc sanh, quán là tướng tinh. Do kia trụ quán nhiều thời như vậy, bèn ở nơi dục giới mà đắc ly

dục, cũng năng chứng nhập Sơ tinh lự. Cũng vậy, đối với các tinh lự địa trên Sơ tinh lự, như chỗ thích hợp dần dần thứ lớp, đối với tất cả địa dưới quán là tướng thô, đối với tất cả địa trên quán là tướng tinh. Do người kia nhiều thời an trụ quán như vậy, cho đến Vô sở hữu xứ mà đắc ly dục, cũng năng chứng nhập cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy gọi là do đạo thế gian mà hướng đến ly dục. Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá, hoặc tăng thêm.

**2. Do đạo xuất thế gian mà hướng đến ly dục:** Như có người thân cận bậc thiện sĩ, ở trong thánh pháp đã thành tựu tuệ thông sáng, ở trong thánh pháp đã được điều thuận. Ở nơi Khổ thánh đế, như thật biết khổ; ở nơi Tập thánh đế, như thật biết tập; ở nơi Diệt thánh đế, như thật biết diệt; ở nơi Đạo thánh đế, như thật biết đạo. Đã thành tựu trí kiến hữu học. Từ đây về sau, lần hồi tu tập Thánh đạo, với tất cả pháp kiến tu sở đoạn khắp trong ba cõi tự có khả năng lìa hệ buộc, tự chứng đắc giải thoát, bền năng vượt ra ba cõi. Như vậy gọi là do đạo xuất thế gian mà hướng đến ly dục.

### 3. Tư lương của hai đạo:

Ôt-Đà-Nam nói:

*Mình, người viên mãn, muốn thiện pháp,  
Luật nghi giới, căn, ăn biết lượng,  
Tỉnh thức, trụ chánh biết, bạn lành,  
Vấn, tư, không chướng, xả, trang nghiêm.*

Đó là: **a.** Tự mình viên mãn; **b.** Người khác viên mãn; **c.** Muốn thiện pháp; **d.** Luật nghi giới; **e.** Luật nghi căn; **f.** Đối với việc ăn uống biết lượng; **g.** Đầu đêm, cuối đêm, thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già; **h.** An trụ chánh biết; **i.** Tánh bạn lành; **j.** Nghe chánh pháp; **k.** Tư duy chánh pháp; **l.** Không chướng ngại; **m.** Tu huệ xả; **n.** Vật trang nghiêm của Sa-môn. Hết thấy pháp như vậy gọi là tư lương của hai đạo thế gian và xuất thế gian thú hướng ly dục.

Nên biết trong đây:

**a.** Hoặc tự mình viên mãn.

**b.** Hoặc người khác viên mãn.

**c.** Hoặc muốn thiện pháp.

Tương của ba chủng đây, đã biện rõ trong tu tập chủng tánh của phần *Liệt duyên*.

d. Sao gọi là luật nghi giới? Ôt-Đà-Nam nói:

*Luật nghi giới nên biết  
Biện ba thiếu, mười đủ  
Sáu dị môn, ba tịnh  
Mười chủng thắng công đức.*

Luật nghi giới, đó là như có người an trụ đầy đủ giới, nói rộng cho đến thọ học các học xứ.

Sao gọi là an trụ giới cụ túc? Ở nơi sở hữu học xứ đã thọ học, thân nghiệp không khuyết phạm, ngữ nghiệp không khuyết phạm. Đã không khuyết phạm, cũng không xuyên thủng. Như vậy gọi là đầy đủ giới.

Sao gọi là khéo năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát? Tức là năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát được bảy chúng lãnh thọ. Vì chúng thủ hộ luật nghi đây sai khác, nên hình thành nhiều luật nghi. Nay trong nghĩa đây chỉ nương luật nghi của Bí-sô mà thuyết “khéo năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát”.

Sao gọi là quý tác viên mãn? Như có người ở nơi đường oai nghi, ở nơi các việc được làm, ở nơi gia hạnh của các phẩm thiện, thành tựu quý tác

thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

- Sao gọi là nơi đường oai nghi, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da? Như có người ở nơi việc nên đi, ở nơi như việc đi, tức ở trong đây như vậy mà đi. Do đi như thế, nên không bị sự hủy báng chê trách của thế gian, không bị sự quở trách của các bậc hiền lương chánh chí thiện sĩ, những bậc đồng pháp, những bậc trì luật, những bậc học luật. Như ở nơi việc đi, thì ở nơi việc đứng, việc ngồi, việc nằm cũng lại như thế. Như vậy gọi là nơi đường oai nghi, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

- Sao gọi là nơi các việc được làm, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da? Như có người như việc được làm, hoặc việc y phục, hoặc việc đại tiểu tiện, hoặc việc dùng nước, hoặc việc dùng tăm xỉa răng, hoặc việc vào xóm làng khát thực, hoặc việc thọ dụng, hoặc việc rửa bát, hoặc việc sắp xếp, hoặc việc rửa chân,

hoặc việc xếp ngọạ cụ... tức ở đây lược nói việc y, việc bát. Ngoài ra lại có hết thảy các loại việc nên làm như vậy, gọi là các việc được làm. Như chỗ thích hợp đối với việc nên làm, đối với như việc được làm, tức trong đó như thế mà làm. Vì làm như vậy, nên không bị sự hủy báng chê trách của thế gian, không bị sự quở trách của các bậc hiền lương chánh chí thiện sĩ, những bậc đồng pháp, những bậc trì luật, những bậc học luật. Như vậy gọi là ở nơi các việc được làm, thành tựu quý tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

- Sao gọi là nơi gia hạnh các phẩm thiện, thành tựu quý tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da? Tức là gia hạnh đối với chúng chúng pháp thuộc phẩm thiện: Hoặc đối với chánh pháp, thọ trì đọc tụng. Hoặc đối với bậc tôn trưởng, tu nghiệp hòa kính, hầu hạ phụng sự. Hoặc đối với người bệnh, khởi tâm từ bi ân cần chăm sóc. Hoặc đối với gia hạnh tác bạch như pháp, trụ tâm từ bi, triển chuyển gởi dục. Hoặc đối với việc thưa hỏi, lắng nghe thọ trì chánh pháp, tinh cần không

biếng nhác. Hoặc đối với các bậc có trí đồng phạm hạnh, tận thân lực mà cung kính hầu hạ. Hoặc đối với các thiện pháp của người khác, thường tinh cần khen ngợi khích lệ, thường vui vì người tuyên thuyết chánh pháp. Vào tịnh thất ngồi kiết già, buộc niệm tư duy... Hết thấy việc tu tập vô lượng các thiện pháp khác như vậy đều gọi là gia hạnh các phẩm thiện.

Người kia ở nơi như vậy, thuận theo gia hạnh của phẩm thiện đã tuyên thuyết, như chỗ thích hợp đối với việc nên làm, đối với như việc được làm, tức ở trong đó như vậy mà làm. Do làm như vậy không bị sự chê trách hủy báng của thế gian, không bị sự quở trách của các bậc hiền lương chánh chí thiện sĩ, những bậc đồng pháp, những bậc trì luật, những bậc học luật. Như vậy gọi là ở nơi gia hạnh phẩm thiện, thành tựu quỹ tắc thuận theo thế gian, không trái vượt thế gian, thuận theo Tỳ-nại-da, không trái vượt Tỳ-nại-da.

Nếu ở nơi các hành tướng quỹ tắc sai biệt đã thuyết như vậy thấy đều đầy đủ, nên biết gọi là quỹ tắc viên mãn.

Sao gọi là việc đi viên mãn? Có 5 chỗ chẳng



phải là chỗ nên đi đến của các Bí-sô. Những gì là năm? 1. Nhà truyền lệnh; 2. Nhà dâm nữ; 3. Nhà bán rượu; 4. Cung vua; 5. Nhà yết-sĩ-na, chiêm-trà-la. Đối với những chỗ chẳng phải là chỗ nên đến mà chư Như Lai đã chỉ dạy như vậy, phải năng khéo xa lìa. Đối với những nơi hành xứ không tội khác, phải biết tùy thời mà đi. Như vậy gọi là việc đi viên mãn.

Sao gọi là đối với các tội nhỏ vi tế, thấy sợ hãi lớn? Ở nơi những học xứ nhỏ, chi tiết nhỏ, nếu có trái phạm có thể khiến trở lại thanh tịnh, gọi là tội nhỏ vi tế. Ở nơi hủy phạm các học xứ hiện hành, gọi là tội. Sau khi đã hủy phạm, ít dụng công lực mà được trở lại thanh tịnh, gọi là nhỏ vi tế. Do nhân duyên đây gọi là tội nhỏ vi tế. Ở trong tội kia thấy sợ hãi lớn là thế nào? Như có người khởi quán sát như vậy: “Ta chớ do nhân duyên hủy phạm đây, không thể kham năng đắc điều chưa đắc, xúc điều chưa xúc, chứng điều chưa chứng. Ta chớ do đây tiến gần đến các đường ác, đi vào các đường ác. Để rồi tự mình trách chính mình, hoặc bị đại sư, chư thiên, các bậc có trí đồng phạm hạnh dùng pháp quả trách. Ta chớ do đây khiến danh

xung ác, tiếng ác, tán tụng ác truyền khắp mọi nơi, lưu bố gần xa khắp chốn. Đối với nhân hủy phạm trong hiện pháp như vậy, đương lai sẽ sanh các quả phi ái, phải nên thấy sợ hãi lớn”. Do nhân duyên đây, ở nơi sở hữu học xứ nhỏ, chi tiết nhỏ, dù gặp nhân duyên khó tồn tại mạng sống cũng không cố phạm. Hoặc có lúc, hoặc gặp chỗ nếu thất niệm mà trái phạm, sau khi quan sát, liền nhanh chóng như pháp phát lồ khiến trở lại thanh tịnh. Như vậy gọi là đối với các tội nhỏ vi tế, thấy sợ hãi lớn.

Sao gọi là thọ học các học xứ? Lúc thọ giới Biệt giải thoát, trước tiên phải bạch tứ yết-ma thọ giới Cụ túc. Từ chỗ thầy truyền giới, theo vị thầy truyền giới, được nghe phần ít thể tánh của học xứ. Lại từ chỗ Thân giáo sư, Quý phạm sư được nghe kinh Biệt giải thoát còn lại, tổng lược tuyên thuyết có hơn 250 học xứ, đều tự mình phát thệ nguyện sẽ thọ học tất cả. Lại ở các nơi còn lại, đó là nơi những người luận nói, nơi những người cùng luận bàn, nơi những người thường gặp gỡ lui tới, nơi những bạn bè thân thích tụ hội, mà được nghe các học xứ. Lại mỗi nửa tháng thường đến nơi tuyên nói kinh Biệt giải thoát để nghe lại các học

xứ. Tất cả tự phát thệ nguyện đều sẽ tu học.

Vì ở nơi tất cả học xứ cần phải học đều thọ học, nên gọi là thành tựu luật nghi Biệt giải thoát. Từ đây về sau, ở nơi các học xứ nếu đã được khéo léo, quyết không trái phạm. Giả sử có trái phạm, liền như pháp hối trừ. Vì trước đã tự phát thệ nguyện thọ trì, nên đối với các học xứ chưa được khéo léo, chưa thể thông tỏ hiểu sâu, thì cầu học để được khéo léo, để được thông hiểu. Đối với các học xứ thỉnh hỏi từ Thân giáo sư hay Quý phạm sư, đã được khéo léo và thông tỏ hiểu sâu, thì theo sự giáo huấn đã lãnh thọ mà không thêm không bớt, xuyên suốt thọ học. Lại đối với hoặc văn hoặc nghĩa của các học xứ, do bậc đáng tôn trọng và ngang với bậc đáng tôn trọng khác tuyên thuyết, thì thọ học không điên đảo. Như vậy gọi là thọ học các học xứ.

Như vậy đã biện rộng luật nghi giới. Nên biết trong đây lược nghĩa thế nào? Trong đây Đức Thế Tôn hiển thị lược nghĩa giới uẩn có 3 chủng tướng: 1. Tướng không hoại mất; 2. Tướng tự tánh; 3. Tướng tự tánh công đức.

Đây lại có nghĩa gì? Nếu nói rằng: an trụ đây

đủ giới, do đây hiển thị tướng không hoại mất của luật nghi giới. Nếu nói rằng: khéo hay thủ hộ Biệt giải thoát luật nghi, do đây hiển thị tướng tự tánh của luật nghi giới.

Nếu lại nói rằng: sở hành quỹ tắc thấy đều viên mãn, do đây hiển thị Biệt giải thoát luật nghi. Tức là như điều đã thọ, quán sát tăng thượng tướng tự tánh công đức của người. Vì sao phải quán như thế? Vì quán thấy người có sở hành quỹ tắc viên mãn như vậy, khiến người chưa tín được tín, người tín thì được tăng trưởng. Do đây phát sanh tín thanh tịnh, tâm không chán ghét, lời không chê trách hủy báng. Nếu ở nơi giới Cụ túc đã thọ đây mà sở hành quỹ tắc không đúng, không viên mãn, thì không nên quán sát tăng thượng người kia có công đức thắng lợi. Cho nên trái với tướng sở hành quỹ tắc thấy đều viên mãn đây thì ắt có lỗi lầm.

Nếu lại nói rằng: ở trong học xứ đã thọ, đối với tội nhỏ thấy sợ hãi lớn, do đây hiển thị luật nghi Biệt giải thoát. Tức là như điều đã thọ, quán sát tăng thượng tướng tự tánh công đức của chính bản thân. Vì sao phải quán như thế? Tuy thu được

quán sát tăng thượng công đức thắng lợi mà người đã thành tựu do sở hành quỹ tắc thấy đều viên mãn như vậy, nhưng nếu hủy phạm tịnh giới, vì nhân duyên đây sẽ sanh vào đường ác, hoặc không có khả năng kham nhiệm đắc chỗ chưa đắc, nói rộng như trước. Nếu ở trong tội nhỏ vi tế kia mà thấy sợ hãi lớn và đối với học xứ phẩm thượng đã thọ học trước năng chân chánh tu hành, thì thân hoại mạng chung về sau sẽ sanh đường thiện, cũng có khả năng kham nhiệm đắc điều chưa đắc, nói rộng như trước. Do nhân duyên đây gọi là luật nghi Biệt giải thoát, như điều đã thọ ấy mà quán sát tăng thượng để thành tựu công đức thắng lợi cho chính bản thân.

Lại có môn khác, đó là Phật Thế Tôn trong đây lược hiển thị 3 chủng tánh giới: 1. Tánh giới thọ trì; 2. Tánh giới xuất ly; 3. Tánh giới tu tập.

Nếu nói rằng: an trụ đầy đủ giới, tức đây hiển thị tánh giới thọ trì. Nếu lại nói rằng: hay khéo thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát, tức đây hiển thị tánh giới xuất ly. Vì sao như thế? Bởi vì tịnh giới nhiếp vào Biệt giải thoát luật nghi nên biết gọi là tăng thượng giới học. Tức nương tăng thượng giới

học như vậy, tu tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Do vậy năng đắc tất cả khổ tận diệt, rốt ráo xuất ly. Xuất ly như vậy lấy tăng thượng giới làm tiền dẫn, làm chỗ y chỉ. Cho nên thuyết luật nghi Biệt giải thoát đây, gọi là tánh giới xuất ly. Nếu lại nói rằng: sở hành quĩ tắc thấy đều viên mãn, ở trong thọ học học xứ, đối với tội nhỏ vi tế thấy sợ hãi lớn, tức đây hiển thị tánh giới tu tập. Vì sao như thế? Nếu nương các tướng luật nghi Biệt giải thoát đã thuyết như vậy mà tu tập tịnh giới, gọi là khéo tu tập, cực khéo tu tập.

Như vậy hiện tiền tuyên thuyết 1 chủng luật nghi giới, nên biết 6 chủng giới còn lại cũng vậy.

Lại luật nghi giới đây do 10 nhân duyên nên bị khuyết tổn. Ngược lại với đây thì có 10 nhân duyên khiến viên mãn.

Sao gọi là 10 chủng nhân duyên khiến khuyết tổn? 1. Ban đầu ý ác thọ luật nghi giới; 2. Trì trệ quá mức; 3. Nổi trôi tán loạn quá mức; 4. Nhiếp thuộc phóng dật giải đãi; 5. Phát khởi tà nguyện; 6. Nhiếp thuộc quĩ tắc khuyết tổn; 7. Nhiếp thuộc tịnh mạng khuyết tổn; 8. Rơi vào hai biên; 9. Không thể xuất ly; 10. Hoại mất học xứ được thọ.

1. Sao gọi là ban đầu ý ác thọ luật nghi giới? Như có người ban đầu hoặc bị vua bức bách, hoặc bị giặc cướp bức bách, hoặc bị chủ nợ bức bách, hoặc do sợ hãi bức bách, hoặc lo âu việc mưu sinh mà cầu xuất gia. Chẳng phải vì tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn, chẳng vì tự điều phục mình, chẳng vì tự tịch tĩnh mình, chẳng vì tự mình Niết-bàn mà cầu xuất gia. Như vậy gọi là ban đầu ý ác thọ luật nghi giới.

2. Sao gọi là trì trệ quá mức? Như có người tánh không biết hổ thẹn, gây tạo điều ác thấp hèn. Kế đây có tánh chậm chạp, thực hành một cách chậm chạp đối với các học xứ. Như vậy gọi là trì trệ quá mức.

3. Sao gọi là nổi trôi tán loạn quá mức? Như có người chấp thủ điều ác kiên cố, làm các việc ác phi xứ. Đối với các việc ác không được làm, lại buông thả làm theo. Đối với người, phát khởi tâm khinh miệt phi xứ hoặc tâm não hại. Đối với những điều phi xứ, lại sanh khởi tâm hiểu biết mãnh lợi. Đây gọi là nổi trôi tán loạn quá mức.

4. Sao gọi là nhiếp thuộc phóng dật giải đãi? Như có người do đời quá khứ đã hủy phạm điều

cấm phạm. Có việc hủy phạm như vậy là do thất niệm. Đây thuộc loại chẳng thể như pháp trở lại thanh tịnh. Như do đời quá khứ, thì do đời vị lai, do đời hiện tại nên biết cũng vậy, người kia hủy phạm điều cấm phạm, có việc hủy phạm như vậy là do thất niệm. Đây thuộc loại chẳng thể như pháp được trở lại thanh tịnh. Lại trước kia ở nơi việc hủy phạm, người kia không mãnh liệt phát khởi vui muốn không phạm, tức là tự răn mình: “Ta quyết định phải như như sở hành, như như sở trụ; như vậy như vậy hành nơi sở hành, như vậy như vậy trụ nơi sở trụ. Đối với việc hủy phạm, trọn không được hủy phạm”. Người kia do nhân duyên tùy theo chỗ việc hành, trụ như vậy như vậy mà hủy phạm điều cấm phạm. Việc đây xảy ra là do việc làm trước kia cùng đồng hành với chỗ có phóng dật, đồng hành với tiền tế, đồng hành với hậu tế, đồng hành với trung tế.

Lại tự chấp thủ lấy việc ngủ nghỉ làm vui, lấy việc nằm ngửa làm vui, lấy việc nằm nghiêng làm vui. Tánh chẳng tinh cần lại thêm biếng nhác, không đủ sức tinh tấn vượt ra. Đối với các bậc đồng phạm hạnh có trí, chẳng thể thời thời tỉnh



hỏi, gằn gỏi, hầu hạ, phụng sự. Đây gọi là nhiếp thuộc phóng dật giải đãi.

5. Sao gọi là phát khởi tà nguyện? Như có người chỉ nương tà nguyện mà tu hành phạm hạnh, tự nói rằng: “Ta thực hành hoặc giới hoặc cấm, hoặc thường tinh tấn, hoặc tu phạm hạnh như vậy, sẽ được sanh cõi trời hay một cõi trời nào khác”. Hoặc lại vui thích lợi dưỡng cung kính mà tu hành phạm hạnh, tức nhân việc đây đòi hỏi người khác cung kính lợi dưỡng, lại ở nơi lợi dưỡng cung kính đây sanh sâu nhiễm trước. Như vậy gọi là phát khởi tà nguyện.

6. Sao gọi là nhiếp thuộc quĩ tắc khuyết tổn? Như có người hoặc ở nơi đường oai nghi, hoặc ở nơi công việc được làm, hoặc ở nơi gia hạnh các phẩm thiện, sở hữu quĩ tắc không thuận theo thế gian, trái vượt thế gian, không thuận Tỳ-nại-da, trái vượt Tỳ-nại-da, như trước đã nói rộng. Đây gọi là nhiếp thuộc quĩ tắc khuyết tổn.

7. Sao gọi là nhiếp thuộc tịnh mạng khuyết tổn? Như có người là tánh nhiều ham muốn, không biết tri túc, khó cấp dưỡng cho được đầy đủ. Không dùng chánh pháp, thường dùng phương tiện phi

pháp để truy cầu y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác.

Lại vì nhân duyên tham cầu chủng chủng y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác, phương tiện khoe khoang hiển bày bản thân mình có công đức thù thắng, đối trá tạo lập tích tập oai nghi khác thường. Vì đối gạt người nên thường đối hiện các căn không trao cử, các căn không lay động, các căn tịch tĩnh. Do đây khiến người thấy đức kỳ đặc nên cấp thí, ủng hộ nhiều việc khác, như cung cấp phụng sự các vật y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác.

Lại kẻ kia nhiều hung bạo, mạnh miệng đối trá kiêu căng, tô điểm tiếng thơm, ý cậy vào dòng họ. Vì lợi dưỡng mà cầu đa văn hay nhậm trì pháp. Lại cũng vì người tuyên thuyết chánh pháp hoặc do Phật thuyết, hoặc do đệ tử Phật thuyết. Hoặc tự tuyên nói mình có thật đức, hoặc ít phần thêm lên, hoặc đối trước người phương tiện hiện tướng.. Tất cả chỉ vì cầu y phục, hoặc vì cầu một trong số vật dụng của Sa-môn, hoặc vì cầu nhiều vật dụng của Sa-môn, hoặc vì cầu vật tốt đẹp tinh xảo. Tuy

không thiếu thốn mà hiện mặc áo quần rách xấu, vì muốn khiến trưởng giả, cư sĩ... tịnh tín biết được sự thiếu thốn của mình mà ân cần phụng sự cấp thí nhiều thứ y phục tốt đẹp. Như cầu y phục, thì cầu một trong số vật dụng khác của Sa-môn cũng vậy.

Lại đến nhà trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn tịnh tín, đối với những vật bản thân thích muốn mà cầu chẳng được đúng ý, hoặc gặp lúc thí chủ bị túng thiếu tài vật nên cầu không được, bèn cưỡng ép, nghiền ngẫm lời thô xấu để yêu cầu đòi hỏi. Hoặc thí chủ kia không thiếu thốn tài vật, nên kẻ kia tuy có được nhưng xấu kém, liền hiện tiền đối trước thí chủ hủy chê, quăng bỏ tài vật đã được, nói lời như sau: “Chao ôi! Thiện nam tử này, thiện nữ nhân kia, dòng họ của các ông bà ấy rất hạ liệt, tài sản rất nghèo thiếu, mà lại hay huệ thí nhiều vật dụng tốt đẹp vui lòng thích ý như vậy như vậy. Nay các ông bà mong muốn có được tài sản, dòng tộc sung túc đầy đủ, cố sao lại thí các thứ tiền của, vật dụng xấu kém, không đẹp ý như kia”.

Kẻ kia biểu hiện chủng chủng tương trạng hoặc nương dối trá, hoặc tà vọng ngữ, hoặc giả

hiện tướng, hoặc khổ bức để cầu, hoặc lấy lợi cầu lợi, phi pháp mong cầu từ người các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng, tiền của khác; không dụng như chánh pháp mà cầu. Do phi pháp như thế nên gọi là tà mạng. Như vậy gọi là nhiếp thuộc tịnh mạng khuyết tổn.

8. Sao gọi là rơi vào hai biên? Như có người mê đắm biên hành thọ dụng dục lạc, hoặc như pháp hoặc phi pháp để được từ người các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng tiền của khác, yêu thích ngấm nghĩa thọ dụng, chẳng thấy lỗi lầm họa hoạn, không biết lia bỏ. Đây gọi là biên thứ nhất.

Lại có một loại thích cầu biên hành thọ dụng tự hành khổ mình, dùng vô lượng môn tự thúc ép cơ thể thọ cực khổ sở, hoặc nằm trên gai dâm, hoặc lăn trong tro bụi, hoặc nằm trên chày gỗ, hoặc nằm trên tấm ván, hoặc đứng như chồn cáo, hoặc ngồi như chồn cáo mà tu đoạn Du-già; hoặc lại thờ lửa, đó là ba cách thức thờ lửa; hoặc lại ở trên nước, đó là ba cách thức ở trên nước; hoặc đứng một chân xoay chuyển theo hướng mặt trời, hoặc có các cách thức tự hành khổ khác. Hết thấy

kiểu tu tự hành khổ như thế là biên thứ hai.

Như vậy gọi là rơi vào hai biên.

9. Sao gọi là không thể xuất ly? Như có người hoặc giới hoặc cấm, do giữ lấy kiến chấp tự nghĩ: “Ta nhân hoặc giới hoặc cấm đây sẽ đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Tất cả ngoại đạo sở hữu cấm giới tuy khéo phòng hộ, tuy khéo thanh tịnh, nhưng thanh tịnh đây chẳng gọi là xuất ly”. Như vậy gọi là không thể xuất ly.

10. Sao gọi là hoại mất học xứ được thọ? Như có người không biết hổ thẹn, chẳng quan tâm đến việc của Sa-môn, hủy phạm tịnh giới, tập theo pháp ác. Trong lòng hư hoại mục nát, ngoài hiện tướng chân thật, như nước sạch mà sanh ra ốc sên, tiếng như ốc, hạnh như chó. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Như vậy gọi là hoại mất học xứ được thọ.

Lược do 10 chủng nhân duyên như vậy gọi là giới khuyết tổn.

Thế Tôn hoặc có lúc thuyết giới khuyết tổn, hoặc có lúc thuyết giới khó khăn, phải biết đều ở trong các nhân duyên trên. Nói lược do hai nhân

duyên, đó là không thể ra khỏi xa lìa và hoại mất học xứ được thọ. Nếu do nhân duyên khác phải biết chỉ gọi là giới khuyết tổn. Như những gì đã an lập đây là nhân duyên phẩm hắc, trái lại là nhân duyên phẩm bạch, được gọi là giới viên mãn, giới thanh tịnh.

Lại có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là căn bản, như trong Già-tha thuyết:

*Nếu khéo trụ căn bản  
Nơi tâm liền tịch tĩnh  
Nhân thánh kiến, ác kiến  
Tương ưng, không tương ưng.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là vật trang nghiêm, như trong Già-tha thuyết:

*Bí-sô, Bí-sô-ni  
Giới trang nghiêm viên mãn  
Nơi bất thiện năng xả  
Nơi thiện năng tu tập.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là hương xoa, như trong Già-tha thuyết:

*Bí-sô, Bí-sô-ni*

*Giới hương xoa viên mãn  
Nơi bất thiện năng xả  
Nơi thiện năng tu tập.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là hương huân, như trong Già-tha thuyết:

*A-nan, có loại hương  
Khéo năng thuận gió huân  
Cũng năng nghịch gió huân  
Thuận nghịch cũng vậy huân.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là diệu hành, như trong Già-tha thuyết:

*Thân diệu hành năng cảm  
Các dị thực khả ái  
Ở hiện pháp đương lai  
Ngữ diệu hành cũng vậy.*

Có chỗ Thế Tôn tuyên thuyết giới gọi là luật nghi, như trong Già-tha thuyết:

*Có các huệ thí chủ  
Trụ đủ luật nghi giới  
Có A-cấp-ma kiến  
Và có quả chánh kiến.*

Lại thuyết an trụ đầy đủ giới, khéo năng thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát như trước nói rộng.

**Hỏi:** Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là căn bản?

Đáp: Vì nghĩa năng kiến lập, vì nghĩa năng giữ gìn, đây là nghĩa căn bản. Do giới đây kiến lập giữ gìn tất cả thế gian và xuất thế gian, năng dẫn không tội, khiến sanh khởi, khiến chúng được công đức an lạc tối thắng bậc nhất. Thí như đại địa là nơi kiến lập giữ gìn tất cả cỏ cây, thảo dược, rừng rậm, khiến chúng sống còn, khiến chúng sinh trưởng vậy. Như vậy giới nói rộng như trước.

**Hỏi:** Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là vật trang nghiêm?

Đáp: Các vật trang sức thù diệu ở thế gian như bông tai, nhẫn, vòng đeo tay, vòng xuyên, cho đến bảo ấn, vàng bạc trang sức trên đầu. Nếu có người đang độ tuổi ấu niên tóc đen, tuổi thiếu niên cường tráng sung mãn, có hình sắc mỹ diệu, mà lại được trang điểm bằng các thứ trang sức thế gian, thì càng tăng thêm phần kiêu diễm cho thân. Nếu dùng để trang sức cho người già suy yếu, răng rụng, tóc bạc, tuổi quá tám mươi chín mươi, thì không



thể thêm phần diệu hảo cho thân, chỉ trừ những kẻ đóng tuồng khiến người vui. Cũng chẳng thể dùng để trang sức cho người mắc phải bệnh khổ, thiếu thốn tiền của, mất người thân, để làm cho tướng diệu hảo hơn. Nhưng lấy giới làm vật trang nghiêm, thì ở tất cả loài, tất cả thời, nếu có người dùng đây làm đồ trang sức đều khiến tướng trở nên diệu hảo. Cho nên nói giới gọi là vật trang nghiêm.

**Hỏi:** Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là hương xoa?

**Đáp:** Do lãnh thọ sự thanh tịnh, vô tội, diệu thiện của giới đây, năng chánh khiến trừ tất cả giới ác đã thọ. Giới ác đây là nhân sanh nhiệt não thân tâm. Thí như lúc nóng nực cực độ, dùng hương chiên-đàn, hoặc long não... xoa thân, thì tất cả nóng bức được tiêu trừ. Cho nên giới gọi là hương xoa.

**Hỏi:** Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là hương huân?

**Đáp:** Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới cụ túc, tiếng khen diệu thiện trải khắp muôn phương, tiếng ca tụng được nghe khắp nơi. Thí như chủng chủng

hương thơm của gốc, thân, cây... theo gió lan tỏa khắp nơi, hương thơm ngào ngạt thích ý tỏa khắp gần xa. Cho nên nói giới gọi là hương huân.

**Hỏi:** Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là diệu hành?

**Đáp:** Do thiện hạnh thanh tịnh của giới đây năng hướng đến an lạc vi diệu, hướng đến cõi trời vi diệu, hướng đến an ổn vi diệu. Cho nên nói giới gọi là diệu hành.

**Hỏi:** Duyên gì Thế Tôn nói giới gọi là luật nghi?

**Đáp:** Do thiện pháp thanh tịnh của giới đây là tánh phòng hộ, là tướng tận trừ, là thể xa lìa. Cho nên nói giới gọi là luật nghi.

Lại giới luật nghi có 3 tướng nhân quán thanh tịnh. Những gì là ba? 1. Quán thân nghiệp; 2. Quán ngữ nghiệp; 3. Quán ý nghiệp.

Sao phải quán sát các nghiệp như vậy thì luật nghi giới đều được thanh tịnh? Đó là khi hành chuyển thân nghiệp, mong muốn sẽ tạo, mong muốn đang tạo, quán sát như vậy: “Thân nghiệp của ta đây là hay tổn mình cũng lại tổn người, là tánh bất thiện, năng sanh các khổ, chiêu cảm quả dị

thực khổ”, hoặc “Thân nghiệp của ta đây là không tổn mình cũng không tổn người, là tánh thiện, năng sanh các niềm vui, chiêu cảm quả dị thực vui”. Quán như vậy rồi, hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây là hay tổn mình cũng lại tổn người, là tánh bất thiện, năng sanh các khổ, chiêu cảm quả dị thực khổ”, bèn ở nơi nghiệp đây thu nhiếp thúc liễm, cũng không tạo tác, cũng không trợ giúp cho nó được thuận tiện. Hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây không tổn mình không tổn người, là tánh thiện...”, còn lại như trước đã nói, bèn ở nơi nghiệp đây không cần thu nhiếp thúc liễm, lại năng khiến tạo tác, hỗ trợ cho nó được thuận tiện.

Lại đối với thân nghiệp đã tạo tác ở quá khứ cũng luôn quán sát: “Thân nghiệp của ta đây là năng tổn mình...”, còn lại như trước đã nói. Quán sát như vậy rồi, hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây tổn mình tổn người...”, còn lại như trước đã nói, bèn ở chỗ bậc đồng phạm hạnh có trí như thật phát lồ, như pháp hối trừ. Hoặc tự rõ biết: “Thân nghiệp của ta đây chẳng tổn mình người...”, còn lại như trước đã nói, liền sanh hoan hỷ, đêm ngày an

trụ, nhiều triển chuyển tu học.

Như vậy người kia đối với sự tạo tác của thân nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, năng khéo quán sát, năng khéo thanh tịnh. Như đối với thân nghiệp, thì đối với ngữ nghiệp nên biết cũng vậy.

Do hành quá khứ làm duyên sanh ý, do hành vị lai làm duyên sanh ý, do hành hiện tại làm duyên sanh ý, tức ở nơi ý đây luôn luôn quán sát: “Ý nghiệp của ta đây là năng tổn mình..”, còn lại như trước đã nói. Quán như vậy rồi hoặc tự rõ biết: “Ý nghiệp của ta đây là phẩm hắc”, bèn ở nơi nghiệp đây thu nhiếp thúc liễm, cũng không cho sanh khởi, cũng không giúp đỡ cho nó được thuận tiện. Hoặc tự rõ biết: “Ý nghiệp của ta đây thuộc phẩm bạch”, bèn ở nơi nghiệp đây chẳng thu nhiếp thúc liễm, trái lại phát khởi, cũng giúp đỡ cho nó được thuận tiện.

Như vậy người kia đối với chỗ phát khởi ý nghiệp ở quá khứ, vị lai, hiện tại, năng khéo quán sát, năng khéo thanh tịnh. Vì sao như thế? Bởi Sa-môn, Bà-la-môn sở hữu ba chủng nghiệp thân, ngữ, ý ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc đã quán sát, hoặc sẽ quán sát, hoặc đang quán sát; hoặc đã

thanh tịnh, hoặc sẽ thanh tịnh, hoặc đang thanh tịnh; hoặc đã trụ nhiều, hoặc sẽ trụ nhiều, hoặc đang trụ nhiều, tất cả đều do quán sát như thế, thanh tịnh như thế. Như Phật Thế Tôn từng vì trưởng lão La-Hổ-La mà dạy:

*Nay ông La-Hổ-La,  
Nơi thân ngữ ý nghiệp  
Phải luôn chánh quán sát  
Nhớ chú Phật thánh dạy.  
La-Hổ-La, ông nên  
Học nghiệp Sa-môn này  
Nếu năng như đây học  
Chỉ thắng thiện không ác.*

Hoặc ở nơi thân, ngữ, ý nghiệp, chánh tư duy quán xét sâu xa như vậy: “Các nghiệp của ta đây là năng tổn mình”, nói rộng như trên. Quán sát như thế, hoặc ở một phần, thu nhiếp thúc liễm, cũng không tạo tác, cũng không giúp đỡ cho nó được thuận tiện, nói rộng cho đến phát lồ hối trừ; hoặc ở một phần, không thu nhiếp thúc liễm, ngược lại tạo tác, cùng với giúp đỡ cho nó được thuận tiện, nói rộng cho đến liên sanh hoan hỷ, đêm ngày an

trụ, nhiều triển chuyển tu học, gọi là thanh tịnh.

Luật nghi giới thanh tịnh như vậy, nên biết có 10 công đức thắng lợi. Những gì là mười?

1. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc, quán sát tự thấy mình giới được thanh tịnh nên được không hối hận, vì không hối hận nên phát sanh vui, vì phát sanh vui nên phát sanh hỷ, vì tâm hỷ nên thân được khinh an, vì thân khinh an nên lãnh thọ lạc thù thắng, vì lạc nên tâm định, vì tâm định nên năng như thật biết, năng như thật thấy, vì như thật thấy biết nên năng sanh khởi nhàm chán, vì năng sanh khởi nhàm chán nên được lìa nhiễm, vì lìa nhiễm nên chứng đắc giải thoát, vì được giải thoát nên tự thấy biết “ta đã giải thoát”, cho đến “ta năng đối với Vô dư y Niết-bàn sẽ Bát-niết-bàn”. Như vậy là bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới cụ túc, vì lực thanh tịnh của giới tăng thượng, nên thành tựu không hối hận, dần dần thứ lớp cho đến năng đến Niết-bàn. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ nhất của luật nghi giới.

2. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, vào lúc lâm chung khởi niệm như vậy: “Thân, ngữ, ý của ta đã hành thiện. Thân, ngữ, ý của ta chẳng

phải hành ác, cho đến nói rộng. Nếu có chỗ nên đến, thì những chỗ ấy là nơi của người tạo phước nghiệp, của người tạo thiện nghiệp, của người năng cứu giúp khỏi các việc sợ hãi. Đối với những chốn ấy ta nhất định sanh về”. Do bổ-đặc-già-la sĩ phu tâm không hối hận, gọi là chết một cách tốt lành, chết yếu một cách tốt lành, qua đời một cách tốt lành. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ hai của luật nghi giới.

3. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, tiếng khen ngợi hiền thiện tốt đẹp trải khắp muôn phương, tiếng ca tụng được nghe khắp. Đây gọi công đức thắng lợi thứ ba của luật nghi giới.

4. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, khi ngủ an ổn, khi thức an ổn, thân tâm xa lìa tất cả nhiệt não. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ tư của luật nghi giới.

5. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, hoặc thức, hoặc ngủ đều được chư thiên bảo hộ. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ năm của luật nghi giới.

6. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, đối trước các việc hung bạo của người khác, tâm

không lo lắng, cũng không có các điều sợ hãi, xa lìa tâm kinh hãi lo sợ. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ sáu của luật nghi giới.

7. Có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, đối với người ham ưa sát giết, những người oán thù, bạn ác, tuy có sự oán giận cũng thường bảo hộ, hoặc làm bạn lành, hoặc có tâm đối xử bình thường, vì biết đây là bồ-đặc-già-la thọ đầy đủ giới. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ bảy của luật nghi giới.

8. Có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, đối với tất cả các loại phi nhân như vọng lượng, được-xoa, thần giữ nhà... tuy được dịp thuận tiện, tuy có sự oán giận, cũng thường thủ hộ. Đây do lực tăng thượng của đầy đủ giới. Đây gọi là công đức thắng lợi thứ tám của luật nghi giới.

9. Có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, nhân nương giới lực tăng thượng nên từ người thu được các thứ lợi dưỡng như y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng khác không khó khăn; cũng được quốc vương, đại thần, thứ dân, các trưởng giả nhiều tài bảo, các thương chủ... cung kính tôn trọng. Đây gọi là công đức



thắng lợi thứ chín của luật nghi giới.

10. Có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ giới Cụ túc khác, tất cả sở nguyện đều được toại ý. Nếu vui muốn nguyện sanh cõi Dục, sẽ sanh hoặc vào gia tộc lớn nhà Sát-đế-lợi, hoặc vào gia tộc lớn nhà Bà-la-môn, hoặc vào gia tộc lớn nhà Cư sĩ, hoặc vào gia tộc lớn nhà Trưởng giả; hoặc sanh trong chúng đồng phạm của cõi trời Tứ đại thiên vương, hoặc cõi trời Tam thập tam, hoặc cõi trời Dạ-ma, hoặc cõi trời Đổ-sử-đa, hoặc cõi trời Hóa lạc, hoặc cõi trời Tha hóa tự tại. Do tịnh giới nên được tùy theo sở nguyện như ý vãng sanh.

Hoặc vui nguyện nhập các tinh lự, hiện pháp lạc trú. Hoặc trụ hoặc sanh đồng phạm trong chúng của cõi trời Hữu sắc. Do tịnh giới nên được ly dục, sở nguyện đều được toại ý.

Hoặc vui nguyện thắng giải tịch tịnh, vượt qua Sắc định, nhập Vô sắc định, đầy đủ an trụ. Hoặc sẽ được vãng sanh đồng phạm với chúng chư thiên của cõi trời Vô sắc, còn lại như trước đã nói.

Hoặc lại vui nguyện sẽ chứng Niết-bàn tối cực cứu cánh. Do tịnh giới nên chứng tất cả ly dục rốt ráo.

Đây gọi là công đức thắng lợi thứ mười của luật nghi giới.

Như vậy đã biện biệt rộng về giới uẩn, đó là giới uẩn khuyết tổn, giới uẩn viên mãn, giới uẩn môn khác, giới uẩn quán sát và thanh tịnh, sở hữu công đức thắng lợi của giới uẩn. Trong đây tuyên thuyết khai thị rõ ràng tất cả chủng tướng luật nghi giới, nhiếp thuộc tư lương tối cực viên mãn. Nếu có các thiện nam tử tự mình vui thích tánh Sa-môn, tánh Bà-la-môn nên siêng năng tu học.



## Quyển 23

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

#### Phần đầu DU GIÀ XỬ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-2

e. *Sao gọi là luật nghi căn?* Như có người năng khéo an trụ mật hộ căn môn, phòng thủ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm... cho đến nói rộng.

Sao gọi là mật hộ căn môn? Đó là phòng thủ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm, nói rộng cho đến phòng hộ ý căn và chánh tu hành luật nghi ý căn. Như vậy gọi là mật hộ căn môn.

Sao gọi là phòng thủ chánh niệm? Như có người vì lực mật hộ căn môn tăng thượng, thâm nhiếp lãnh thọ nhiều sự lắng nghe, tư duy, tu tập. Do lực văn, tư, tu tăng thượng nên đạt được chánh niệm. Vì muốn chánh niệm đã được đây không bị mất đi, vì hướng đến sự chứng đắc, vì khiến không hoại mất, nên trong mọi lúc, ở nơi hoặc văn, hoặc tư, hoặc tu đã đắc, chân chánh thực hành Du-già,

chân chánh tinh cần tu tập, không lìa bỏ gia hạnh, không ngừng nghỉ gia hạnh. Như vậy thành tựu niệm do tích tập nhiều lắng nghe, tư duy, tu tập. Do đây mọi lúc đều khéo năng phòng hộ giữ gìn, chánh thực hành ứng dụng văn, tư, tu Du-già. Như vậy gọi là phòng thủ chánh niệm.

Sao gọi là thường thuận theo chánh niệm? Tức là ở nơi niệm đây, hằng thường thực hành, tỉ mỉ thuận theo thực hành. Nên biết trong đây hằng thường thực hành gọi là thực hành không gián đoạn. Tỉ mỉ thuận theo thực hành gọi là thực hành cẩn trọng. Như thế tức ở nơi thực hành không gián đoạn và thực hành cẩn trọng đây, lược chung gọi là thường thuận theo chánh niệm.

Như chỗ có thực hành “phòng thủ chánh niệm”, như vậy ở nơi niệm được không quên mất. Như chỗ có thực hành “thường thuận theo chánh niệm”, như vậy ở nơi không quên mất niệm, được sức nhậm vận giữ gìn. Do công năng thế lực của sức đây, nên năng chế phục được sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sao gọi là niệm phòng hộ ý? Đó là sắc của mắt làm duyên sanh khởi nhãn thức. Nhãn thức không gián đoạn, sanh khởi ý thức phân biệt. Do ý thức

phân biệt đây, nên ở nơi sắc tướng của sắc khả ái phát sanh nhiễm trước, ở nơi sắc tướng của sắc không khả ái phát sanh ghét giận. Lúc bấy giờ nương sức tăng thượng của niệm như vậy, nên năng phòng hộ được sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, khiến không thể sanh khởi sở hữu phiền não. Như vậy nói rộng tai, mũi, lưỡi, thân nên biết cũng vậy.

Pháp của ý làm duyên sanh ý thức. Do ý thức đây, ở nơi pháp tướng của sắc khả ái phát sanh nhiễm trước, ở nơi pháp tướng của sắc không khả ái phát sanh ghét giận, cho nên ý thức đây câu hành với phân biệt không như lý năng phát khởi phiền não. Lúc bấy giờ, nương sức tăng thượng của niệm phòng hộ như trên, nên năng phòng hộ sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, khiến không sanh khởi sở hữu phiền não. Như vậy gọi là niệm phòng hộ ý.

Sao gọi là hành vị bình đẳng? Khi nói vị bình đẳng, đó là hoặc khéo xả, hoặc vô ký xả. Ở nơi sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, vì trước đã khéo phòng hộ, nay chánh hành ở trong sự khéo xả, vô ký xả. Cho nên nói là hành

vị bình đẳng. Như vậy gọi là hành vị bình đẳng.

Sao gọi là ở nơi sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, năng khéo phòng hộ? Tức là đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo, trọn không nương kia phát sanh các tầm tư ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Người kia có lúc vì lạc mất niệm, hoặc vì phiền não thiêu đốt quá mạnh mẽ, tuy lià nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo, nhưng lại phát sanh pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Nếu rơi trong hoàn cảnh như vậy, tức liền tu hành luật nghi. Do hai tướng đây, nên ở nơi sự phát khởi phiền não của ý cùng phân biệt không như lý, năng khéo phòng hộ.

Sao gọi là ý đây do hai tướng nên được khéo phòng hộ, chánh hành khéo xả hoặc vô ký xả? Tức là do 2 chủng tướng. Sao gọi là 2 tướng? Như đã nói, tức là phòng hộ căn mắt và chân chánh tu hành luật nghi căn mắt. Như nói phòng hộ luật nghi căn mắt, thì phòng hộ căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý và chân chánh tu hành luật nghi căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Do hai tướng đây, nên ở trong sự khéo xả và vô ký xả khiến ý chánh hành.

Sao gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, không nắm giữ tướng ấy? Nói nắm giữ tướng, tức là ở nơi sắc sở hành của nhãn thức, do vì nhãn thức nắm giữ tướng sở hành, như vậy gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, chấp giữ tướng ấy. Nếu năng xa lìa cảnh tướng sở hành của nhãn thức như vậy, gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết không nắm giữ tướng ấy. Như ở nơi sắc được mắt nhận biết, thì ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết nên biết cũng vậy.

Sao gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, không nắm giữ tùy hảo? Nói nắm giữ tùy hảo, tức là ở nơi sắc được mắt nhận biết, nhãn thức không gián đoạn đồng sanh với ý thức phân biệt, chấp giữ cảnh tướng sở hành, hoặc năng sanh khởi tham, hoặc năng sanh khởi sân, hoặc năng sanh khởi si. Đây gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, chấp giữ tùy hảo. Nếu năng xa lìa tướng sở hành đây, ở nơi sở duyên không sanh khởi ý thức, gọi là ở nơi sắc được mắt nhận biết, không nắm giữ tùy hảo.

Như ở nơi sắc được mắt nhận biết, thì ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết nên biết cũng vậy.

Lại có loại nắm giữ tướng, nắm giữ tùy hảo khác.

Nói nắm giữ tướng, đó là cảnh giới của sắc ở chỗ có thể thấy, năng sanh khởi tác ý đúng lúc, thì mắt thấy các thứ sắc. Như vậy gọi là nắm giữ tướng.

Nói nắm giữ tùy hảo, đó là cảnh giới sắc ở chỗ có thể thấy, năng sanh khởi tác ý đúng lúc, mắt thấy các thứ sắc rồi, do thời trước đã từ người được nghe ở nơi sắc được mắt nhận biết như vậy như vậy, liền tùy theo danh, cú, văn thân đã được nghe, lấy đây làm chỗ nương, làm chỗ trụ, làm chỗ tăng thượng. Bồ-đặc-già-la sĩ phu như vậy tùy theo điều đã được nghe, phân biệt chủng chủng sắc được mắt nhận biết. Như vậy gọi là nắm giữ tùy hảo.

Như ở nơi sắc được mắt nhận biết, thì ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết nên biết cũng vậy.

Lại nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo đây, hoặc có người do nhân duyên đây, do chỗ nương đây, do tăng thượng đây, phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Hoặc có người do nhân duyên đây, do chỗ nương đây, do tăng thượng đây, không phát sanh chủng chủng pháp ác



bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Nếu ở trong đây, nắm giữ tướng, nắm giữ tùy hảo không như chánh lý, do nhân duyên đây, do chỗ nương đây, do tăng thượng đây, sẽ phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy. Như vậy, người kia ở nơi cảnh giới loại sắc, nên xa lìa nắm giữ tướng cho đến nắm giữ tùy hảo.

Sao gọi là pháp ác bất thiện? Là các thân hành ác, các ngữ hành ác, các ý hành ác, do các tham dục và tham khiến sanh khởi. Là các thân hành ác, các ngữ hành ác, các ý hành ác, do hai chủng hoặc các sân khuể, hoặc các ngu si khiến sanh khởi. Như vậy gọi là chủng chủng pháp ác bất thiện.

Sao gọi là do kia khiến tâm rỉ chảy? Nếu ở nơi cảnh giới sở duyên kia kia, tâm, ý, thức phát sanh rong ruổi, trôi chảy tán loạn. Tức là ở nơi cảnh giới sở duyên kia kia cùng tương ứng với chủng chủng tâm, ý, thức phát sanh rong ruổi, trôi chảy tán loạn, năng khiến sanh khởi thân, ngữ hành ác, tham, sân, si. Đây gọi là do kia khiến tâm rỉ chảy.

Như vậy, ở nơi sắc được mắt nhận biết, cho

đến ở nơi pháp được ý nhận biết mà nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo, sẽ khiến phát sanh chủng chủng tạp nhiễm. Người kia năng xa lìa nắm giữ tướng và nắm giữ tùy hảo, nên không sanh khởi chủng chủng tạp nhiễm. Nếu bị lạc niệm, hoặc bị phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, tuy sống một mình ở chốn không nhà, nhưng do lực của sắc được mắt nhận biết tăng thượng mà trước kia đã thấy, hoặc do lực thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết tăng thượng mà trước kia đã từng lãnh thọ, nên phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện. Tùy theo sự việc đã phát sanh mà không chấp trước, tâm liền đoạn diệt, trừ bỏ, biến đổi, nhổ bỏ. Đây gọi là ở nơi kia, tu hành luật nghi.

Hoặc ở nơi sắc được mắt nhận biết phải sách phát căn mắt; hoặc ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết phải sách phát căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tức liền trải khắp tất cả chủng mà phát khởi sách tấn, sách tấn như thế khiến không tạp nhiễm. Do nhân duyên đây, ở nơi tạp nhiễm phòng hộ căn mắt, nói rộng cho đến phòng hộ căn ý. Như vậy gọi là phòng hộ căn mắt, nói rộng cho đến phòng hộ căn ý.

Hoặc ở nơi sắc được mắt nhận biết không còn phải sách phát căn mắt; hoặc ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp được tai, mũi, lưỡi, thân, ý nhận biết không còn phải sách phát căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tức liền trải khắp tất cả chủng mà không còn phát khởi sách tấn. Vì không còn phải phát khởi sách tấn, tức không tạp nhiễm. Như vậy gọi là năng chánh tu hành luật nghi của căn mắt, nói rộng cho đến năng chánh tu hành luật nghi của căn ý.

Như vậy nên biết đã phân biệt rộng tướng luật nghi căn.

Phải biết nghĩa tóm lược của phần này thế nào? Tức là hoặc năng phòng hộ, hoặc sở phòng hộ, hoặc từ đó phòng hộ, hoặc như đó phòng hộ, hoặc chánh phòng hộ. Tất cả như vậy lược chung làm một, gọi là luật nghi căn.

Nay ở trong đây cái gì là năng phòng hộ? Là phòng thủ chánh niệm và tu tập thường thuận theo chánh niệm, gọi là năng phòng hộ.

Cái gì là sở phòng hộ? Là phòng hộ căn mắt, phòng hộ căn tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đây gọi là sở phòng hộ.

Từ cái gì phòng hộ? Từ sắc khả ái, sắc không khả ái, nói rộng cho đến từ pháp khả ái, pháp không khả ái của căn mà chánh phòng hộ.

Phòng hộ như thế nào? Là không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo. Nếu nương nơi đó phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rĩ chảy, tức ở nơi đó tu hành luật nghi. Vì phòng hộ gìn giữ căn gọi là tu luật nghi.

Phòng hộ như vậy, cái gì là chánh phòng hộ? Là do chánh niệm, phòng hộ ở nơi ý, hành vị bình đẳng. Như vậy gọi là chánh phòng hộ.

Lại nghĩa tóm lược theo cách khác, đó là hoặc phương tiện phòng hộ, hoặc sự việc được phòng hộ, hoặc chánh phòng hộ, tất cả như vậy lược chung làm một, gọi là luật nghi căn.

Phương tiện phòng hộ thế nào? Là phòng thủ chánh niệm, thường thuận theo chánh niệm. Mắt thấy sắc rồi, không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo, nói rộng cho đến ý biết pháp rồi, không nắm giữ tướng, không nắm giữ tùy hảo. Nếu nương chỗ đây, phát sanh chủng chủng pháp ác bất thiện khiến tâm rĩ chảy, tức ở chỗ đây tu hành luật nghi. Vì phòng thủ căn nên gọi là tu hành luật nghi.

Như vậy gọi là phương tiện phòng hộ.

Sự việc được phòng hộ là gì? Là sắc của mắt, cho đến pháp của ý. Như vậy gọi là sự việc được phòng hộ.

Chánh phòng hộ thế nào? Như sự việc đã nói, tức do chánh niệm phòng hộ ở nơi ý, hành vị bình đẳng, gọi là chánh phòng hộ.

Lại luật nghi căn tóm lược có 2 chủng: 1. Nhiếp thuộc lực tư trạch; 2. Nhiếp thuộc lực tu tập.

Luật nghi căn nhiếp thuộc lực tư trạch: ở nơi cảnh giới thấy sâu quá hoạn, mà đối với sở hữu quá hoạn đây không thể khiến trừ đoạn diệt.

Luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập: ở nơi cảnh giới thấy sâu quá hoạn, cũng năng đối với sở hữu quá hoạn đây khiến trừ đoạn diệt.

Lại do luật nghi của căn nhiếp thuộc lực tư trạch, nên ở nơi cảnh sở duyên, khiến phiền não triền không sanh khởi trở lại, không hiện tiền trở lại. Nhưng ở nơi nương tựa sở y, tùy miên không thể đoạn trừ, không thể nhổ bật vĩnh viễn.

Do luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập, nên ở nơi cảnh sở duyên, phiền não tùy miên không sanh khởi trở lại, không hiện tiền trở lại. Tất cả

thời khắc, ở nơi nương tựa sở y, sở hữu tùy miên cũng năng đoạn trừ, cũng năng nhổ bật vĩnh viễn.

Như vậy, luật nghi căn nhiếp thuộc lực tư trạch và luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập có sự sai biệt đây, có ý thú đây, có sự riêng khác đây. Phải biết trong đây luật nghi căn nhiếp thuộc lực tư trạch là nhiếp thuộc đạo tư lương. Còn luật nghi căn nhiếp thuộc lực tu tập, nên biết đọa nhiếp Ly dục địa.

*f. Sao gọi là đối với việc ăn uống biết lượng?*  
Như có người do chân chánh suy xét trong việc ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu mạn phóng dật, không vì tướng đẹp, không vì đoan nghiêm cho đến nói rộng.

Sao gọi là do chân chánh suy xét trong việc ăn uống thức ăn? Chân chánh suy xét đây tức như thật dùng diệu tuệ... theo đó quán sát quá hoạn của đoan thực. Đã thấy lỗi lầm tai họa, sanh sâu chán ghét, sau đó mới nuốt xuống cổ họng.

Sao gọi là quán thấy lỗi lầm tai họa? Ở nơi đoan thực được ăn đây, hoặc quán lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được thọ dụng, hoặc quán lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn chuyển biến,

hoặc quán lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được truy cầu.

- Sao gọi là chỗ có lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được thọ dụng? Như có người sắp muốn ăn, thức ăn cắt nhỏ dùng cho việc thọ dụng có sắc, hương, vị, xúc, thủy đều tuyệt hảo thật tinh diệu. Từ đây không gián đoạn đưa vào trong miệng, được răng nhai nhuyễn, trộn lẫn với dịch của nước miếng tiết ra. Được nhai nát rồi, sau nuốt xuống cổ họng mới gọi là ăn. Tất cả tướng ngon ngọt vốn có của thức ăn ban đầu làm tăng thêm phần thích ý, lúc này đều biến đổi, chuyển thành tướng dơ uế. Khi qua khỏi yết hầu, lúc chuyển đổi có tướng trạng như đồ ói ra. Bồ-đặc-già-la khéo biết ăn, chân chánh nhớ nghĩ tướng trạng, mùi vị dơ uế đây. Đối với tất cả tinh diệu của thức ăn khác chưa biến đổi, ngay lúc đầu còn chẳng thể sanh vui thích mà ăn, huống là vui thích ở giai đoạn này. Do quán hết thấy tướng như thế chẳng phải một tướng mạo, khi thọ dụng, tướng tinh diệu của thức ăn uống dần dần mất đi, tướng xấu phát sanh nhiếp thuộc bất tịnh. Như vậy gọi là chỗ có lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn được thọ dụng.

- Sao gọi là lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn chuyển biến? Thức ăn uống đây khi đã ăn rồi, được biến đổi tiêu hóa. Thức ăn kia lúc đã biến đổi, chẳng phải một chủng mà nhiều chủng chủng phẩm loại các vật bất tịnh. Đến giữa đêm hoặc gần sáng, ở trong thân một phần của sự chuyển hóa năng nuôi dưỡng máu, thịt, gân, mật, xương, tủy, da... khiến được tăng trưởng. Kế đến một phần biến thành phân tiểu dơ uế. Đã biến thành rồi, sau đó hướng xuống đường dưới được đẩy ra ngoài. Do đây hằng ngày luôn phải tẩy rửa hoặc tay, hoặc chân, hoặc các chi tiết khác. Nếu lúc lỡ chạm phải đồ dơ, hoặc mình, hoặc người đều sanh nhờm gớm.

Lại do duyên ăn uống đây, trong thân phát sanh nhiều thứ bệnh tật, đó là ung nhọt, lác khô, lác ướt, ghẻ lở, cùi hủi, mụn nhọt, trái rạ, nấc cụt, điên, động kinh, bệnh lạnh nóng, máu nóng, phù thũng... Vô lượng các loại bệnh như thế, hoặc do việc ăn uống gây ra khiến trong thân phát khởi, hoặc do ăn uống không quân bình điều hòa, nên không tiêu hóa được mà tồn lại trong thân. Đây gọi là chỗ có lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn chuyển biến.



- Sao gọi là lỗi lầm tai họa của chủng loại thức ăn do truy cầu? Đó là trong quá trình truy cầu chủng loại thức uống ăn có nhiều tai họa: hoặc có tai họa trong việc chứa nhóm gây ra, hoặc có tai họa trong việc bảo quản giữ gìn gây ra, hoặc có tai họa do hủy hoại tình thân thuộc gây ra, hoặc có tai họa do không biết chán đủ gây ra, hoặc có tai họa do chẳng được tự tại gây ra, hoặc có tai họa do làm ác gây ra.

Sao gọi là tai họa trong việc chứa nhóm gây ra? Như có người vì nhân duyên thức uống ăn, khi thời tiết lạnh phải chịu sự bức bách của lạnh, khi thời tiết nóng phải chịu sự bức bách của nóng. Vô số sự vất vả lao nhọc để có được thức ăn chưa có được, hoặc để tích trữ mà phải gắng sức gây tạo các sự nghiệp, như làm nông, chăn nuôi, giữ trâu, cày cấy, trồng trọt, kế toán, sách vở, in ấn, chạm khắc... cùng với vô số nghề nghiệp công xảo khác. Như vì thức uống ăn, thì vì duyên uống ăn nên biết cũng vậy. Lúc lao nhọc cần cù vất vả gắng sức tìm cầu như thế, sự nghiệp gây tạo nếu không được toại lòng, do nhân duyên đây buồn khổ ưu não, đấm ngực ưu bi, khóc lóc mê ngất, tự than thở: “Công

sức của ta bỏ ra thật uổng phí, sao lại không có kết quả thế này?”. Như vậy gọi là tai họa do chứa nhóm thức ăn gây ra.

Sao gọi là tai họa do bảo quản giữ gìn thức ăn gây ra? Như có người gây dựng tạo làm sự nghiệp được vừa ý. Vì nhân duyên giữ gìn, nên sanh khởi trầm ngâm buồn rầu: “Chớ để tài bảo của ta sẽ bị xâm đoạt hoặc do vua, giặc cướp, hoặc bị lửa thiêu, hoặc bị nước cuốn trôi...”. Hoặc tài bảo kia bị hao tổn vì quả của việc làm ngày trước, hoặc do phương tiện gây dựng sự nghiệp không chân chánh, hoặc do người khác đố kỵ, hoặc do trước kia chung vốn sanh lời bị người có sức mạnh hơn đoạt mất, hoặc do trong nhà tự phát lửa. Như vậy gọi là tai họa do bảo quản, giữ gìn thức ăn gây ra.

Sao gọi là tai họa do hủy hoại tình thân thuộc gây ra? Những người thế gian vì nhân duyên thức ăn uống mà khởi nhiều sự đấu tranh. Cha con, mẹ con, anh em, bạn bè, vì việc ăn uống mà còn tàn hại chống đối lẫn nhau. Huống chi với người chẳng phải thân thích, vì nhân duyên thức uống ăn, làm sao tránh khỏi không đấu tranh kiện tụng lẫn nhau? Như các đại tộc Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng

giả, Cư sĩ vì nhân duyên ăn uống, nhanh chóng dấy khởi đấu tranh làm hại lẫn nhau, dùng tay, chân, dao, gậy, ngói, đá gia hại lẫn nhau. Như vậy gọi là tai họa do hủy hoại tình thân gây ra.

Sao gọi là tai họa do không biết chán đủ gây ra? Các quốc vương dòng Sát-đế-lợi khi lên ngôi làm lễ quán đảnh, ở trong bờ cõi của mỗi vị vua đều có vương đô, thành ấp, làng mạc... mà chẳng biết bằng lòng vui đủ, dấy khởi quân binh vũ khí chinh phạt lẫn nhau: thối tù và, đánh trống khua chiêng, phóng lao, bắn tên, cầm mâu, cầm gươm, chỉ huy trận mạc, dùng thiết binh, kỵ binh, tượng binh, bộ binh dàn trận đánh nhau... Hoặc cầm gươm đao giết hại lẫn nhau khiến thân bị tổn hại, hoặc đi đến chết, hoặc đau đớn gần chết... hoặc có các loại khác như thế. Như vậy gọi là tai họa do không biết chán đủ gây ra.

Sao gọi là tai họa do không được tự tại gây ra? Lại có người bị vua ra lệnh phải trấn giữ thành. Nhân việc làm đây nên buộc phải tiếp xúc với vô số dầu nóng, phẩn nóng, đồng sắt nóng đỏ, tạt lẫn nhau. Hoặc phải cầm gươm đao giết hại lẫn nhau khiến thân bị tổn hại, hoặc đi đến chết, hoặc đau

đơn gần chết... hoặc có các loại khác như thế. Như vậy gọi là tai họa do không được tự tại gây ra.

Sao gọi là tai họa do phát khởi các việc làm ác gây ra? Như có người vì nhân duyên uống ăn mà thân tạo tác chứa nhóm các ác hành. Như thân ác hành, thì ngữ ác hành, ý ác hành cũng vậy. Đến lúc sắp lâm chung, bị các bệnh nặng khổ sở bức bách. Do thân, ngữ, ý trước kia gây tạo chủng chủng ác hành lực tăng thượng, nên khi lâm chung thấy có các núi hoặc các ngọn núi chập chùng treo lơ lửng, bóng núi phủ trùm, hoặc sắp phủ trùm, hoặc đã phủ trùm, liền suy nghĩ này: “Ta xưa nương thân, ngữ, ý gây tạo các nghiệp ác, chỉ có tội không có phước. Nếu chỗ đi đến ắt hẳn là chỗ của những kẻ tạo ác kia. Nay ta chắc chắn sẽ đến nơi ấy”. Hối hận như vậy rồi liền xả mạng, đã xả mạng rồi theo nghiệp sai biệt mà sanh đến các đường ác, đó là địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Như vậy gọi là tai họa do tạo các hành ác gây ra.

Như vậy đoạn thực vào lúc truy cầu có các quá hoạn, vào lúc thọ dụng có các quá hoạn, vào lúc chuyển biến có các quá hoạn.

Lại đoạn thực đây có ít lợi ích thù thắng. Đây

lại có nghĩa gì? Tức thân đây nhờ thức uống ăn mà được tồn tại, nương thức uống ăn mà được đứng vững, chẳng phải không cần uống ăn.

Sao gọi là có ít lợi ích thù thắng? Tức nương thức uống ăn mà tồn tại thân như vậy, hoặc sống lâu nhất thì trải qua một trăm năm, hoặc được nuôi dưỡng thích hợp có khi tuổi thọ kéo dài hơn một chút. Nếu đang lúc nuôi dưỡng, hoặc ăn quá ít, hoặc ăn thiếu sẽ dẫn đến chết yểu.

Nếu chỉ giữ gìn thân đây tạm thời an trú để hoạt động, thì chẳng phải là diệu hành; nếu tạm thời an trú ở nơi thân đây mà sanh vui đủ, thì chẳng phải diệu vui đủ; cũng chẳng phải lãnh thọ công đức lợi ích thù thắng viên mãn vô tội của sự ăn uống tạo ra. Nếu không chỉ giữ gìn thân đây tạm thời an trú để hoạt động, cũng không chỉ tạm thời an trú ở nơi thân đây mà sanh vui đủ, nhưng tức nương trụ nơi thân tạm thời này để tu tập phạm hạnh khiến được viên mãn, đây mới là diệu hành, diệu vui đủ; lại năng lãnh thọ công đức thù thắng lợi ích viên mãn vô tội của việc ăn uống tạo ra. Nên tự suy nghĩ: “Ta nếu cùng ngu phu đồng phạm kia, tập theo những hạnh đồng phạm ngu phu

này, thì chẳng phải là điều ta cần làm. Ta nếu đối với đoạn thực thấp kém đây mà vui trụ với ít phần thắng lợi, thì cũng không phải điều ta cần làm”.

Nếu ở nơi lỗi lầm tai họa của tất cả chủng loại đoạn thực như thế đã biết đầy đủ rồi, dùng chân chánh suy xét thấy sâu các quá hoạn mà cầu ra khỏi. Đó là vì cầu ra khỏi việc ăn, nên đối với việc ăn đoạn thực tưởng như ăn thịt con. Phải nên khởi nghĩ này: “Những người thí chủ kia chịu nhiều gian khổ, vất vả, khó khăn để tích góp tiền của, lãnh thọ vô số lỗi lầm tai họa do mong muốn tìm cầu rộng lớn gây ra. Nay vì lòng bi mẫn, vì cầu quả thù thắng tốt đẹp mà như cắt da thịt chích máu để huệ thí. Ta được thức ăn uống đây phải phương tiện thọ dùng thích đáng, tức là tự mình phải an trú như pháp nơi sự thọ dụng không điên đảo, dằn ơn thí chủ khiến họ đạt được những quả báo thù thắng, lợi ích lớn, vinh hoa lớn, hưng thịnh viên mãn”. Phải theo như *Kinh Nguyệt Dụ* đã dạy mà đi đến nhà thí chủ, tẩy rửa thức liễm thân tâm, an trú tầm quý, xa lìa kiêu ngạo, không đề cao mình, cũng không khinh miệt người khác. Như các thứ lợi dưỡng mình thu được, tâm sanh vui lòng đẹp ý,

thì đối với chỗ được lợi dưỡng của người khác, cũng vui lòng đẹp ý như vậy.

Lại phải giữ gìn tâm mình như thế khi đến nhà thí chủ. Há lại có người xuất gia đến nhà người khác mà chủ yếu chỉ mong cầu họ cấp thí, chẳng phải không huệ thí; chủ yếu mong cầu người khác cung kính, chẳng phải không cung kính; phải nhiều, chẳng phải là ít; phải đợc tốt đẹp, chẳng phải đợc thô xấu; phải cúng nhanh chóng, chẳng đợc chậm chạp ư? Nên khởi nghĩ như vậy khi đến nhà thí chủ: “Giả như không đợc cấp thí, ta trọn không ở nơi người kia mà khởi tâm oán hại và tâm sân hận, hiềm khích oán giận nhau, để rồi thân hoại về sau sanh vào các đờng ác chịu nhiều sự nguy hại, khốn khổ. Giả sử thí chủ không cung kính, chẳng phải cung kính; giả sử cúng ít, chẳng phải nhiều; giả sử thô xấu, chẳng phải tốt đẹp; giả sử chậm chạp, chẳng phải nhanh chóng, cũng không do đây đối với thí chủ khởi tâm oán hại cùng tâm sân khuể mà hiềm hận lẫn nhau..” nói rộng như vậy.

Lại: “Ta nên nương thức ăn uống của đoạn thực đây, phát khởi chánh hành như vậy như vậy...”. Ở nơi hạn lượng đây, như thật hiểu rõ thấu đạt, đó

là “mạng căn của ta do thức ăn này mà không bị hoại diệt”.

Lại: “Đối với thức ăn uống đây, không vì khó nhọc, ham thích, chỉ vừa đủ để có thể tùy thuận nhiếp thọ phạm hạnh. Như vậy ta nay trụ tánh Samôn, trụ tánh xuất gia mà thọ dụng thức ăn uống thanh tịnh như pháp, xa lìa các tội”.

Các tướng như trên tức là dùng chân chánh suy xét ý nghĩa “ăn uống vật thực”.

Sao gọi là thức ăn? Đó là 4 loại thức ăn: 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý... tư thực; 4. Thức thực. Nay nghĩa đây ý muốn nói về đoạn thực. Sự việc đây lại như thế nào? Đó là nhiều thứ phẩm loại như bánh, lương khô, cơm, canh, cá, thịt, tô, dầu, mỡ, đường, mật, nộm, cháo, cháo nhuyễn... được trộn lẫn với nhau, vo tròn từng phần từng phần nhỏ để ăn, nên gọi là đoạn thực. Chỗ nói ăn đây, đó là ăn nhai nhuyễn, nuốt xuống yết hầu, nếm, mút, uống... Đây là tên gọi khác nhau.

Sao gọi là chẳng vì ca hát phóng túng? Như có kẻ vui thọ dục, vì thọ các dục mà ăn uống thức ăn. Kẻ kia suy nghĩ rằng: “Ta ăn uống thức ăn đây để làm cho thân được no đủ, khiến cho thân được đầy



đủ thỏa mãn. Ngày qua đi, đến xế chiều, rồi lại đến đêm, ta sẽ cùng thiếu nữ trang sức lộng lẫy vui đùa, cùng thọ hưởng hoan lạc, ca hát phóng túng”. Nói ca hát phóng túng, tức là như trong thánh pháp Tỳ-nại-da nói đến sở hữu các tầm tư ác bất thiện của kẻ thọ dục, bị tham dục dẫn dắt, bị dâm dật dẫn dắt. Do đây khi ăn các thức ăn khiến các căn thấy đều trạo cử, khiến cho ý bị nhiễu động, khiến cho ý bất an, khiến cho ý không tịch tịnh. Nếu kẻ thọ dụng thức uống ăn vì việc đây, gọi là ca hát phóng túng mà thọ dụng thức uống ăn. Các bậc Thánh chúng đệ tử đa văn, dùng lực tư trạch thấy sâu các quá hoạn, khéo biết xa lìa mà thọ dụng thức uống ăn, chẳng phải như việc ăn uống thức ăn của những kẻ thọ dục kia. Cho nên gọi là thọ dụng thức uống ăn chẳng phải vì ca hát phóng túng.

Sao gọi là chẳng vì kiêu ngạo phóng dật, chẳng vì trang sức tướng đẹp, chẳng vì đoan nghiêm? Như có kẻ vui thọ dụng các dục, vì thọ các dục mà ăn thức uống ăn. Kẻ kia khởi nghĩ rằng: “Ta nay cần phải ăn nhiều thức ăn, ăn thật no. Tùy theo năng lực mà ăn những thức ăn đầy đủ sắc hương vị tinh ngon, khiến tăng thêm sự bổ dưỡng, béo mập.

Qua đêm nay cho đến sáng mai, ta có đủ sức lực để ganh đua độ sức trong việc luyện võ như võ, xoa, đập, đá, nâng, nhảy, bước xéo, vung tay, khoa đao, múa kiếm, đấu nỏ, giương cung, ném vòng, quăng dây... Nương vào các việc đấu võ độ sức như vậy, sẽ được dững mãnh tráng kiện, sức lực sung mãn, sống lâu không bệnh, trẻ khỏe lâu bền, không chóng già suy, thọ mạng kéo dài. Ta lại có thể ăn nhiều thức ăn, ăn rồi ăn nữa, tiêu hóa mau lẹ, tật bệnh tiêu trừ”. Như vậy tức là kiêu mạn phóng dật vì không tật bệnh, kiêu mạn phóng dật vì sức trẻ, kiêu mạn phóng dật vì sống lâu, mà ăn uống thức ăn. Sau khi đã thi võ độ sức với nhau rồi, lại suy nghĩ rằng: “Ta cần phải tắm gội”, bèn dùng các thứ nước thơm tắm gội nơi thân. Sau khi tắm gội xong, dùng lược chải tóc, rồi dùng các thứ diệp hương xoa lên thân, xoa rồi lại mặc các y phục tốt đẹp bậc nhất, những vật trang sức để trang nghiêm cho thân. Trong đây, tắm gội, chải tóc, xoa hương gọi là trang sức tướng đẹp. Đã trang sức tướng đẹp rồi, lại dùng các thứ y phục mỹ diệp, hoa cài đầu, đồ trang sức để trang nghiêm cho thân. Như vậy gọi là vì trang sức tướng đẹp, vì đoan nghiêm mà ăn

uống thức ăn.

Kẻ kia đã kiêu ngạo phóng dật trong việc trang sức tướng đẹp, đoan nghiêm thân rồi, vào ban ngày hoặc xế chiều, đói khát lại kéo đến là lúc sắp muốn ăn. Đối với thức uống ăn, sanh tâm rất mong muốn, rất vui rất thích, chẳng thấy tai họa, chẳng biết xa lìa. Từ thức ăn uống có được, ăn rồi lại tiếp tục ca hát phóng dật, trang sức tướng đẹp, đoan nghiêm cho thân, ăn uống cho nhiều, no đủ thỏa thích. Các Thánh chúng đệ tử đa văn dùng lực tư trạch thấy sâu quá hoạn, khéo biết ra khỏi xa lìa mà thọ dụng các thức uống ăn, không phải như kẻ thọ dụng mà ăn uống thức ăn. Các vị ấy chỉ khởi niệm: “Ta nay không nên tập quen gần gũi với việc ăn uống, cần phải đoạn trừ. Ta muốn vĩnh viễn đoạn trừ việc ăn uống như vậy”.

Sao gọi là vì thân an trụ mà ăn uống thức ăn? Túc là đã ăn uống rồi thọ mạng được tồn tại, chẳng phải không ăn uống mà thọ mạng được tồn tại, gọi là thân an trụ. Ta nay thọ lãnh thức ăn uống đây mà thọ mạng được tồn tại, sẽ không bị chết yếu. Do nhân duyên đây thân được an trụ, năng tu tập chánh hạnh, vĩnh viễn đoạn trừ các việc ăn uống.

Sao gọi là vì tạm giữ gìn các chi phần cơ thể mà ăn uống thức ăn? Đây lược nói có 2 cách nuôi dưỡng sống còn: 1. Nuôi dưỡng sống còn có khó khăn; 2. Nuôi dưỡng sống còn không khó khăn.

- Sao gọi là việc nuôi dưỡng sống còn có khó khăn? Tức là lãnh thọ thức uống ăn như vậy, luôn tăng thêm sự đói khát, gầy yếu, khốn khổ, trọng bệnh. Hoặc dùng phi pháp mà truy cầu thức uống ăn, không dùng chánh pháp. Lúc có được rồi, sanh tâm nhiễm ái, ham thích tham lam, mê muội chấp đắm kiên cố, say sưa thọ dụng. Hoặc có kẻ ăn rồi, thân thể nặng nề không thể chịu đựng, không nhậm vận tu đoạn. Hoặc có kẻ ăn rồi, tâm bị trì độn, không thể nhanh chóng đắc định. Hoặc có kẻ ăn rồi, khiến hơi thở ra vào qua lại rất khó khăn. Hoặc có kẻ ăn rồi, khiến tâm luôn bị trôi buộc nhiễu loạn của hôn trầm thù miên. Như vậy gọi là việc nuôi dưỡng sống còn có khó khăn.

- Sao gọi là việc nuôi dưỡng sống còn không khó khăn? Tức là lãnh thọ thức uống ăn như vậy, khiến không đói khát gầy yếu, không có khốn khổ cùng với trọng bệnh. Hoặc dùng chánh pháp truy cầu việc uống ăn, chẳng phải dùng phi pháp. Lúc

có được rồi, không nhiễm không ái, cũng không ham thích, tham ăn, mê muội, chấp trước kiên cố, say sưa thọ dụng. Thọ dụng như vậy khiến thân không trì nặng, có khả năng chịu đựng, kham nhiệm việc tu đoạn, khiến tâm nhanh chóng đắc Tam-ma-địa. Lại khiến hơi thở vào ra không bị khó khăn, khiến tâm không bị sự quấy nhiễu của hôn trầm thụy miên. Như vậy gọi là việc nuôi dưỡng sống còn không khó khăn.

Nếu việc nuôi dưỡng sống còn có khó khăn để thọ mạng được tồn tại, thân được an trụ, đây gọi là có tội, cũng có nhiễm ô. Nếu việc nuôi dưỡng sống còn không khó khăn, thọ mạng được tồn tại, thân được an trụ, đây gọi là không tội, cũng không nhiễm ô. Các Thánh chúng đệ tử đa văn xa lìa việc nuôi dưỡng sống còn có tội, có nhiễm ô; tu tập thân cận với việc nuôi dưỡng sống còn không có tội, không nhiễm ô. Như vậy nên nói vì tạm giữ gìn chi phần thân thể.

**Hỏi:** Như thế nào để tu tập thân cận việc nuôi dưỡng sống còn không có tội, không nhiễm ô, như trước đã nói?

**Đáp:** Nếu lãnh thọ thức ăn uống vì trừ đói

khát, vì nhiếp phạm hạnh, vì đoạn thọ cũ, vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại, vì nuôi dưỡng sức vui không tội, an trụ yên ổn, thì gọi là tu tập thân cận việc nuôi dưỡng sống còn không có tội, không nhiễm ô cho sự sống của chính mình.

Sao gọi là vì trừ đói khát mà thọ lãnh các thức ăn uống? Đến gần lúc ăn, sanh nhiều cảm giác đói khát, khí lực suy yếu, mong muốn được ăn uống. Vì muốn dùng sự ràng buộc bức bách của cảm giác đói khát, cảm giác khí lực suy yếu, thì phải *biết lượng* mà ăn. Ăn như vậy rồi, khiến lúc phi thời không bị sự bức bách ràng buộc của đói khát, gây yếu. Phi thời tức là vào xế chiều, hoặc ở đêm khuya, cho đến sáng hôm sau, chưa đến lúc ăn. Như vậy gọi là vì trừ đói khát mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì nhiếp phạm hạnh mà thọ lãnh các thức ăn uống? Tức là như lượng mà thọ lãnh các thức uống ăn. Do nhân duyên đây, người tu phẩm thiện hoặc ở hiện pháp, hoặc ở trong ngày, sau khi ăn uống thân không trì nặng, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn, khiến tâm nhanh chóng đắc Tam-ma-địa, khiến hơi thở ra

vào không bị khó khăn, khiến tâm không bị ràng buộc nhiều loạn bởi hôn trầm thù miên. Do đây nhanh chóng có sức khỏe, có khả năng đắc điều chưa đắc, xúc điều chưa xúc, chứng điều chưa chứng. Như vậy gọi là vì nhiếp phạm hạnh mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì đoạn thọ cũ mà thọ lãnh các thức ăn uống? Như có người do trong quá khứ ăn không biết lượng, ăn thức ăn không nên ăn, ăn không tiêu mà tiếp tục ăn. Do nhân duyên đây, trong thân sanh khởi chủng chủng tật bệnh, như ghẻ lở, phong hủi, trái rạ... nói rộng như trước. Do nhân duyên chủng chủng tật bệnh đây, trong thân lãnh thọ phát sanh khổ não thiêu đốt mạnh mẽ, mãnh liệt, không dễ chịu vừa ý. Vì muốn đoạn trừ tật bệnh như vậy và vì đoạn trừ những thọ khổ phát sanh từ nhân duyên đây, nên tập quen thân cận các loại thuốc phù hợp mà lương y nói, nên thuận theo thầy thuốc và thọ lãnh các thức uống ăn thích hợp. Do đây năng đoạn trừ tật bệnh đã sanh và nhân duyên phát sanh thọ khổ kia. Như vậy gọi là vì đoạn thọ cũ mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại

mà thọ lãnh các thức ăn uống? Như có người do ở hiện tại không bệnh, an vui, khí lực đầy đủ, ăn uống biết lượng, không ăn thức ăn không nên, cũng chẳng phải chưa tiêu hóa mà lại ăn thêm khiến ở vị lai thức ăn tồn đọng trong thân thành bệnh, hoặc khiến ở trong thân phát sanh một trong số các bệnh, đó là ghẻ lở, phong hủi, trái rạ, mụn nhọt... như trước đã nói rộng. Do nhân duyên đây, trong thân sẽ sanh chủng chủng thọ khổ như trước nói rộng, còn lại như trước đã nói. Như vậy gọi là vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại mà thọ lãnh các thức ăn uống.

Sao gọi là vì phải nuôi dưỡng, sức khỏe, niềm vui, không tội, an trụ yên ổn mà thọ lãnh các thức uống ăn? Sau khi đã ăn uống rồi, thọ mạng được tồn tại, gọi là nuôi dưỡng. Hoặc trừ đói khát gây yếu, gọi là sức khỏe. Hoặc vì đoạn trừ thọ cũ khiến thọ mới chẳng sanh trở lại, gọi là niềm vui. Hoặc dùng chánh pháp truy cầu thức ăn uống mà không nhiễm ô, không ái trước cho đến nói rộng, nên thọ dụng thức uống ăn; đây gọi là không tội. Hoặc thọ dụng ăn uống rồi thân không nặng nề, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn như



trước nói rộng... đây gọi là an trụ yên ổn.

Cho nên nói rằng: Do chân chánh suy xét mà ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu căng phóng dật, không vì trang sức tương đẹp, không vì đoan nghiêm... cho đến nói rộng. Như vậy gọi là đã biện biệt rộng đối với việc ăn biết lượng.

Nên biết nghĩa tóm lược của phần này thế nào? Đó là hoặc thức uống ăn được thọ dụng, hoặc ăn uống như vậy, nên biết gọi chung là nghĩa tóm lược.

Sao gọi là thức uống ăn được thọ dụng? Là các loại đoan thực, gồm bánh, bột, cơm, canh, thịt, cháo... như trước đã nói rộng.

Sao gọi là ăn uống? Tức là chân chánh suy xét mà ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tương đẹp, không vì đoan nghiêm... cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết nghĩa tóm lược của phần này, đó là vì nhiếp thọ đối trị, vì xa lìa biên hành dục lạc, vì xa lìa biên tự khổ hạnh, vì nhiếp thọ phạm hạnh mà thọ lãnh các thức uống ăn.

Sao gọi là vì nhiếp thọ đối trị mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Do chân chánh suy xét ăn uống thức ăn”.

Sao gọi là vì xa lìa biên hành dục lạc mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng đẹp, không vì đoan nghiêm mà ăn uống thức ăn”.

Sao gọi là vì xa lìa biên tự khổ hạnh mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Vì trừ đói khát, vì đoạn trừ thọ cũ, vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại, vì nuôi dưỡng, sức khỏe, niềm vui mà ăn uống thức ăn”.

Sao gọi là vì nhiếp phạm hạnh mà thọ lãnh các thức uống ăn? Như đã nói rằng: “Vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì được không tội, an trụ yên ổn mà ăn uống thức ăn”.

Lại nữa, nên biết nghĩa tóm lược của phần này. Đó là có 2 chủng: 1. Không có thức uống ăn; 2. Có thức uống ăn.

Không có thức uống ăn: là tất cả loại hoàn toàn không có thứ gì để ăn. Vì không có thức uống ăn nên bị chết yểu.

Có thức uống ăn lại có 2 chủng: 1. Ăn uống quân bình; 2. Ăn uống không quân bình.

- Ăn uống quân bình: hoặc chẳng phải ăn quá ít, hoặc chẳng phải ăn quá nhiều, hoặc chẳng phải ăn thức ăn không nên, hoặc chẳng phải ăn không tiêu, hoặc chẳng phải ăn nhiễm ô.

- Ăn uống không quân bình: hoặc ăn quá ít, hoặc ăn quá nhiều, hoặc ăn thức ăn không nên, hoặc ăn không tiêu, hoặc ăn nhiễm ô.

Nên biết trong đây, do ăn quân bình, chẳng phải ăn quá ít, khiến sự đói khát gây yếu của thân chưa sanh thì không sanh, đã sanh thì đoạn diệt. Do ăn quân bình, chẳng phải ăn quá nhiều, nên thân không nặng nề, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn như trước đã nói rộng. Do ăn quân bình, chẳng phải ăn thức ăn không nên, chẳng phải ăn không tiêu, năng đoạn trừ thọ cũ khiến thọ mới chẳng sanh trở lại. Do nhân duyên đây, nên được nuôi dưỡng, hoặc sức khỏe, hoặc niềm vui. Do ăn quân bình, chẳng phải ăn nhiễm ô, sẽ được không tội, an trụ yên ổn. Do ăn quá ít, tuy nuôi dưỡng tồn tại mạng sống, mà bị đói khát gây suy, cũng có ít sự sống còn. Do ăn quá nhiều, như

gánh vác nặng nề, thức ăn không thể dễ dàng tiêu hóa. Do thức ăn chẳng tiêu hóa, hoặc tồn đọng trong thân thành bệnh, hoặc sanh một trong số các bệnh khổ cho thân. Như do ăn thức ăn không tiêu, thì do ăn thức ăn không nên cũng vậy, nhưng có phần sai biệt ở chỗ là trong thân chứa nhóm các quá hoạn, do đây lại mắc phải bệnh khổ rất nặng. Do ăn nhiễm ô, truy cầu một cách phi pháp các thức uống ăn rồi, có nhiễm có ái, ham thích tham lam mà thọ dụng, cho đến nói rộng như trước. Do thọ dụng thức uống ăn quân bình và xa lìa việc uống ăn không quân bình, nên nói ở nơi việc ăn uống có những việc làm quân bình.

Tức việc làm quân bình ở nơi việc ăn uống này, rộng dùng các câu sau để tuyên dạy, mở bày, hiển rõ. Đó là những câu nói: “Do chân chánh suy xét ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng đẹp, không vì đoan nghiêm” như trước đã nói rộng.

Trong đây nói lời: “Do chân chánh suy xét ăn uống thức ăn, không vì ca hát phóng túng, không vì kiêu ngạo phóng dật, không vì trang sức tướng

đẹp, không vì đoan nghiêm. Chỉ vì thân được an trụ, vì tạm giữ gìn chi phần”. Do đây ngăn chặn việc đều không dùng thức uống ăn.

Hoặc lại nói lời: “Vì trừ đói khát, gây suy, vì nhiếp phạm hạnh, nói rộng cho đến an trụ yên ổn”. Do đây ngăn chặn việc ăn uống không quân bình.

Sao gọi là ngăn chặn việc ăn uống không quân bình? Hoặc lại nói lời: “Vì trừ đói khát, gây suy”, do đây ngăn chặn việc ăn quá ít. Hoặc lại nói lời: “Vì nhiếp phạm hạnh”, do đây ngăn chặn việc ăn quá nhiều. Hoặc lại nói lời: “Vì đoan thọ cũ, vì khiến thọ mới chẳng sanh trở lại”, do đây ngăn chặn việc ăn không tiêu, ăn thức ăn không nên. Hoặc lại nói lời: “Vì sẽ nuôi dưỡng, vì sẽ được sức khỏe”, do đây hiển bày việc ăn không quá ít, không quá nhiều. Hoặc lại nói lời: “Vì sẽ được niềm vui”, do đây hiển bày việc tiêu hóa rồi mới ăn và ăn thức ăn nên ăn. Hoặc lại nói lời: “Vì được không tội, an trụ yên ổn”, do đây hiển bày việc ăn không nhiễm ô. Vì cố sao? Nếu dùng phi pháp truy cầu thức uống ăn, sau khi được rồi nhiễm ái mà thọ dụng, như trước đã nói rộng, gọi là ăn nhiễm ô,

cũng gọi là có tội.

Nếu có người đối với phẩm thiện siêng tu tập, an trú chốn a-lan-nhã, tác ý theo Du-già, thọ trì đọc tụng, tư duy nghĩa lý. Do người kia tâm tư các ác bất thiện khiến tâm rỉ chảy, khiến tâm tương tục, tùy thuận thú hưởng nhập vào việc ăn uống, do nhân duyên đây trụ không an ổn.

An trú yên ổn đây lại có 2 chủng: 1. Xa lìa thức uống ăn quá nhiều, do nhân duyên đây, thân không nặng nề, có khả năng kham chịu, kham nhiệm việc tu đoạn, như trước đã nói rộng; 2. Đối với thức ăn, không sanh khởi đắm trước mùi vị của nó. Do nhân duyên đây, xa lìa sự nhiễu động của các tâm tư ác mà an trú yên ổn. Cho nên tất cả câu như vậy, đều vì tuyên nói, chỉ dạy, mở bày, hiển rõ: “Việc làm quân bình nơi việc ăn uống”.

Như vậy gọi là đã tuyên nói tóm lược rộng ý nghĩa đối với việc ăn uống biết lượng.



## Quyển 24

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

#### Phần đầu DU GIÀ XỨ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-3

*g. Đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già:*

Sao gọi là đầu đêm? Sao gọi là cuối đêm? Sao gọi là tỉnh thức Du-già? Sao gọi là thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già?

Nói đầu đêm: trong một đêm chia ra làm bốn phần, quá phần đầu và một phần kế tiếp, gọi là đầu đêm.

Nói cuối đêm: trong bốn phần của đêm, hơn một phần sau gọi là cuối đêm.

Tỉnh thức Du-già: như đã nói, vào ban ngày kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng, đến đầu đêm kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng cũng vậy. Sau đó, ra ngoài trú xứ rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau, trụ tưởng quang minh, chánh niệm, chánh

biết, tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm. Đến cuối đêm, nhanh chóng thức dậy, kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Siêng năng tu tập tĩnh thức Du-già: như có đệ tử Phật đã được nghe pháp “tĩnh thức Du-già” nên vui muốn tu học. Vị kia nương theo “tĩnh thức Du-già” tác niệm như vậy: “Ta ở nơi đó đã được trọn nghe Đức Phật dạy về tĩnh thức Du-già, ta phải phát tâm vui muốn tinh tấn cần mẫn, phát khởi sức dũng mãnh vượt qua. Sách tấn trong lòng, gắng sức liên tục không gián đoạn, quyết chắc vượt qua những ngăn che không thể chế phục”.

Trong đây, sao gọi là vào ban ngày kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng?

Nói lúc ban ngày: là từ khi mặt trời mọc cho đến mặt trời lặn.

Nói kinh hành: là trong chu vi chiều dài, chiều rộng vừa phải, nghiệp thân tương ưng hoặc đi qua, hoặc đi lại.

Nói tĩnh tọa: như có người hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa bằng cỏ lá, ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa (bối niệm).



Nói chướng: là 5 chủng cái. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân khuể cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo cử ác tác cái và nghi cái.

Nói pháp thuận chướng: là pháp năng dẫn dắt cái, thuận theo cái. Gì là pháp thuận cái? Là tướng tịnh diệu, tướng sân khuể, tướng tối tăm, tướng tầm tư về thân thuộc, đất nước, bất tử, hoặc truy đuổi nhớ nghĩ những việc cười đùa vui vẻ đã qua ở ba thời, hoặc suy nghĩ pháp phi lý ở ba thời.

**Hỏi:** Khi kinh hành, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Sao nói là từ pháp chướng kia tịnh tu trong lòng?

**Đáp:** Tức là từ hôn trầm thùy miên cái, cùng với pháp chướng năng dẫn hôn trầm thùy miên, tịnh tu nơi lòng. Vì trừ bệnh kia, ở nơi tướng quang minh, khéo léo tinh cần, gấp rút khẩn thiết, khéo chọn lọc, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt, lấy tâm câu hữu với tướng quang và tâm câu hữu với tướng minh đến lui kinh hành, hoặc ở chỗ ẩn khuất, hoặc ở chỗ trống trải. Khi đi kinh hành, tùy duyên vào một cảnh giới tịnh diệu, cực thiện hiển hiện, khiến khích lệ sách tấn nơi lòng. Đó là hoặc niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm

giới, niệm xả, hoặc trở lại niệm thiên. Hoặc ở nơi các pháp tương ưng với quá hoạn của tướng hôn trầm thụy miên, vì đoạn trừ kia, dùng vô lượng môn hủy chê quở trách lỗi lầm của hôn trầm thụy miên, hoặc dùng vô lượng môn xưng khen tán thán công đức của việc vĩnh viễn đoạn tận hôn trầm thụy miên, như Khế kinh, Ứng tụng, Kỳ biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị. Lại vì đoạn trừ kia, ở nơi chánh pháp đã được nghe phải thọ trì, dùng âm thanh lớn hoặc đọc hoặc tụng, vì người khai mở chỉ dạy, cùng với tư duy các nghĩa, xứng lượng quán sát. Hoặc quán góc vuông, hoặc xem sao trăng, đường đi của chúng. Hoặc lấy nước lạnh rửa chân, rửa mặt, rửa mắt. Do đây hôn trầm thụy miên triền cái chưa sanh chẳng thể sanh, đã sanh được khiể trừ. Dùng những phương tiện như vậy từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

**Hỏi:** Khi tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Sao nói là từ pháp chướng kia tịnh tu trong lòng?

**Đáp:** Từ bốn pháp chướng tịnh tu trong lòng, đó là tham dục, sân khuể, trạo cử ác tác, nghi cái,

cùng với pháp năng dẫn phát chướng kia, tịnh tu trong lòng. Vì khiến tham dục triền cái đã sanh nhanh chóng trừ sạch, vì muốn xa lìa thật xa tham dục triền cái chưa sanh, nên ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa. Lúc ấy hoặc quán xanh bầm máu ứ, hoặc quán máu mủ thối rửa, hoặc quán biến hoại, hoặc quán tương sinh, hoặc quán bị cầm thú cắn xé ăn nuốt, hoặc quán trơ xương, hoặc quán xương cốt, hoặc quán móc nối liền, hoặc quán xương móc nối liền nhau; hoặc khởi ý tư duy tùy theo một tướng hiền thiện định; hoặc nương theo chánh pháp tương ứng với sự tuyên thuyết các quá hoạn của tham dục, như Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... cho đến nói rộng. Ở trong pháp đây, vì đoạn trừ tham dục, dùng vô lượng môn quả trách hủy chê các lỗi lầm của tham dục, ái dục, chất chứa dục, giữ gìn dục, chấp đắm dục. Lại dùng vô lượng môn khen ngợi tán thán công đức của việc vĩnh viễn đoạn dứt tất cả tham dục. Vì đoạn trừ tham dục, nên nơi chánh pháp đây lắng nghe thọ trì, lời khéo thông lợi, ý khéo tầm tư, cái nhìn khéo thông đạt, cũng tức là như pháp đây tinh tọa, như lý tư duy. Do nhân duyên

đây, tham dục triền cái chưa sanh chẳng thể sanh, đã sanh liền khiến trừ. Dùng những phương tiện như thế gọi là từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Đối với sân khuể cái có sự sai khác. Đó là khi tĩnh tọa như vậy, dùng tâm câu hữu với từ, không oán không thù, không tổn không nã, tâm rộng lớn vô lượng, cực khéo tu tập; phát khởi thắng giải đầy đủ an trụ trái khắp một phương, rồi phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng vậy; phát khởi thắng giải đầy đủ an trụ trái khắp trên, dưới các bên, phổ biến tất cả vô biên thế giới... còn lại như trước đã thuyết.

Đối với trạo cử ác tác cái có sự sai khác. Đó là khi tĩnh tọa như vậy, khiến tâm an trụ bên trong, thành tựu trọn vẹn nhất hướng, chứng đắc tam-ma-địa, còn lại như trước đã thuyết.

Đối với nghi cái đây có sự sai khác. Đó là khi tĩnh tọa như vậy, ở đời quá khứ, ở đời vị lai, ở đời hiện tại, không được tác ý tư duy không như lý: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Ta ở quá khứ là từng có gì? Từng có như thế nào? Ta ở vị lai là sẽ có chăng? Sẽ có thế nào? Ta ở hiện

tại, cái gì đang có? Có như thế nào? Nay hữu tình đây từ đâu mà đến? Ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”. Ở nơi hết thảy tác ý tư duy không như chánh lý như vậy, phải chân chánh xa lìa.

Phải như lý tư duy đời quá khứ, vị lai, hiện tại, tức là chỉ thấy có pháp, chỉ thấy có sự, biết có là có, biết không là không; chỉ quán có nhân, chỉ quán có quả. Đối với việc thật không, không tăng không giảm; đối với việc thật có, không hủy không báng; đối với việc thật có, phải biết thật có. Ở trong tất cả pháp vô thường, khổ, không, vô ngã rõ biết vô thường, khổ, không, vô ngã. Thường dùng tư duy như lý như vậy, bèn ở chỗ Phật không nghi không hoặc, còn lại như trước đã thuyết. Đối với Pháp, đối với Tăng, đối với khổ tập diệt đạo, đối với nhân và các pháp do nhân sanh, cũng không nghi không hoặc, còn lại như trước đã thuyết.

Lại đối với sân khuể cái nên khởi nghĩ như vậy: “Vì đoạn trừ sân khuể và tướng sân khuể, ở nơi chánh pháp đây, nên lắng nghe, thọ trì...” cho đến nói rộng.

Đối với trạo cử ác tác cái nên khởi nghĩ như vậy: “Vì đoạn trừ trạo cử ác tác và pháp thuận

triền cái kia, ở nơi chánh pháp đây, nên lắng nghe, thọ trì...” cho đến nói rộng.

Đối với nghi cái nên khởi nghi như vậy: “Vì đoạn trừ nghi cái và pháp thuận triền cái kia, ở trong chánh pháp đây, nên lắng nghe, thọ trì...” cho đến nói rộng.

Dùng phương tiện như vậy, từ tham dục, sân khuể, hôn trầm thụy miên, trạo cử ác tác, nghi cái và pháp thuận triền cái kia, tịnh tu trong lòng. Cho nên nói rằng: “Kinh hành, tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng”. Như vậy đã nói do sự tăng thượng của pháp, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Lại có do sự tăng thượng của chính mình và sự tăng thượng của thế gian, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

- Sao gọi là do sự tăng thượng của chính mình? Như có người, trong các cái có một chủng cái tùy khởi, liền tự rõ biết đây không phải thiện pháp. Ở nơi cái sanh khởi, không chấp chặt, mau chóng xả bỏ, xua đuổi loại ra. Lại năng tự mình quán sát cảm thấy chỗ đã sanh khởi cái đây thật đáng xấu hổ, khiến tâm bị nhiễu nã, khiến tuệ trở nên yếu

kém, đây là phẩm tổn hại. Như vậy gọi là do sự tăng thượng của chính mình, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

- Sao gọi là do sự tăng thượng của thế gian, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng? Như có người, ở trong các cái có một chủng cái tùy khởi. Nếu khi sắp sanh khởi, liền tác niệm đây: “Nếu cái chưa sanh mà lại sanh khởi ở nơi ta, sẽ bị Đại sư quả trách, cũng bị chư thiên và các đồng phạm hạnh có trí dùng pháp chê trách”. Do người kia khéo nghĩ về thế gian như vậy, nên các cái chưa sanh khiến không thể sanh, các cái đã sanh liền nhanh chóng xả bỏ. Như vậy gọi là do sự tăng thượng của thế gian, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng.

Lại vì giữ gìn các ngoại cụ, thuận oai nghi của thế gian, vào đầu đêm kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Đã từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng rồi, ra ngoài trú xứ rửa chân sạch sẽ, rửa sạch chân xong trở vào trú xứ, như pháp nằm ngủ để trưởng dưỡng đại chủng của thân. Đại chủng đã được tăng trưởng rồi, thân được tăng thêm lợi ích, chuyển vận thành sức khỏe,

có đủ khả năng thường thuận theo gia hạnh thiện pháp không gián đoạn.

**Hỏi:** Vì nhân duyên gì nằm nghiêng hông bên phải?

**Đáp:** Tướng pháp như vậy giống như sư tử chúa.

**Hỏi:** Tướng pháp đây sao gọi là giống như sư tử chúa?

**Đáp:** Sư tử là chúa tể trong muông thú, dũng mãnh bậc nhất. Bậc Bí-sô cũng vậy, phát siêng tinh tấn dũng mãnh ở nơi việc thường tu tập tỉnh thức Du-già, thật là bậc nhất. Do nhân duyên đây nên cùng với sư tử chúa có tướng pháp nằm giống nhau, chẳng phải như cách nằm của quý, của trời, của người thọ hưởng dục. Do tất cả loài kia lười biếng giải đãi, lực tinh tấn hạ liệt, bậc nhược. Lại tướng pháp nằm nghiêng hông bên phải giống sư tử chúa là lẽ tự nhiên. Khi nằm tư thế như vậy, thân không trạo loạn, niệm không bị quên mất, ngủ không quá say, không thấy ác mộng. Cách nằm khác với tướng đây, phải biết có đủ tất cả lỗi lầm trái với tướng trên, cho nên nói: “Nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau”.



Sao gọi là trụ tướng quang minh khéo léo mà nằm? Ở nơi tướng quang minh, khéo léo tinh cần khẩn thiết, khéo nắm giữ, khéo tư duy, khéo hiểu rõ, khéo thông đạt. Khéo léo mà nằm, tức là tư duy các quang minh của chư thiên câu hữu nơi tâm. Do nhân duyên đây tuy có nằm ngủ mà tâm không bị hôn ám. Như vậy gọi là trụ tướng quang minh khéo léo mà nằm.

Sao gọi là chánh niệm khéo léo mà nằm? Nếu ở nơi các pháp đã được nghe, đã tư duy, đã tu tập trở nên thuần thực, thể tánh thuần thiện, thì năng dẫn phát nghĩa lợi. Do vì chánh niệm, cho đến nằm mộng cũng thường theo đó chuyển. Do vì chánh niệm, nên trong lúc ngủ mộng cũng thường không quên mất, khiến cho tướng pháp của kia phân minh hiện tiền, tức ở nơi pháp kia tâm thuận theo đó quán sát nhiều hơn. Do vì chánh niệm, thuận theo điều đang niệm, nên ngủ trong trạng thái tâm thiện, hoặc trạng thái tâm vô ký. Đây gọi là chánh niệm khéo léo mà nằm.

Sao gọi là chánh biết khéo léo mà nằm? Đang ngủ ở trong chánh niệm, nếu lúc đó có một phiền não hiện tiền phát khởi khiến tâm bị nhiễm ô

nhiều nã. Ở nơi phiền nã đang lúc hiện tiền sanh khởi đây, năng chân chánh nhận thức rõ ràng khiến nhanh chóng xả bỏ, không bị chìm sâu. Đã thông đạt rồi khiến tâm trở lại vắng lặng. Đây gọi là chánh biết khéo léo mà nằm.

Sao gọi là tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm? Trước phải sách tấn khích lệ tâm, sau mới nằm ngủ. Lúc nằm ngủ mỗi mỗi phải tỉnh thức: “Tâm chẳng nên phóng túng như con hươu chạy trong rừng hoang”, thuận theo nhập vào ngủ nghỉ. Lại khởi nghĩ này: “Ta nay ở chỗ chư Phật đã khai mở về pháp tỉnh thức Du-già, tất cả đều phải thành tựu trọn vẹn. Vì khiến thành tựu trọn vẹn, phải an trụ vui thích gia hạnh tinh cần mạnh mẽ nhiệt huyết”. Lại tác nghĩ này: “Ta nay vì tu tập tỉnh thức Du-già, cần phải chân chánh phát khởi siêng năng an trụ tinh tấn. Vì muốn tu tập các pháp thiện, cần phải chân chánh siêng năng mạnh mẽ vượt qua các lười biếng, khởi phát đầy đủ siêng năng tinh tấn tăng gấp bội từ đầu đêm nay cho đến sáng sớm mai”.

Nên biết trong đây do tư duy khởi tưởng thứ nhất nên không ngủ say, lúc thức giấc nhanh chóng

bật dậy, vì thế trọn không quá giờ mới thức dậy.

Do tư duy khởi tưởng thứ hai, năng ở nơi tư thế nằm như sư tử chúa đã được nghe mà chư Phật đã khai mở, như pháp mà nằm không tăng không giảm.

Do tư duy khởi tưởng thứ ba khiến vui muốn thiện pháp thường không quên mất. Tuy có lạc niệm, nhưng về sau năng triển chuyển thọ học khiến không đoạn dứt.

Như vậy gọi là tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm.

Lại trong đây, sao gọi là vào cuối đêm nhanh chóng tỉnh thức, kinh hành, tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng?

Nói cuối đêm: tức là một đêm có bốn phần, quá một phần sau, gọi là phần cuối đêm. Do người kia trụ tưởng quang minh như vậy, chánh niệm, chánh biết, tư duy khởi tưởng khéo léo mà nằm.

Trong phần giữa đêm: tức là trong bốn phần của đêm, quá phần thứ nhất, mới chính thức nằm ngủ, khiến lúc thức dậy, thân có khả năng kham chịu. Thức dậy đúng giờ, không bị triền cái của hôn trầm thù miên phẩm thượng quấy nhiễu làm

cho lúc sắp dậy ám độn, uể oải, giải đãi, lười biếng. Do không bị ám độn, uể oải, giải đãi, lười biếng như vậy, lúc vừa tác ý, nhanh chóng bật dậy không mấy khó khăn, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng như trước đã nói.

Như vậy đã biện rộng đầu đêm, cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già.

Lại nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Đó là lược có 4 chủng việc làm chân chánh của bồ-đặc-già-la sĩ phu thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già. Những gì là bốn? 1. Cho đến lúc thức dậy, thường không xả lìa việc tu tập phẩm thiện, dũng mãnh tinh tấn không gián đoạn, thường thuận theo tu tập thiện pháp; 2. Nằm ngủ đúng thời, không nằm ngủ phi thời; 3. Không có tâm nhiễm ô mà tập quen ngủ nghỉ, hà hướng tâm nhiễm ô; 4. Thức dậy đúng giờ, không dậy quá giờ.

Vì nương 4 việc làm chân chánh của bồ-đặc-già-la đây mà chư Phật Thế Tôn vì chúng Thanh Văn tuyên dạy tu tập tỉnh thức Du-già. Sao gọi là tuyên dạy? Hoặc đã nói: “Vào ban ngày, kinh hành tỉnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Vào đầu đêm, kinh hành tỉnh tọa, từ pháp thuận

chương tịnh tu trong lòng”. Do lời đây, tức tuyên dạy chủng việc làm thứ nhất như vậy: “Cho đến lúc thức dậy, không xa lìa tu tập phẩm thiện, đồng mãnh tinh tấn không gián đoạn thường thuận theo tu tập phẩm thiện”. Hoặc lại nói: “Ra ngoài trú xứ rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau”. Do lời đây, tức tuyên dạy chủng việc làm thứ hai như vậy: “Nằm ngủ đúng thời, không nằm phi thời”. Hoặc lại nói lời: “Trụ tướng quang minh, chánh niệm, chánh biết, khởi tướng tư duy khéo léo mà nằm”. Do lời đây, tuyên dạy chủng việc làm thứ ba như vậy: “Không có tâm nhiễm ô mà tập quen ngủ nghỉ, hà hướng tâm nhiễm ô”. Hoặc lại nói lời: “Ở phần cuối đêm, nhanh chóng thức dậy, kinh hành tinh tọa, từ pháp thuận chương tịnh tu trong lòng”. Do lời đây, tuyên dạy chủng việc làm thứ tư như vậy: “Dậy đúng giờ, không dậy quá giờ”.

Trong đó có nói: “Trụ tướng quang minh, chánh niệm, chánh biết, khởi tướng tư duy khéo léo mà nằm”. Đây hiển rõ bởi 2 duyên, đó là: do chánh niệm và do chánh biết khiến tâm không nhiễm ô mà tập quen ngủ nghỉ, hà hướng tâm nhiễm ô.

Việc đây lại thế nào? Do chánh niệm, nên đối với sở duyên thiện, nhiếp tâm thức liễm mà nằm ngủ. Do chánh biết, nên đối với sở duyên thiện, tâm thối thất sanh khởi phiền não, liền nhanh chóng năng chánh rõ biết. Như vậy nói do hai duyên đây, cần thiết đối với tâm không nhiễm ô mà có thói quen ngủ nghỉ, hà huống tâm nhiễm ô.

Lại có 2 duyên, đó là: do trụ tướng quang minh và do tư duy khởi tướng, nên thức dậy đúng giờ, dậy không quá giờ. Việc đây thế nào? Do trụ tướng quang minh và do tư duy khởi tướng nên không ngủ mê mệt, không bị ngủ nghỉ trối buộc, năng theo đuổi hạnh viễn ly. Như vậy nói do hai duyên đây mà thức dậy đúng giờ, dậy không quá giờ.

Như vậy tuyên nói nghĩa tóm lược của “thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già”. Trước cũng đã tuyên nói, giải thích, biện biệt rộng nghĩa, tất cả gọi chung là “đầu đêm, cuối đêm, thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già”.

**h.** Sao gọi là an trụ chánh biết? Như có người hoặc đi hoặc về, an trụ chánh biết; hoặc thấy hoặc nhìn, an trụ chánh biết; hoặc co hoặc duỗi, an trụ chánh biết; mặc y Tăng-già-lê và giữ y bát, an trụ

chánh biết; hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nếm, hoặc nhai an trụ chánh biết; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm an trụ chánh biết; hoặc nói hoặc im, an trụ chánh biết; khi tỉnh thức an trụ chánh biết, lúc ngủ giải lao an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc đi, hoặc về, an trụ chánh biết. Sao gọi là đi? Sao gọi là về? Sao gọi là đi về, an trụ chánh biết?

Nói đi, đó là như có người đi đến xóm làng, đi vào xóm làng; đi đến nhà quyền thuộc, đi vào nhà quyền thuộc; đi đến đạo tràng, đi vào đạo tràng.

Nói về, đó là như có người trở về từ xóm làng, trở về từ trong xóm làng; trở về từ nhà quyền thuộc, trở về từ trong nhà quyền thuộc; trở về từ đạo tràng, trở về từ trong đạo tràng.

Nói đi về an trụ chánh biết, đó là đối với việc đi đến của mình, chánh biết “ta đi” và đối với việc đi về của mình, chánh biết “ta về”. Đối với chỗ nên đi và chỗ chẳng nên đi phải chánh rõ biết. Đối với chỗ nên về và chỗ chẳng nên về phải chánh rõ biết. Đối với lúc nên đi và lúc chẳng nên đi phải chánh rõ biết. Đối với lúc nên về và lúc chẳng nên về phải chánh rõ biết. Đối với việc nên đi và việc

chẳng nên đi như vậy như vậy phải chánh rõ biết. Đối với việc nên về và chẳng nên về phải chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Người kia do thành tựu chánh biết đây, nên tự biết mà đi, tự biết mà về; đi đến chỗ nên đi đến, không đến chỗ không nên đến; trở về chỗ nên trở về, không về chỗ không nên về; đúng thời mà đi về, chẳng phải phi thời. Quán sát sắc hình, chủng loại, hoạt động, ngừng nghỉ, phép tắc, lễ tiết, oai nghi của xứ đó, mà nên đi, nên về, như vậy mà đi, như vậy mà về. Như vậy gọi là hoặc đi, hoặc về an trụ chánh biết.

Trong phân hoặc thấy, hoặc nhìn, an trụ chánh biết. Sao gọi là thấy? Sao gọi là nhìn? Sao gọi là thấy nhìn, an trụ chánh biết?

Nói thấy, như trước các việc được liệt kê, hoặc đi đến, hoặc trở về, trước chưa có tuệ làm tiền dẫn, trước không dụng công, trước không có vui muốn, ở trong khoảng thời gian đó, mắt thấy các sắc. Đây gọi là thấy.

Nói nhìn, như trước các việc được liệt kê, hoặc đi đến, hoặc trở về, trí tuệ hiểu biết làm dẫn đầu, dụng công làm dẫn đầu, vui muốn làm dẫn đầu, mắt thấy các sắc, như là: hoặc vua, hoặc đồng bực



vua, hoặc quan lại, hoặc thứ dân, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, hoặc trưởng giả, hoặc thương chủ nhiều tài bảo; hoặc các vật khác bên ngoài như nhà cửa, đèn đài, lẵng miếu; hoặc những việc tạp ngoài thế gian... Nhìn thấy hết thấy việc đây gọi là nhìn. Lại ở tướng đó, nhìn thấy tự tướng, năng chánh rõ biết. Đối với việc nên thấy, đối với việc nên nhìn, nên chánh rõ biết. Lúc nên thấy, lúc nên nhìn, cũng phải rõ biết. Như việc nên thấy, như việc nên nhìn năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, tự biết mà thấy, tự biết mà nhìn. Thấy việc nên thấy, nhìn việc nên nhìn. Lúc nên thấy, lúc nên nhìn mà thấy nhìn đúng đắn. Như điều nên thấy, như điều nên nhìn, như vậy mà thấy, như vậy mà nhìn... Như vậy gọi là hoặc thấy, hoặc nhìn an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc co, hoặc duỗi, an trụ chánh biết. Sao gọi là co? Sao gọi là duỗi? Sao gọi là hoặc co, hoặc duỗi, an trụ chánh biết?

Người kia lúc thấy, lúc nhìn như vậy, hoặc đi đến làm dẫn đầu, hoặc trở về làm dẫn đầu, hoặc co duỗi cánh tay, hoặc co duỗi bàn tay, hoặc co duỗi chân, hoặc tùy co duỗi một chi phần nào đó. Đây

gọi là co duỗi. Hoặc ở mỗi tướng co duỗi năng chánh rõ biết. Hoặc sự việc co duỗi năng chánh rõ biết. Hoặc lúc co duỗi năng chánh rõ biết. Hoặc co như vậy và duỗi như vậy năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, đối với co duỗi, tự biết mà co, tự biết mà duỗi. Đối với việc nên co mà co, đối với việc nên duỗi mà duỗi. Lúc nên co mà co, lúc nên duỗi mà duỗi. Như việc nên co, như vậy mà co; như việc nên duỗi, như vậy mà duỗi.. Như vậy gọi là hoặc co, hoặc duỗi an trụ chánh biết.

Trong phần giữ Tăng-già-lê và giữ y bát, an trụ chánh biết. Sao gọi là giữ Tăng-già-lê? Sao gọi là giữ y? Sao gọi là giữ bát? Sao gọi là giữ Tăng-già-lê và giữ y bát, an trụ chánh biết?

Đại y hoặc 60 điều, hoặc 9 điều, hoặc có hai lớp, gọi là y Tăng-già-lê. Chăn mền quần áo thọ dùng có thể bảo vệ giữ gìn cho thân thể, gọi là giữ. Hoặc có y trung, hoặc có y hạ được giữ làm y; hoặc có y dài, hoặc phải làm sạch, hoặc đã làm sạch.. tất cả như thế gọi là y. Chăn mền quần áo thọ dùng có thể bảo vệ giữ gìn cho cơ thể, gọi là giữ.

Hoặc đồ dùng có chức năng chứa đựng giữ gìn,

được sử dụng để khát thực, hoặc bằng sắt, hoặc bằng sành, gọi là bát. Hiện tại thọ dụng có thể bảo vệ gọi là giữ. Như vậy hoặc Tăng-già-lê, hoặc y, hoặc bát, hoặc sạch, hoặc không sạch năng chánh rõ biết. Tùy theo lúc, đã giữ nên giữ hoặc Tăng-già-lê, hoặc y hoặc bát năng chánh rõ biết. Nếu hoặc Tăng-già-lê, hoặc y hoặc bát như vậy nên giữ như vậy năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, nên đối với vật nên giữ hoặc Tăng-già-lê, hoặc y hoặc bát, tự biết mà giữ. Lúc nên giữ, năng chân chánh giữ. Như vật nên giữ, như vậy mà giữ... Như vậy gọi là giữ y Tăng-già-lê và giữ y bát an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm, an trụ chánh biết. Sao gọi là ăn? Sao gọi là uống? Sao gọi là nhai? Sao gọi là nếm? Sao gọi hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm, an trụ chánh biết?

Các sở hữu dùng để thọ dụng ăn uống, gọi chung là ăn. Đây lại có hai loại: một là ăn; hai là nếm.

Ăn: như ăn bánh, lương khô, cháo, cơm, canh... các loại thức ăn chế biến khác có thể ăn, năng

nuôi dưỡng mạng sống. Hết thấy loại như vậy đều gọi là nếm, cũng gọi là ăn.

Nếm: nếm sữa, lạc, sanh tô, thực tô, dầu, mật, đường, cá, thịt, chả, quả mới hái... hoặc chủng chủng thực phẩm ăn được. Tất cả như vậy gọi chung là nếm, cũng gọi là ăn.

Uống: đó là hoặc nước mía, hoặc nước đường phèn, hoặc nước cơm... cho đến nước trong, gọi chung là uống.

Nếu ở nơi sở hữu tự tướng như vậy, hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nếm, hoặc nhai năng chánh rõ biết. Hoặc đối với tất cả vật ăn, uống, nếm, nhai năng chánh rõ biết. Hoặc lúc ăn, lúc uống, lúc nếm, lúc nhai năng chánh rõ biết. Hoặc đối với việc nên ăn, nên uống, nên nếm, nên nhai năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, nên đối với sở hữu hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm của bản thân, tự biết mà ăn, tự biết mà uống, tự biết mà nhai, tự biết mà nếm. Đối với vật nên ăn, đối với vật nên uống, đối với vật nên nhai, đối với vật nên nếm, thì chánh ăn, chánh uống, chánh nhai, chánh nếm. Đúng lúc nên ăn, đúng lúc nên uống, đúng lúc nên

nhai, đúng lúc nên nếm. Như vật nên ăn, cho đến như vật nên nếm, như vậy mà ăn, cho đến như vậy mà nếm. Như vậy gọi là hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nhai, hoặc nếm an trụ chánh biết.

Trong phần hoặc đi, hoặc đứng, nói rộng cho đến hoặc ngủ nghỉ giải lao an trụ chánh biết. Sao gọi là đi? Sao gọi là đứng? Sao gọi là ngồi? Sao gọi là nằm? Sao gọi là tỉnh thức? Sao gọi là nói? Sao gọi là im? Sao gọi là ngủ nghỉ giải lao? Sao gọi là ở nơi việc đi, nói rộng cho đến việc ngủ nghỉ giải lao an trụ chánh biết?

Như có người đi qua lại tới lui kinh hành ở nhiều chỗ, hoặc đến trú xứ thăm bạn đồng pháp, hoặc đi bộ trên đường. Hết thấy việc như vậy gọi là đi.

Lại như có người đứng ở chỗ kinh hành, đứng trước các bạn đồng pháp, A-xà-lê, Hòa thượng, các bậc tôn trưởng, các vị đồng bậc với tôn trưởng. Hết thấy việc như vậy gọi là đứng.

Lại có người ngồi kiết già hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa bằng cỏ lá, hoặc trên bồ đoàn, hoặc trên ni-sư-đàn, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lia.

Hết thấy việc như vậy gọi là ngồi.

Lại như có người ra ngoài trú xứ, rửa chân sạch sẽ, trở vào trú xứ, hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa bằng cỏ lá, hoặc ở nơi a-lan-nhã, hoặc dưới gốc cây, hoặc ở tịnh thất không nhà, nằm nghiêng hông bên phải, chân chồng lên nhau. Hết thấy việc như vậy gọi là nằm.

Lại như có người ban ngày tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng, đầu đêm, cuối đêm kinh hành tĩnh tọa, từ pháp thuận chướng tịnh tu trong lòng. Đây gọi là tĩnh thức.

Lại như có người thường xuyên tu tập tỉnh thức như vậy, đối với pháp chưa thọ, chân chánh thọ, chân chánh tu tập khiến được rốt ráo, như là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... nói rộng như trước. Đối với pháp đã lãnh thọ như vậy, lời nói khéo thông lợi, đó là dùng âm thanh lớn hoặc đọc, hoặc tụng, lại vì người khác rộng thuyết khai thị. Tùy thời gian, cùng các bậc đồng phạm hạnh có trí, hoặc các bậc hiền thiện tại gia năng đàm luận hòa vui, vì muốn khích lệ nhau hay cầu vật dụng. Hết thấy việc như vậy gọi là nói.

Lại như có người tùy theo điều trước đã được nghe, trước đã tu tập, dụng lời nói khéo thông lợi rất ráo ở nơi các pháp. Một mình nơi chốn không nhàn, tư duy các nghĩa, cân nhắc quán sát. Hoặc ở tịnh thất khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cùng với cận trụ, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú một hướng, đẳng trì. Hoặc ở nơi pháp Tỳ-bát-xá-na mà tu tập Du-già. Hết thấy việc như vậy gọi là im lặng.

Lại như có người vào lúc trời nắng nóng, hoặc vì cái nóng bức bách, hoặc vì công việc vất vả nên sanh mệt mỏi, nên phi thời mà ngủ mê, say sưa ngủ nghỉ. Đây gọi là do quá mệt nhọc mà ngủ.

Nếu lại ở nơi sở hữu tự tướng của việc đi... cho đến việc ngủ giải lao năng chánh rõ biết. Lúc nên đi cho đến lúc nên ngủ giải lao năng chánh rõ biết. Như việc nên đi cho đến việc nên ngủ giải lao năng chánh rõ biết. Đây gọi là chánh biết. Do người kia thành tựu chánh biết đây, nên đối với việc đi của mình cho đến đối với việc ngủ giải lao của mình, chánh biết mà đi cho đến chánh biết mà ngủ giải lao. Hoặc chỗ nên đi cho đến chỗ nên ngủ giải lao, tức ở nơi kia đi cho đến ở nơi kia ngủ giải lao. Hoặc lúc nên đi cho đến lúc nên ngủ giải lao,

tức ở lúc đó mà đi cho đến ở lúc đó mà ngủ giải lao. Như chỗ nên đi, như vậy mà đi; như chỗ nên ngủ giải lao, như vậy mà ngủ giải lao. Tất cả như vậy gọi là đối với đi, đối với đứng, đối với ngồi, đối với nằm, đối với tỉnh thức, đối với nói, đối với im lặng, đối với ngủ giải lao an trụ chánh biết.

Lại nữa, an trụ chánh biết như thế, sao gọi là theo thứ lớp? Vì hiển việc gì?

Như có người nương nơi thôn xóm, tụ lạc, đình làng mà ở, khởi suy nghĩ này: “Ta nay nên đến thôn xóm, tụ lạc, đình làng kia mà du hành khát thực”. Sau khi khát thực, về lại trú xứ cũ. Ở trong tất cả thôn xóm như vậy, có những cư gia không nên đến. Những cư gia ấy là gì? Đó là nhà truyền lệnh, nhà bán rượu, nhà dâm nữ, nhà của vua, nhà đồ tể, hoặc nhà thuộc chiêm-trà-la, yết-sĩ-na, hoặc lại có nhà một hướng phỉ báng không thể xoay chuyển. Cũng có chỗ cư gia nên đi đến, đó là nhà của những dòng họ lớn Sát-đế-lợi, nhà dòng họ lớn Bà-la-môn, nhà các dòng họ lớn của những người cư sĩ, hoặc nhà của quan chức, hoặc nhà giàu có, hoặc nhà trưởng giả, hoặc nhà thương chủ... Lại có cư gia tùy lúc mà đến, không đến quá sớm hay



đến quá muộn. Hoặc nhà thí chủ gặp lúc bận nhiều việc gấp, cũng không nên đến. Hoặc lúc yến tiệc vui chơi, hoặc lúc trang sức, hoặc lúc có nhiều tệ nạn thế gian, hoặc lúc cạnh tranh cãi vã... những lúc như vậy đều chẳng nên đến.

Lại như chỗ đến nên như vậy đến, tức không cùng đi với bầy voi ác hung dữ quấy phá, không cùng đi với xe ngựa ác, trâu ác, chó ác, không vào chốn ồn náo, không giẫm đạp lên gai, không nhảy qua tường, không nhảy qua hầm hố, không nhảy xuống vách núi, không ngâm mình ở nước sâu, không đạp lên phần ướ. Nên như trong *Kinh Nguyệt Dụ* mà đi đến nhà thí chủ, tức là phải đầy đủ tầm quý, xa lìa kiêu ngạo, thúc liễm thân tâm, không cầu lợi dưỡng và cung kính. Nếu ở nơi lợi dưỡng mình thu được mà tâm sanh hoan hỷ, thì đối với lợi dưỡng của người khác, tâm cũng phải hoan hỷ như vậy. Không tự cao cử, không khinh miệt người, phải sanh lòng thương xót.

Lại nên tự giữ tâm này khi đến nhà thí chủ: “Há có người xuất gia đi đến nhà người khác mà chỉ mong cầu người thí, không phải không huệ thí... nói rộng cho đến muốn nhanh chóng, chứ không

phải chậm chạp”.

Lại khởi nghĩ này: “Ta nay đến nhà thí chủ, đối với các vật thí được lãnh thọ cần phải biết lượng. Ta cũng không nên vì nhân duyên lợi dưỡng mà hiện tướng mê hoặc, lừa dối, kiêu trá, dùng lợi để cầu lợi. Khi được lợi dưỡng rồi, không nhiễm ô, không yêu thích, cũng không ham thích mê muội, chấp đắm mà thọ dụng”.

Lại khi đã đi đến, hoặc đang lúc đi đến mà trông thấy các sắc, trong các sắc đây có sắc nên nhìn, có sắc không nên nhìn. Đối với các sắc không nên nhìn, phải thu nhiếp căn mắt, khéo nắm giữ, hộ trì các căn. Đối với các sắc nên nhìn, phải khéo an trụ niệm mà chân chánh quán sát.

Sắc của loại nào không nên nhìn? Là sắc của các kỹ nữ ca hát cười giỡn, hoặc sắc của các hoạt động nhảy múa ca hát. Lại có sắc của các thôn nữ tươi đẹp, trẻ trung, nhan sắc mỹ miều. Lại có các sắc khác mà khi trông thấy năng hủy hoại phạm hạnh, năng ngăn ngại phạm hạnh, năng khiến các tâm tư ác bất thiện hiện hành. Sở hữu các sắc của loại sắc như vậy thì không nên nhìn.

Sắc của loại sắc nào nên nhìn? Là sắc của

thân thể già suy yếu, sức lực mòn mỏi, lưng còng, chống gậy mà đi. Hoặc sắc của những người thân mắc phải trọng bệnh đau đớn, thân hình hôi như thối rữa, các căn ám độn, chân tay mặt bụng sưng phù, sắc da vàng vọt mụn nhọt, da khô có nám, ghẻ lở, cùi hủi... chịu các thứ khổ bức bách. Hoặc sắc của người yếu mạng, chết đã trải qua một ngày, hoặc hai ngày, hoặc bảy ngày, bị các loài chim khách, chó đói, điều hâu, chó sói, dã can, các thứ bàng sanh, cầm thú hung bạo đến xé xác ăn nuốt. Hoặc sắc của người chết rồi để trên giường, trên có màn che, trước sau có nhiều người thương khóc, đem thân lăn lóc trên đất, sanh sầu khổ, ưu bi, oán hờn, thương nhớ, áo não. Hết thấy các loại sắc như thế, ta nên quán sát. Quán các sắc đây năng khiến thuận theo phạm hạnh, năng nhiếp phạm hạnh, năng khiến các tâm tư thiện hiện hành.

Vào nhà thí chủ, không nên lắc lư thân, khoa tay, lắc đầu, vung tay nhẩy nhót, ôm hông, bá vai. Không nên ngồi liền, không ngồi chỗ chưa mời, nên quan sát kỹ chỗ chuẩn bị ngồi, không nên phóng túng tất cả thân phần mà ngồi. Không nên nhón chân, hoặc ngồi tréo ngoã. Mở chân không

quá rộng, không quá hẹp. Tư thế ngồi phải đoan nghiêm. Chẳng nên mở khuy áo, để lộ ngực. Cũng không cởi áo mà mặc pháp phục. Pháp y phải tề chỉnh, không cao không thấp, không như vòi voi, không như hoa đa-la bị héo úa, chẳng phải như đầu rồng. Không nên ôm bát chờ sẵn ở chỗ ăn. Không nên ôm bát ở trên chỗ ăn uống. Không nên để bát ở chỗ dơ uest, hầm hốt, khe suối, hoặc bên sườn dốc, bờ mé. Lại nên thứ tự thọ dùng thức uống ăn. Không nên lấy cơm phủ lên canh thịt, không lấy canh thịt phủ lấp cơm. Không nên tham lam thọ dụng các món ăn uống. Không có tâm giận hờn khi thọ dụng thức ăn uống. Chẳng ăn quá nhanh, chẳng ăn quá chậm, nên vo tròn rồi ăn. Khi ăn chẳng nên gõ bát, không liếm tay, liếm bát. Không nên hươ tay rung chân mà ăn, hoặc xới mốt thức ăn mà ăn.

Từ nhà thí chủ trở về trú xứ, ban ngày ban đêm kinh hành qua lại ở chỗ kinh hành riêng của mình, đừng đến chỗ kinh hành của người khác. Chẳng được kinh hành những chỗ khó đi, chỗ không thoả mái, chỗ không an toàn, không được đi kinh hành ở những nơi phi xứ này. Chẳng phải vì chế phục thân vất vả, mệt mỏi, chẳng phải vì chế phục

tâm trạo cử mà tu tập kinh hành. Chỉ vì tư duy thiện, tu phẩm thiện, vì thu nhiếp các căn bên trong, khiến tâm chẳng hướng theo bên ngoài loạn động mà tu tập kinh hành. Khi đi kinh hành không được ruổi nhanh, chẳng được hấp tấp, chẳng phải một bề chuyên chú việc qua lại mà tu tập kinh hành. Thông thả thông thả bước đến, thông thả thông thả dừng lại mà tu tập kinh hành.

Như vậy kinh hành ở trú xứ của mình, tự viện, phòng riêng, chỗ riêng mà Tăng phân cho, không kinh hành ở các chỗ không được phép.

Sau khi đã tu tập kinh hành, lại thực hành việc tu tập tĩnh tọa, hoặc trên giường lớn, hoặc trên giường dây nhỏ, hoặc trên tòa ngồi bằng cỏ lá, hoặc trên ni-sư-đàn, hoặc ở chốn a-lan-nhã, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở gò mả, hoặc tịnh thất không nhàn, ngồi kiết già, thân đoan nghiêm, chánh nguyện, an trụ niệm trái lìa. Vào giữa đêm, như pháp ngủ nghỉ. Vào ban ngày và đầu đêm, tu tập các phẩm thiện không nên quá vội gáp. Như vậy đến lúc ngủ phải như trước đã nói, trụ tướng quang minh, chánh niệm, chánh biết, tư duy khởi tướng. Vào cuối đêm nhanh chóng tỉnh thức.

Lại ở nơi nghĩa luận bàn, hoặc ở nơi đọc tụng, siêng tu tập gia hạnh. Hoặc vì tu đoạn, ở chốn thanh nhàn, tĩnh lặng. Lúc tư duy pháp, phải nên xa lìa điển tịch sách vở thế gian, chữ, câu, văn, từ hoa mỹ trau chuốt bóng bẩy hay dẫn đến sự vô nghĩa, chẳng thể khiến chúng được thần thông, đẳng giác, cứu cánh Niết-bàn.

Lại ở nơi chánh pháp mà Như Lai đã thuyết, tối cực thẳm sâu, tương tự thẳm sâu, tương ứng tánh không, các duyên khởi của tánh duyên, phải luôn luôn ân trọng không gián đoạn, khéo nhiếp giữ, khéo lãnh thọ, khiến trụ vững chắc không hoại mất. Tất cả như vậy chỉ vì trọn nên chánh hạnh, chẳng vì lợi dưỡng, cung kính, xưng khen.

Lại ở nơi chánh pháp đây, tuệ khéo quán sát, lời nói khéo thông lợi. Ở chỗ chúng hay nói chuyện ồn tạp, không ham vui thân cận tập quen, không vui tạo nhiều nghiệp, không vui nhiều lời. Thời thời an trụ chánh niệm, cùng các đồng phạm hạnh có trí luận bàn, an ủi khích lệ, hòa vui thưa hỏi, vui cầu các thiện pháp, không lòng tranh cãi kiện tụng. Nếu vì người khác tuyên thuyết chánh pháp, phải dùng lời lẽ cẩn trọng, hợp lý, chánh trực, lời

nói phải tịch tĩnh, vui vẻ ôn hòa. Lại nên im lặng, không vui tìm cầu suy nghĩ ở nơi các tâm tư ác bất thiện. Lại chẳng vui tư duy các pháp phi lý. Ở nơi sở chứng của mình, xa lìa tăng thượng mạn. Ở nơi những điều chứng đắc hạ liệt sai khác, không vì vậy mà sanh vui đủ. Ở nơi những điều chứng đắc sâu xa hơn, không sanh thói chuyển co rút. Thường khéo xa lìa những sự việc không nên tâm tư. Thời thời tu tập chỉ quán Du-già, vui đoạn trừ, vui tu tập, tu tập ân trọng, tu tập không gián đoạn.

Lại khi thời tiết nóng bức, gắng sức dũng mãnh phát siêng tinh tấn theo việc cần làm, nên phát khởi vô số mệt mỏi, tâm trở nên hôn muội, ngủ gập phi thời, do đây tạm thời cần phải ngủ nghỉ, để khiến hôn muội nhanh chóng dừng dứt. Chớ trải qua thời gian ngủ nghỉ lâu, sẽ làm tổn giảm phẩm thiện, chướng ngại phẩm thiện. Vào lúc ngủ nghỉ, hoặc đóng cửa, hoặc nhờ Bì-sô ở bên cạnh trông hộ, hoặc dùng phép ẩn mật trong quỹ tắc Tỳ-nại-da, lấy y che thân, ở trong chỗ sâu kín đáo, ngủ trong giây lát, khiến hết thấy mệt mỏi buồn ngủ đều được trừ sạch.

Như thế gọi là thứ lớp trước sau an trụ chánh

biết, đó là nương lúc hành và nương lúc trụ. Lại đối với phẩm thiện trước chưa thú nhập, tâm khởi gia hạnh tác ý như lý đồng hành diệu tuệ. Đây gọi là chánh biết. Tức chánh biết đây, lúc hành, lúc trụ, tất cả đều thành tựu trọn vẹn, không chỗ nào thiếu sót.

Như vậy gọi là an trụ chánh biết.

Phải biết trong đây, hoặc đi, hoặc về; hoặc thấy, hoặc nhìn; hoặc co, hoặc duỗi; giữ Tăng-già-lê và giữ y bát; hoặc ăn, hoặc uống, hoặc ném, hoặc nhai, an trụ chánh biết. Đây gọi là ở thôn xóm... lúc hành như pháp an trụ chánh biết. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi; hoặc tập tỉnh thức; hoặc nói, hoặc im, hoặc ngủ nghỉ giải lao đều an trụ chánh biết. Đây gọi là ở nơi trú xứ, lúc trụ như pháp an trụ chánh biết.

Như vậy đã phân biệt rộng ý nghĩa của an trụ chánh biết.

Nghĩa tóm lược của phần này thế nào? Đó là lúc hành có 5 loại nghiệp. Lúc trụ có 5 loại nghiệp. Lúc hành, lúc trụ an trụ chánh biết có 4 loại nghiệp. Như vậy gọi là lược nghĩa của an trụ chánh biết.

Sao gọi là lúc hành có 5 loại nghiệp? 1. Nghiệp



thân; 2. Nghiệp mắt; 3. Nghiệp tất cả chi tiết; 4. Nghiệp y bát; 5. Nghiệp ăn uống. Như vậy gọi là lúc hành có 5 nghiệp.

Khi nói “hoặc đến, hoặc về”, lời đây hiển thị nghiệp thân lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc thấy, hoặc nhìn”, lời đây hiển thị nghiệp mắt lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc co, hoặc duỗi”, lời đây hiển thị nghiệp tất cả chi phần lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc giữ Tăng-già-lê và giữ y bát”, lời đây hiển thị nghiệp y bát lúc đi. Hoặc khi nói “hoặc ăn, hoặc uống, hoặc nếm, hoặc nhai”, lời đây hiển thị nghiệp ăn uống lúc đi.

Sao gọi là lúc trụ có 5 loại nghiệp? 1. Nghiệp thân; 2. Nghiệp ngữ; 3. Nghiệp ý; 4. Nghiệp ban ngày; 5. Nghiệp ban đêm.

Khi nói “hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi”, lời đây hiển thị nghiệp thân lúc trụ. Hoặc khi nói “hoặc nói”, lời đây hiển thị nghiệp ngữ lúc trụ. Hoặc khi nói “hoặc nằm, hoặc im, hoặc ngủ nghỉ giải lao”, lời đây hiển thị nghiệp ý lúc trụ. Hoặc khi nói “hoặc tập tỉnh thức”, lời đây hiển thị lúc trụ nghiệp ban ngày, nghiệp ban đêm, nghiệp thân, nghiệp ngữ. Hoặc nói “hoặc nằm”, lời đây hiển thị

lúc trụ nghiệp ban đêm. Nên biết đây gọi là 5 nghiệp lúc trụ.

Sao gọi là lúc hành, lúc trụ an trụ chánh biết có 4 nghiệp? Lúc ban đầu nương nơi nghiệp hành, nghiệp trụ kia mà phát khởi nghiệp như vậy, tức ở nơi nghiệp kia, an trụ giữ gìn chánh niệm, an trụ không phóng dật. Nên biết nghiệp đây nhiếp thuộc chánh niệm, nhiếp thuộc không phóng dật. Hoặc ở nơi việc đây, chỗ này, lúc ấy, tùy việc nên làm, như lượng, như lý, như hết thảy phẩm loại của nó, tức ở nơi việc đây, chỗ này, lúc ấy, như lượng, như lý, như phẩm loại của nó, chánh biết mà làm.

Do người kia chánh biết mà làm như vậy, nên ở trong hiện pháp không có tội, không trái phạm, không có việc làm ác, không thay đổi, không hối hận. Ở đời vị lai cũng không có tội, sau khi mạng chung không đọa ác thú, không sanh trong tất cả địa ngục. Vì đặc điều chưa đặc mà tích tập tư lương. Như vậy gọi là sở hữu nghĩa tóm lược của an trụ chánh biết. Trước đã rộng phân biệt, nay đây lược nghĩa, tất cả đều gọi chung là an trụ chánh biết.

## Quyển 25

### Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

#### Phân đầu DU GIÀ XỨ - XUẤT LY ĐỊA thứ 3-4

i. Sao gọi là tánh bạn lành? Có 8 nhân duyên nên biết viên mãn tất cả tánh bạn lành. Những gì là tám? Đó là có người an trụ giới cấm, đầy đủ đa văn, năng có sở chứng, tánh nhiều ai mãn, tâm không nhàm chán mỗi một, thường khéo kham nhẫn, không có khiếp sợ, lời nói đầy đủ viên mãn.

Sao gọi là an trụ giới cấm? Là an trụ giới cụ túc, thường khéo giữ gìn luật nghi Biệt giải thoát, đã nói rộng như ở phần trước. Vui trụ trong tánh Sa-môn, vui trụ trong tánh Bà-la-môn. Vì tự điều phục mình, vì tự tịch tĩnh mình, vì tự mình Niết-bàn mà tu hành chánh hạnh. Như vậy gọi là an trụ giới cấm.

Sao gọi là đầy đủ đa văn? Ở nơi nhiều loại diệu pháp sai khác, có pháp tuyên nói khai thị, văn nghĩa diệu khéo; có pháp phần đầu, phần giữa, phần sau đều thiện; có pháp khiến viên mãn phạm

hạnh trong sạch thì năng khéo thọ trì, lời nói khéo thông lợi, ý khéo nghiên cứu tư duy, nhận thức khéo thông suốt thấu đạt. Như vậy gọi là đầy đủ đa văn.

Sao gọi là năng có sở chứng? Vì năng chứng được tướng vô thường thù thắng vi diệu, tướng vô thường là khổ, tướng vô ngã là khổ, tướng nhàm chán uống ăn, tướng tất cả thế gian chẳng thể vui, tướng có quá hoạn, tướng đoạn, tướng lìa, tướng diệt, tướng chết, tướng bất tịnh, tướng xanh bầm ứ máu, tướng máu mủ thối rữa, tướng biến hoại, tướng trương sinh, tướng cắn xé ăn nuốt, tướng trơ xương, tướng phân rã, tướng xương cốt rệu rã, tướng quán sát không.

Lại năng chứng đắc Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự, Đệ tam tĩnh lự, Đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, cuối cùng chứng Phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại năng chứng được từ, bi, hỷ, xả, cũng năng chứng quả Dự lưu, hoặc quả Nhất lai, hoặc quả Bất hoàn, hoặc thần cảnh thông, hoặc túc trụ thông, hoặc thiên nhĩ thông, hoặc sanh tử thông, hoặc tâm sai biệt thông, hoặc A-la-hán, hoặc đầy đủ

tám định tĩnh lực, như giải thoát... Người kia đủ khả năng kham chịu, có đầy đủ năng lực rộng lớn, năng vì người thị hiện ba thân biến dạy răn dạy trao. Ba loại thân biến: 1. Thân lực thân biến; 2. Ký thuyết thân biến; 3. Giáo đạo thân biến. Như vậy gọi là năng có sở chứng.

Sao gọi là tánh nhiều ai mãn? Đối với người khác thường khởi lòng bi lân mẫn thương xót, vui với việc làm có nghĩa của họ, vui với điều lợi ích của họ, vui với niềm vui của họ, vui với cảm xúc tốt đẹp của họ, vui với việc an ổn của họ. Như vậy gọi là tánh nhiều ai mãn.

Sao gọi là tâm không nhàm chán mỗi mệ? Là hay khéo chỉ dạy rõ ràng, hay khéo dạy bảo, hay khéo khích lệ, hay khéo an ủi. Ở giữa bốn chúng, tuyên thuyết chánh pháp không hề mỗi nhọc, chuyên cần vượt bậc không lười biếng, khởi phát viên mãn. Tánh vui thích siêng năng tinh tấn. Như vậy gọi là tâm không nhàm chán mỗi mệ.

Sao gọi là khéo năng kham nhẫn? Đó là bị mắng chửi, không mắng chửi lại; bị giận, không giận lại; bị đánh, không đánh lại; bị khinh thường, không khinh thường lại; nhẫn chịu đối với các roi

gậy vây đánh bức ngặt. Trong các việc khổ như trói buộc, giam cầm, đánh đập, hủy nhục, đâm chém... tự mình vượt qua. Lấy nghiệp dị thực làm chỗ nương hướng đến, nên quyết không đối với người khác phát sanh sân hận, cũng không ôm hận để lòng chẳng xả. Như vậy tuy gặp phải sự xâm phạm lấn hiếp hủy nhục, mà bản tánh đều không thay đổi, chỉ thường nghĩ làm điều lợi ích cho kẻ hại kia.

Lại năng kham nhẫn lạnh nóng, nắng gió, đói khát; gặp phải các độc trùng như muỗi, ruồi, rắn, bọ cạp... hay gặp phải lời nói xúc phạm độc ác của người khiến thân đau đớn bứt rứt, tâm bị khổ đau bức thiết, khổ sở như bị mất mạng, nhưng vì tánh kham nhẫn nên năng chịu đựng dung thứ. Như vậy gọi là khéo năng kham nhẫn.

Sao gọi là không khiếp sợ? Ở giữa đại chúng tuyên thuyết chánh pháp tâm không khiếp nhược, tiếng không run rẩy, biện biệt rõ ràng không lầm lạc, nách không chảy mồ hôi, lông trên thân không dựng đứng. Trọn không do nhân duyên kia mà khiếp sợ hay bị các sự đáng sợ khác bức bách. Như vậy gọi là không có khiếp sợ.

Sao gọi là lời nói đầy đủ viên mãn? Vì người kia thành tựu ngôn ngữ tối thượng: lời nói rất mỹ diệu, hiểu biết thâm sâu, hiển nghĩa sâu xa, dễ thọ dễ hiểu; lời nói khiến vui muốn nghe, lời nói không xúc não, lời nói không cùng tận, không biên bờ, lời nói không có chỗ nương. Như vậy gọi là lời nói đầy đủ viên mãn, ngôn từ khéo léo vi diệu.

Thành tựu 8 chủng nhân duyên như thế, khéo hay ngăn chặn, cử tội, khéo hay khiến nhớ nghĩ, khéo hay dạy trao, khéo hay dạy răn, khéo hay thuyết chánh pháp.

Sao gọi là khéo hay ngăn chặn, cử tội? Vì nếu có người ở nơi tăng thượng giới có chỗ hủy phạm, ở nơi tăng thượng quý tắc có chỗ hủy phạm, do thấy, nghe, nghi người kia, nên dùng pháp can gián, cử tội chân chánh. Tức là vì lòng muốn khiến người kia được nhiều ích, không phải suy tổn, nên dùng pháp chân thật khuyên can, không phải hư dối; đúng thời, không phải phi thời; vì tâm bạn lành, không phải vì lòng ghen ghét, tạt đổ đối với người hủy phạm kia, nên dùng lời nhu nhuyễn, không phải thô ác. Như vậy gọi là khéo hay ngăn, cử.

Sao gọi là khéo hay khiến nhớ nghĩ? Là khiến

nhớ nghĩ đến tội lỗi đã phạm trước, hoặc khiến nhớ nghĩ pháp, hoặc khiến nhớ nghĩ nghĩa.

- Sao gọi là khiến nhớ nghĩ tội lỗi đã phạm trước? Nếu có người trước đã từng phát khởi việc hủy phạm mà không thể tự nhớ, phải khéo dùng phương tiện khiến kia nhớ nghĩ, bảo rằng: “Ông từng ở chỗ đó, vào lúc đó, ở sự việc đó, hủy phạm tướng loại như thế như thế...”. Như vậy gọi là khiến kia nhớ nghĩ tội lỗi đã phạm trước.

- Sao gọi là khiến nhớ nghĩ pháp? Nếu có người ở một mình suy nghĩ nhớ về pháp đã được nghe, đã được thọ, như là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... như trước nói rộng. Nếu người kia không nhớ, phải dùng phương tiện khiến kia nhớ nghĩ: hoặc thuật lại, truyền dạy, gọi lại khiến cho nhớ nghĩ; hoặc phát khởi cật vấn, nạn hỏi khiến cho nhớ nghĩ. Như vậy gọi là khiến nhớ nghĩ pháp.

- Sao gọi là khiến nhớ nghĩ nghĩa? Nếu có người đối với nghĩa lý chân chánh đã được nghe, đã được thọ mà bị quên mất, vì muốn khiến kia nhớ nghĩ lại nên vì kia tuyên thuyết, khai thị khiến cho sáng tỏ, khiến cho rõ ràng. Lại nếu có điều thiện năng dẫn đến nghĩa lợi, năng dẫn phát phạm



hạnh, hoặc có những việc làm đã lâu, những lời dạy đã lâu, kia nếu quên mất điều đã làm, cũng khiến cho nhớ nghĩ. Do đây nên gọi là khiến nhớ nghĩ nghĩ.

Sao gọi là khéo hay dạy trao? Ở nơi hạnh viễn ly tịch tịnh, tác ý chỉ quán Du-già, thường thuận theo đó mà triển chuyển dạy trao, thường tuyên thuyết cùng luận nói tương ưng với kia không điên đảo, đó là các ngôn luận khiến tâm hướng đến xa lìa các chướng cái ngăn che. Vui thích sâu hết thảy ngôn luận giới, ngôn luận đẳng trì, ngôn luận thánh tuệ, ngôn luận giải thoát, ngôn luận giải thoát tri kiến, ngôn luận thiếu dục, ngôn luận vui đủ, ngôn luận vĩnh viễn đoạn dứt, ngôn luận ly dục, ngôn luận tịch diệt, ngôn luận tổn giảm, ngôn luận không tạp, ngôn luận tùy thuận duyên khởi của tánh duyên. Như vậy gọi là khéo hay dạy trao.

Sao gọi là khéo hay dạy răn? Đó là năng dùng chánh pháp và Tỳ-nại-da thánh giáo mà bậc Đại sư thuyết, bình đẳng dạy bảo răn nhắc. Hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc bạn đồng pháp, hoặc những bậc đáng tôn trọng khác, như thật biết kia có lỗi hủy phạm trái vượt, liền đúng thời như pháp

quở trách, trị phạt, đui bỏ khiến kia được điều phục. Lúc kia đã điều phục rồi, như pháp bình đẳng thọ các lợi dưỡng, cùng hòa đồng, nhiếp thọ, thúc liễm, hiểu biết. Đối với việc nên làm thì khiến làm, đối với việc không nên làm thì khiến không làm, đối với việc tích tập và không tích tập đều dạy dẫn chỉ bảo. Như vậy gọi là khéo hay dạy răn.

Sao gọi là khéo thuyết chánh pháp? Vì muốn các hữu tình được thành thực, vì khiến chánh pháp được cứu trụ, nên thường khéo tuyên thuyết ngôn luận không điên đảo làm trước tiên, đó là: ngôn luận thí, ngôn luận giới, ngôn luận sanh thiên. Ở nơi các dục, khéo rộng khai thị khiến lìa khỏi các quá hoạn và khéo rộng khai thị phẩm pháp xuất ly thanh tịnh. Lại thường tuyên thuyết ngôn luận thù thắng siêu vượt tương ưng bốn chủng thánh đế, đó là: ngôn luận khổ, ngôn luận tập, ngôn luận diệt, ngôn luận đạo. Lại tuyên thuyết ngôn luận tương ưng trợ bạn, thuận theo sự trong sáng, có dụng tương xứng, đó là: ngôn luận tương ưng danh, cú, văn thân. Lại phát khởi ngôn luận đúng thời, cần trọng, thứ lớp, có sự móc xích tiếp nối, khiến kia vui mừng, khiến kia vui thích, khiến kia hoan

hỷ, khiến kia dũng mãnh, không bị chê trách đuoải bỏ, tương ứng những điều trợ bạn. Như pháp không lằm loạn, xứng thuận chúng hội. Có tâm từ lân mẫn, có tâm làm lợi ích, có tâm ai mẫn, không vì cung kính lợi dưỡng khen tặng, không tự đề cao, không xem thường khinh miệt người. Như vậy gọi là khéo thuyết chánh pháp.

Do người kia thành tựu 8 chi như vậy, tùy theo thời điểm mà khéo hay ngăn cử, khéo hay khiến nhớ nghĩ, khéo hay dạy trao, khéo hay dạy răn, khéo hay thuyết chánh pháp. Cho nên gọi người kia là bạn lành.

Như vậy đã biện biệt rộng về tánh bạn lành.

Nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Nếu làm bạn lành thì tâm khéo léo điều nhu gần gũi, tức là tánh ai mẫn. Lúc đầu đối với người kia vui làm lợi ích, vui làm an lạc. Lại đối với việc làm lợi ích an lạc đây, như thật rõ biết không có điên đảo, xa lìa nhận thức điên đảo. Lại do việc làm lợi ích an lạc đây mà có năng lực lớn, có phương tiện khéo léo, hay khiến tích tập, hay khiến dẫn phát. Lại đối với việc làm lợi ích an lạc đây, khiến gắng sức vượt qua, không rơi vào lười biếng, khởi phát

viên mãn, vì tánh vui thích phát sanh tinh tấn. Nên biết do bốn nhân duyên thâm nhiếp hết thảy chúng, gọi chung là viên mãn tánh thiện tri thức.

Như vậy gọi là nghĩa tóm lược của tánh bạn lành.

Hoặc nghĩa phân biệt rộng như trước đã nói, hoặc nghĩa tóm lược như đã nói ở đây, tất cả đều gọi là tánh bạn lành.

**j. Sao gọi là nghe chánh pháp?** Là nghe chánh pháp do Đức Thế Tôn, hoặc do đệ tử của Phật, hoặc bậc chánh học chánh chí, hoặc bậc chánh hiền thiện tuyên thuyết khai dạy, phân biệt soi sáng rõ ràng. Việc đây lại như thế nào? Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... nói rộng như trước, mười hai phần giáo gọi là chánh pháp.

Sao gọi là Khế kinh? Đó là Đức Bạc-Già-Phạm ở phương đó giáo hóa các hữu tình, vì nơi đó có các hành động việc làm sai biệt, nên có các sự giáo hóa sai biệt. Ngài dùng vô lượng lời nói tương ưng ẩn, lời nói tương ưng xứ, lời nói tương ưng duyên khởi, lời nói tương ưng thực, lời nói tương ưng đế, lời nói tương ưng giới, lời nói tương ưng Thanh văn thừa, lời nói tương ưng Độc giác thừa, lời nói tương

ưng Như Lai thừa; lời nói tương ưng với niệm trụ, chánh đoạn, thân túc, căn lực, giác chi, đạo chi...; lời nói tương ưng với khiến dừng dứt bất tịnh, lời nói tương ưng với các học chứng tịnh... gọi là Thánh ngữ. Thâu nhiếp tích tập chủng chủng Thánh ngữ như vậy, kết tập thành tạng chánh pháp của Như Lai. Vì muốn Thánh giáo cứu trụ nơi đời, nên dùng các danh, văn, cú thân vi diệu, tùy theo thứ tự mà lưu bố, an trí, kết tập, tức là xâu kết xuyên suốt chủng chủng các nghĩa chân thiện diệu năng dẫn nghĩa lợi, năng dẫn phạm hạnh. Đây gọi là Khế kinh.

Sao gọi là Ứng tụng? Ở trong đây, hoặc khoảng giữa, hoặc lúc sau cùng, tuyên thuyết Già-đà, hoặc lại tuyên thuyết kinh bất liễu nghĩa. Đây gọi là Ứng tụng.

Sao gọi là Ký biệt? Ở trong đây, Phật thọ ký riêng các sự sanh ở đời đương lai... của các đệ tử sau khi mạng chung, hoặc lại tuyên thuyết kinh liễu nghĩa. Đây gọi là Ký biệt.

Sao gọi là Phúng tụng? Ở trong đây không phải thuyết trực tiếp, mà thuyết bằng các cú kết hợp lại, hoặc là hai cú, hoặc là ba cú, hoặc là bốn

cú, hoặc là năm cú, hoặc là sáu cú... Đây gọi là Phúng tụng.

Sao gọi là Tự thuyết? Ở trong đây không hiển bày tên tuổi, dòng tộc của bồ-đặc-già-la năng tỉnh, chỉ vì khiến đương lai chánh pháp được cứu trụ, thánh giáo cứu trụ, nên không ai thưa hỏi mà Phật tự thuyết. Đây gọi là Tự thuyết.

Sao gọi là Nhân duyên? Ở trong đây hiển bày tên tuổi, dòng tộc của bồ-đặc-già-la năng tỉnh, nhân được thỉnh hỏi mà thuyết và các sở hữu Tỳ-nại-da tương ưng kinh Biệt giải thoát có nhân có duyên. Đây gọi là Nhân duyên.

Sao gọi là Thí dụ? Ở trong đây có nói thí dụ, do thí dụ nên nghĩa gốc được rõ ràng minh bạch. Đây gọi là Thí dụ.

Sao gọi là Bốn sự? Là những lời dạy về các việc làm có nghĩa tương ưng với đời trước. Đây gọi là Bốn sự.

Sao gọi là Bốn sanh? Ở trong đây tuyên nói về đức Thế Tôn ở đời quá khứ hành Bồ-tát hạnh, làm những hạnh khó làm, hoặc ở đời này, hoặc đời khác, hoặc chết, hoặc sanh. Đây gọi là Bốn sanh.

Sao gọi là Phương quảng? Ở trong đây tuyên

nói tất cả các đạo Bồ-tát trong mười phương tu chứng tất cả công đức Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, mười lực, vô úy, vô chướng trí... Đây gọi là Phương quảng.

Sao gọi là Hy pháp? Ở trong đây tuyên thuyết công đức thù thắng cộng hoặc bất cộng của chư Phật, đệ tử Phật, Bí-sô, Bí-sô-ni, Thích-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ... Công đức đây thù thắng rất lạ kỳ hy hữu, thắng vượt hơn các công đức khác mà thế gian đồng ý công nhận. Đây gọi là Hy pháp.

Sao gọi là Luận nghị? Đó là tất cả Ma-đát-lý-ca (tạng Luận), luận A-tỳ-đạt-ma, nghiên cứu sâu xa nghĩa lý của Tố-đát-lãm (tạng Kinh) tuyên thuyết, thông tỏ tông yếu của tất cả Khế kinh. Đây gọi là Luận nghị.

Như vậy đã thuyết mười hai phần giáo nhiếp thuộc ba tạng: hoặc nhiếp tạng Tố-đát-lãm, hoặc nhiếp tạng Tỳ-nại-da, hoặc nhiếp tạng A-tỳ-đạt-ma.

Trong đây, nếu thuyết Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sanh, Phương quảng, Hy pháp, gọi là tạng Tố-

đát-lãm. Nếu thuyết Nhân duyên, gọi là tạng Tỳ-nại-da. Nếu thuyết Luận nghị, gọi là tạng A-tỳ-đạt-ma. Cho nên mười hai phần giáo như vậy nhiếp thuộc ba tạng. Vì đây là pháp mà tất cả bậc chánh sĩ chánh chí, bậc chánh hiền thiện đều tuyên thuyết, cho nên gọi là chánh pháp. Vì lắng nghe pháp đây, gọi là nghe chánh pháp.

Việc đây lại như thế nào? Như có người hoặc theo đó mà thọ trì Tố-đát-lãm, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì A-tỳ-đạt-ma, hoặc thọ trì Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì Tố-đát-lãm và A-tỳ-đạt-ma, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma, hoặc thọ trì đủ Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma. Hết thấy như vậy gọi là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp đây lại có 2 loại: một là nghe văn; hai là nghe nghĩa.

**k.** *Sao gọi là nghĩ chánh pháp?* Có người như chánh pháp đã được nghe, được tín thọ, một mình ở chốn không nhàn, xa lìa 6 chủng xứ không nên tư duy, đó là: nghĩ bàn về ngã, nghĩ bàn về hữu tình, nghĩ bàn về thế gian, nghĩ bàn về nghiệp hữu tình cùng quả dị thực, nghĩ bàn về các hành giả tĩnh lự cùng cảnh giới tĩnh lự, nghĩ bàn về chư



Phật cùng cảnh giới chư Phật. Chỉ nên chân chánh tư duy tự tướng, cộng tướng của các pháp. Tư duy như thế có 2 loại: 1. Dùng hành tướng toán số, phương tiện khéo léo tính toán các pháp; 2. Dùng hành tướng xứng lượng, nương chánh đạo lý, quán sát lỗi lầm, công đức của các pháp. Ở đây, hoặc tư duy lời dạy tương ứng với các uẩn, hoặc lại tư duy tùy theo một lời dạy khác, như trước đã thuyết. Tất cả đều dùng hai chủng hành tướng như vậy mà phương tiện tư duy.

Sao gọi là dùng hành tướng toán số, phương tiện khéo léo tính toán các pháp? Nói sắc, tức 10 sắc xứ và các sắc nhiếp thuộc pháp xứ, gọi là sắc uẩn. Nói thọ, tức 3 loại cảm thọ gọi là thọ uẩn. Nói tưởng, tức 6 tướng thân gọi là tướng uẩn. Nói hành, tức 6 tư thân... gọi là hành uẩn. Nói thức, tức 6 thức thân... gọi là thức uẩn. Như vậy gọi là dùng hành tướng toán số tư duy lời dạy tương ứng các uẩn. Hoặc lại do hành tướng toán số đây, tư duy phân biệt triển chuyển sai biệt, nên biết tức có vô lượng sai biệt.

Sao gọi là dùng hành tướng xứng lượng, nương chánh đạo lý, tư duy lời dạy tương ứng với các uẩn?

Là nương 4 đạo lý quán sát không điên đảo. Những gì là bốn? 1. Quán đãi đạo lý; 2. Tác dụng đạo lý; 3. Chứng thành đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý.

- Sao gọi là quán đãi đạo lý? Nói tóm lược có 2 loại quán đãi: 1. Quán đãi sanh khởi; 2. Quán đãi thi thiết.

Quán đãi sanh khởi: tức là do thế lực của các nhân, các duyên khiến sanh khởi các uẩn. Cho nên các uẩn được sanh khởi, cần yếu phải trông chờ các nhân, các duyên.

Quán đãi thi thiết: tức là do danh thân, cú thân, văn thân thi thiết các uẩn. Cho nên các uẩn được thi thiết, cần yếu phải trông chờ danh, cú, văn thân.

Đây gọi là quán đãi sanh khởi, quán đãi thi thiết đối với uẩn. Tức quán đãi sanh khởi, quán đãi thi thiết, các uẩn được sanh khởi, các uẩn được thi thiết đây gọi là đạo lý phương tiện Du-già.

- Sao gọi là tác dụng đạo lý? Các uẩn đã sanh do duyên của chính mình, mỗi mỗi tự có tác dụng sai biệt, tức là mắt năng thấy sắc, tai năng nghe âm thanh, mũi năng ngửi hương, lưỡi năng nếm vị, thân năng cảm xúc, ý năng hiểu pháp. Sắc là cảnh

của mắt, là sở hành của mắt, cho đến pháp là cảnh của ý, là sở hành của ý. Hoặc có các loại khác, mỗi mỗi tự có tác dụng sai biệt nên biết cũng vậy, tức là các pháp đây mỗi mỗi tự có tác dụng sai biệt là sở hữu đạo lý phương tiện Du-già. Đây gọi là tác dụng đạo lý.

- Sao gọi là chứng thành đạo lý? Tất cả uẩn đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, do nhiều duyên sanh khởi. Do ba lượng nên như thật quán sát, đó là do chí giáo lượng, do hiện lượng và do tỷ lượng. Do ba lượng đây mà chứng nghiệm đạo lý. Các bậc trí giả tâm chân chánh giữ gìn lãnh thọ, an trí thành lập. Đó là như thật biết tất cả uẩn tánh đều vô thường, tánh khổ, tánh không, tánh vô ngã, cùng tánh nhiều duyên sanh. Hết thấy như thế gọi là chứng thành đạo lý.

- Sao gọi là pháp nhĩ đạo lý? Đó là vì nhân duyên gì, tức các uẩn kia, chủng loại như vậy, các khí thể gian an bày như vậy? Vì nhân duyên gì, địa lấy rắn chắc làm tướng, nước lấy ẩm ướt làm tướng, lửa lấy ấm áp làm tướng, gió lấy chuyển động làm tướng? Vì nhân duyên gì, các uẩn vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh? Vì nhân duyên

gì, tướng sắc thì biến hoại, tướng thọ thì lãnh nạp, tướng tưởng thì biết rõ hết thấy, tướng hành thì tạo tác, tướng thức thì phân biệt rõ? Do các pháp kia bản tánh lẽ như vậy, tự tánh lẽ như vậy, pháp tánh lẽ như vậy. Tức pháp nhĩ đây gọi là đạo lý phương tiện Du-già.

Hoặc tức như vậy, hoặc khác như vậy, hoặc không phải như vậy, tất cả đều lấy pháp nhĩ làm chỗ nương, tất cả đều quy về pháp nhĩ, khiến tâm an trụ, khiến tâm thông tỏ. Như vậy gọi là đạo lý pháp nhĩ.

Như thế gọi là nương bốn đạo lý quán sát lời dạy tương ứng với các uẩn.

Như vậy, tức do hai chủng hành tướng là hành tướng toán số và hành tướng xứng lượng mà quán sát lời dạy tương ứng với các uẩn. Nương hai chủng hành tướng đây quán sát sở hữu những lời dạy còn lại. Như vậy gọi là chân chánh quán sát và tư duy tất cả chánh pháp đã được nói.

Như vậy gọi là nghe, nghĩ chánh pháp.

1. Sao gọi là không có chướng ngại: Không có chướng ngại đây nói lược có hai chủng: 1. Nương bên trong; 2. Nương bên ngoài. Nay Ta trước sẽ nói

về nường chướng ngại bên trong, nường chướng ngại bên ngoài. Còn trái lại, nên biết tức là hai chủng không có chướng ngại.

Sao gọi là nường chướng ngại bên trong? Như có người ở đời trước chưa từng tu phước. Vì không tu phước, nên thường không thuận lợi trong việc kiếm sống, không có được nhiều của cải, vật dụng nuôi thân như áo quần, thức ăn uống, các thứ tọa ngọa cụ, thuốc trị bệnh và những đồ dùng khác. Kẻ kia có tham mãnh lợi và tham lâu dài, có sân mãnh lợi và sân lâu dài, có si mãnh lợi và si lâu dài. Kẻ kia hoặc ở đời trước tích tập tạo tác nghiệp nhiều bệnh tật, do nhân duyên đây bị mắc phải nhiều tật bệnh; hoặc do hiện tại việc sinh hoạt không quân bình điều hòa, do nhân duyên đây cảm lạnh, nóng sốt ho đàm... mỗi mỗi phát sanh; hoặc do ăn thức ăn hư cũ, nặng nề khó tiêu, khiến thức ăn tồn đọng trong thân gây bệnh; hoặc ham thích ngủ nghỉ. Kẻ kia nhiều sự nghiệp, nhiều việc làm, nhiều sự bôn ba, vui đắm sự nghiệp; say mê luận bàn nói năng, ưa thích chúng tụ hội huyên náo, nhiều vui thích cùng các chúng kia hội họp, vui thích cuộc sống chung hỗn tạp, vui đắm hý luận, ưa tự đề cao,

ỷ lại, trạo loạn phóng dật, lưu trú không đúng nơi đúng chỗ. Hết thấy loại như vậy gọi là nương chướng ngại bên trong.

Sao gọi là nương chướng ngại bên ngoài? Như có người nương học theo thầy không phải thiện sĩ, do nhân duyên đây, thời thời không thể được dạy răn dạy trao thuận theo chánh pháp. Lại ở trú xứ có nhiều việc hung ác, hoặc có rất nhiều sự khủng bố của người hay phi nhân gây ra. Vào ban ngày có nhiều chúng tập hợp ồn náo, có vô số việc thay đổi lộn xộn. Vào ban đêm cũng có nhiều tiếng cãi vã, nói lớn tiếng của những chúng hội nhóm họp huyền náo. Lại có chủng chủng khổ sở khó chịu, bởi tiếp xúc nắng, gió... Hết thấy loại như vậy gọi là nương chướng ngại bên ngoài.

Như vậy đã biện rộng chướng ngại bên trong và bên ngoài.

Lại nghĩa tóm lược của phần này như thế nào? Trong đây lược có 3 chướng: 1. Chướng ngại gia hạnh; 2. Chướng ngại viễn ly; 3. Chướng ngại tịch tĩnh.

Sao gọi là chướng ngại gia hạnh? Nếu gặp chướng đây hiện tiền, thì đối với gia hạnh phẩm

thiện, không có khả năng, cũng không có đủ sức kham nhiệm. Việc đây như thế nào? Đó là mắc phải các thứ bệnh nặng khôn khổ thường sanh khởi như cảm gió, nóng sốt, ho đàm... Hoặc ăn phải thức ăn xấu tồn đọng lại trong thân thành bệnh. Hoặc bị rắn rết, bò cạp, côn trùng chích đốt. Hoặc bị người và loài phi nhân quấy phá, bức nã. Hoặc không có được y thực, ngọa cụ, thuốc trị bệnh cùng các vật dụng nuôi thân khác. Hết thấy loại như vậy gọi là chướng ngại gia hạnh.

Sao gọi là chướng ngại viễn ly? Hoặc ăn thức ăn nặng nề, nhiều sự nghiệp, nhiều việc làm, nhiều sự bôn ba, hoặc vui đắm sự nghiệp, do nhân duyên đây yêu quý chủng chủng các sự nghiệp đã tạo tác, tâm bị lưu tán ở trong các việc kia. Hoặc say mê bàn luận nói năng, do nhân duyên đây tuy sống hạnh viễn ly, tu tập đoạn, tịch tĩnh có chỗ kham năng, có thể lực lớn, nhưng chỉ đọc tụng mà cho là vui đủ. Hoặc ham thích ngủ nghỉ, vì tánh giải đãi, lấy việc ngủ làm vui, lấy việc nằm là vui, do nhân duyên đây thường hay bị hôn trầm thụy miên trôi buộc, nhiễu loạn. Hoặc ưa thích chúng hội huyên náo, do nhân duyên đây vui cùng với chúng tại gia

và chúng xuất gia đàm luận những chuyện như chuyện vua, chuyện nước, chuyện giặc, chuyện dân nữ, chuyện bậc đại nhân giúp người, chuyện ăn uống, chuyện y phục... đủ thứ chuyện thế gian. Hết thấy loại vui nói đàm luận như thế chỉ dẫn đến luận bàn vô nghĩa, sáo rỗng, uống phí qua ngày.

Lại nhiều vui thích cùng các chúng kia hội họp, khiến tâm bị tán động, khiến tâm bị nhiễu loạn. Hoặc vui thích cuộc sống chung hỗn tạp, do nhân duyên đây các chúng tại gia và chúng xuất gia, nếu chưa gặp gỡ thì nghĩ nhớ mến mộ muốn gặp, nếu đã từng gặp thì không muốn xa lìa. Hoặc vui đắm hý luận, do nhân duyên đây vui đắm các thứ hý luận thế gian, đối với những việc làm tốt đẹp lợi bản thân, vui hưởng đến trước hết, đối với hạnh viễn ly, vui xả bỏ ách thiện. Có nhiều loại pháp chướng ngại như vậy, nên biết tất cả đều là chướng ngại viễn ly. Nếu hiện tiền gặp phải chướng ngại đây, tuy ở xứ a-lan-nhã, núi rừng, đồng trống, mà khó thể xả bỏ xa lìa sở hữu tham trước vật dụng; cũng không thể sống ở chốn a-lan-nhã, tịnh thất không nhà, dưới gốc cây, mộ hoang.

Sao gọi là chướng ngại tịch tịnh? Nói tịch



tĩnh, tức là Xa-ma-tha (chỉ) và Tỳ-bát-xá-na (quán). Có chướng ngại Xa-ma-tha. Có chướng ngại Tỳ-bát-xá-na.

- Sao gọi là chướng ngại Xa-ma-tha? Tức là do phóng dật và do trú ở nơi phi xứ. Do phóng dật, tức là bị hôn trầm thuy miên trối buộc quấy nhiễu nơi tâm, hoặc mới đắc định Xa-ma-tha liền sanh ái vị, hoặc ở nơi tánh thấp kém tâm vui thích nhập vào, hoặc ở nơi tánh ám muội tâm sanh vui thích say đắm. Do trú ở nơi phi xứ, nên người và loài phi nhân quấy rối nhiễu loạn, các việc tạp khác bức nã, khiến tâm hướng ra bên ngoài mà bị tán loạn. Như vậy gọi là chướng ngại Xa-ma-tha. Nên biết chướng ngại đây năng chướng ngại sự tịch tĩnh.

- Sao gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na? Như có người lấy tự thị cao cử làm vui và lấy trạo loạn làm vui.

Nói lấy tự thị cao cử làm vui, đó là như có người khởi suy nghĩ: “Ta sanh trong dòng tộc cao quý, tịnh tín xuất gia, chẳng phải chủng loại hạ liệt, các Bí-sô khác thì chẳng được như vậy”, do nhân duyên đây tự cao tự đại khinh miệt người khác. Hoặc lại suy nghĩ: “Ta sanh trong dòng tộc

giàu sang như vậy, tịnh tín xuất gia, chẳng phải hạ tầng nghèo hèn. Ta có sắc thân đầy đủ đẹp đẽ, đoan nghiêm khiến người đều vui thích muốn thấy. Lại nghe nhiều, học rộng, nắm giữ tích tập nhiều điều đã nghe, lời nói ra khéo léo, lời nói đầy đủ viên mãn. Các Bí-sô khác thì chẳng được như thế”, do nhân duyên đây tự cao tự đại khinh miệt người khác. Do kẻ kia tự cao cử, nên đối với các Bí-sô trưởng lão nhiều trí, rộng tu tập phạm hạnh, chẳng thể thường cung kính thưa hỏi. Các bậc Bí-sô trưởng lão cũng không thường vì người ấy khai phát điều chưa khai phát, hiển rõ điều chưa hiển rõ, cũng chẳng vì kẻ kia mà hết lòng chân thành nhắc nhở, cũng không đem trí tuệ thông đạt, cú nghĩa sâu xa, phương tiện khéo léo để khai thị, cho đến khiến kẻ kia được trí kiến thanh tịnh. Như vậy gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na do lấy tự thị cao cử làm vui.

Lại như có người chỉ được chút ít trí kiến hạ liệt mà bằng lòng an ổn trụ nơi đó, do đây nên phát sanh tự cao tự đại. Vì tự cao tự đại đây, nên sanh tâm vui đủ không cầu thắng tiến. Đây cũng gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na do lấy tự thị cao

cử làm vui.

Nói trạo loạn, đó là như có người các căn lúc nào cũng không thanh tịnh, luôn trạo cử, loạn động; điều suy nghĩ là điều ác, lời nói là lời ác, việc làm là việc ác; không thể an trú tư duy các pháp, không thể bền vững tư duy các pháp. Do nhân duyên đây, Tỳ-bát-xá-na không thể viên mãn, không được thanh tịnh. Đây gọi là chướng ngại Tỳ-bát-xá-na do trạo loạn.

Tóm lại, có hai pháp năng làm chướng ngại Xa-ma-tha, đó là: nhiều phóng dật và trụ ở nơi phi xứ. Cũng có 2 pháp năng làm chướng ngại Tỳ-bát-xá-na, đó là: lấy cao cử làm vui và trạo loạn.

Như vậy, hoặc chướng ngại Xa-ma-tha, hoặc chướng ngại Tỳ-bát-xá-na đều gọi là chướng ngại tịch tĩnh.

Đây là nghĩa tóm lược của sự chướng ngại và ở trước cũng đã nói rộng, tất cả đều lược chung làm một, gọi là chướng ngại. Trái với chướng ngại kia, phải biết là không chướng ngại. Tức là không tánh chướng ngại này, xa lìa, không hội không hợp với sự chướng ngại trên, nên gọi là không chướng ngại.

**m. Sao gọi là tu huệ xả?** Nếu bố thí mà tánh

không tội, chỉ vì tâm trang nghiêm, vì tâm trợ bạn, vì tư trợ Du-già, vì thành tựu nghĩa tối thượng mà tu tập bố thí, đây gọi là huệ xả.

**Hỏi:** Ai năng thí? Ai được thí? Dùng gì để thí? Tướng thí thế nào? Vì sao thí? Nên thí gì? Do nhân duyên gì mà tánh thí không tội?

**Đáp:** Ai năng thí? Người thí, thí chủ gọi là năng thí.

Nói người thí: là tự tay thí gọi là người thí.

Nói thí chủ: hoặc thí vật của mình, hoặc vui muốn thí, chẳng phải không vui thí, gọi là thí chủ.

Ai được thí? Có 4 loại được thí: 1. Do người nghèo khổ mà thí; 2. Do người có ân mà thí; 3. Do người thân yêu mà thí; 4. Do bậc tôn quý mà thí.

Sao gọi là do người nghèo khổ? Là người bần cùng khốn khó, hoặc người hành khất, hoặc người cầu xin, hoặc người mù lòa, hoặc người ngu đốc, hoặc người không có áo quần, hoặc người không chỗ nương thân, hoặc người thiếu thốn các vật dụng nuôi thân. Ngoài ra, còn có hết thảy loại khác như thế gọi là người nghèo khổ.

Sao gọi là do người có ân? Đó là hoặc cha mẹ, hoặc người cho bú mớm (vú nuôi), hoặc người chăm

sóc nuôi dưỡng, hoặc người giúp đỡ trưởng thành. Hoặc người dẫn đường trong đồng trống, trong hoang mạc. Hoặc người cứu giúp lúc nghèo túng cơ bản, hoặc người ra tay cứu viện khi gặp kẻ thù oán địch, hoặc người giải mở lúc bị giam cầm, hoặc người cho thuốc khi tật bệnh, hoặc người dạy dỗ những điều lợi ích, hoặc người dẫn đến lợi ích an vui, hoặc người làm bạn trợ giúp tùy theo công việc phát sanh, hoặc người chia sẻ vui buồn, hoặc người lúc gặp gian nguy không bỏ rời nhau... Lại có hết thấy loại người khác như thế gọi là người có ân.

Sao gọi là người thân yêu? Là các bạn thân hay những người có yêu quý, có kính trọng, hoặc lời nói tín thuận, hoặc đàm luận qua lại, hoặc có sự thân thiết gần gũi... Lại có hết thấy loại người khác như thế gọi là người thân yêu.

Sao gọi là người tôn quý? Hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, thế gian cùng công nhận đó là bậc hiền thiện, là bậc xa lìa sự tổn hại, là bậc xa lìa rớt ráo sự tổn hại, là bậc lìa tham dục, là bậc điều phục tham mà tu hành, là bậc lìa sân khuể, là bậc điều phục sân mà tu hành, là bậc lìa ngu si, là bậc điều phục si mà tu hành. Lại có hết thấy loại người

khác như thế gọi là người tôn quý.

Dùng gì để thí? Nếu nói tóm lược, hoặc dùng các vật hữu tình mà hành huệ thí, hoặc dùng các vật vô tình mà hành huệ thí.

Sao gọi là dùng vật hữu tình mà hành huệ thí? Hoặc thí vợ con, nô tỳ, tôi tớ. Hoặc thí các loài vật như voi, ngựa, heo, trâu, dê, gà, vịt, lạc đà, lừa... Hoặc thí thanh niên, thiếu niên, bé trai, bé gái. Lại có các hữu tình khác như thế dùng để thí. Hoặc thí thân thể của mình như đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt, xương, tủy... tùy chỗ mong cầu mà thí cho. Đây cũng gọi là dùng vật hữu tình để bố thí. Sự bố thí đây là chỗ hiện hạnh của chư Bồ tát, không phải sự thí mà trong nghĩa đây ý muốn hứa thuận. Ở nơi các loại hữu tình kia hoặc được tự do, hoặc có sức khỏe, hoặc đã được điều phục, nếu phải lấy để huệ thí cho người, thì lúc huệ thí nên quán sát tự mình không có tội, hoặc biết nếu không thí những hữu tình kia sẽ là nhân duyên khiến tâm người khác hiềm hận, hoặc thí cho người mà biết tâm hữu tình kia không bị tổn não. Đây gọi là dùng vật hữu tình mà huệ thí không có tội.

Sao gọi là dùng vật vô tình mà hành huệ thí?

Nếu lược thuyết có 3 loại vật: 1. Tài vật; 2. Vật thuộc ngũ cốc; 3. Vật thuộc chỗ ở.

Tài vật: là ma-ni, trân châu, lưu ly, loa-bồi, ngọc bích, mã não, xích châu, đá quý. Lại có các loại khác như thế, hoặc trân bảo, hoặc vàng, hoặc bạc, hoặc các loại y phục, hoặc các loại tạp vật, hoặc các hương xoa, hoặc tóc. Đây gọi là tài vật.

Vật thuộc ngũ cốc: là hết thảy các loại có thể dùng để ăn, dùng để uống như lúa mạch, lúa mì, lúa gạo, lúa nếp, mè, mía, sữa, phó-mát, các loại quả như cam, bồ đào, các loại nước dùng để uống... Lại có hết thảy loại khác như thế gọi là vật thuộc ngũ cốc.

Vật thuộc chỗ ở: là ruộng vườn, nhà cửa, dinh phủ, cửa hiệu, hàng quán, chợ búa, viện cô nhi, viện dưỡng lão, chùa chiền, nơi làm việc... Lại có hết thảy loại khác như thế gọi là vật thuộc chỗ ở.

Đây gọi là dùng vật vô tình mà hành huệ thí không có tội.

Phải biết trong đây tất cả vật thuộc trong số hữu tình, tất cả vật thuộc trong số vô tình đều gọi chung là vật dùng để thí.

Tương thí thế nào? Đó là ý nghiệp, tâm suy

ngĩ tạo tác đồng hành cùng không tham. Và do đây, thân nghiệp, ngũ nghiệp phát khởi.

Xả vật đã thí, hoặc tự mình tương tục, hoặc người tương tục, đây gọi là tướng thí.

Thí thế nào? Do tín tâm thanh tịnh mà hành huệ thí. Do rõ biết chánh giáo mà hành huệ thí. Do nhận biết có quả báo mà hành huệ thí. Do rất ân trọng mà hành huệ thí. Do lòng cung kính không khinh mạn, tự tay mình hành thí. Cấp thí đúng thời, vì cứu giúp người, không gây tổn não người khác mà hành huệ thí. Bình đẳng như pháp, chẳng dùng bạo lực tích chứa tài vật để dùng cho việc cấp thí mà hành huệ thí. Dùng vật tinh khiết mà hành huệ thí. Dùng vật ngon ngọt tươi tốt mà hành huệ thí. Dùng vật thanh tịnh mà hành huệ thí. Do mỗi việc dùng huệ thí, nên mình người đều không tội. Luôn luôn huệ thí, vì điều phục sức mạnh của lòng keo lẩn, xén tiếc. Tích tập thế lực mà hành huệ thí. Lúc bố thí, trước phải khởi lòng hoan hỷ, đang lúc thí lòng thanh tịnh, thí rồi không hối hận. Phải như thế mà bố thí.

Vì sao thí? Hoặc vì từ bi mà hành huệ thí, như đối với những người nghèo khổ. Hoặc vì tri ân mà



hành huệ thí, như đối với người có ân. Hoặc vì sự thương yêu, hoặc vì cung kính, hoặc vì tín thuận mà hành huệ thí, như đối với người thân yêu. Hoặc vì mong cầu công đức thế gian và xuất thế gian thù thắng mà hành huệ thí, như đối với những người tôn quý. Do nhân duyên đây nên tu huệ thí.

Do hành tướng đây, hoặc người tại gia, hoặc người xuất gia tu hành huệ thí vì tâm trang nghiêm, vì tâm trợ bạn, vì tư trợ Du-già, vì chứng được nghĩa tối thượng mà hành bố thí. Do nhân duyên đây tánh thí không tội. Đây gọi là huệ xả.

**n. Sao gọi là vật trang nghiêm của Sa-môn?**  
 Ôt-Đà-Nam nói:

*Chánh tín mà không siểm  
 Ít bệnh, tinh tấn, tuệ  
 Đủ thiếu dục, vui đủ  
 Dễ nuôi và dễ đủ*

*Đức Dầu-dà đoan nghiêm  
 Biết lượng, pháp thiện sĩ  
 Tướng người đủ thông tuệ  
 Nhẫn, nhu hòa, hiền thiện.*

Đó là đầy đủ chánh tín, không siểm khúc, ít

các bệnh tật, tánh siêng năng tinh tấn, thành tựu diệu tuệ, ít muốn, vui đủ, dễ nuôi dưỡng, dễ thỏa mãn, đều thành tựu đầy đủ công đức Đâu-đà, đoan nghiêm, biết lượng, thành tựu đầy đủ pháp của bậc hiền thiện, thành tựu đầy đủ tướng của bậc thông tuệ, kham nhẫn nhu hòa, vì tánh hiền thiện.

Sao gọi là đầy đủ chánh tín? Như có người nhiều lòng tịnh tín, nhiều sự kính thuận chân chánh, phát khởi nhiều thắng giải, vui muốn nhiều sự an vui tốt lành. Đối với bậc Đại sư và các thiện pháp, sanh tịnh tín thâm sâu, không nghi không hoặc. Đối với bậc Đại sư, cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường. Đã tu tập cung kính tôn trọng, phụng sự cúng dường như vậy, lại thêm chuyên lòng thân cận, y chỉ, nương tựa mà cùng chung an trú. Như đối với Đại sư như vậy, thì đối với bậc đồng phạm hạnh như pháp, đối với những điều dạy răn dạy trao được học, đối với việc tu cúng dường, đối với việc không phóng dật, đối với Tam-ma-địa cũng hành như vậy. Đây gọi là đầy đủ chánh tín.

Sao gọi là không siểm khúc? Như có người tánh thuần chất chánh trực, đối với Đại sư cùng các đồng phạm hạnh có trí, như thật tự hiển bày

chính mình. Như vậy gọi là không có siểm khúc.

Sao gọi là ít các bệnh tật? Như có người thân không bệnh, đúng thời tiêu hóa điều hòa, quân bình thọ dùng, giữ gìn, không quá nóng, không quá lạnh, không bị tổn hại, tùy thời an vui. Do nhân duyên đây, ở nơi việc ăn, việc uống, việc nếm, việc nhai dễ dàng tiêu hóa, biến đổi nhanh chóng. Đây gọi là ít các tật bệnh.

Sao gọi là tánh siêng năng tinh tấn? Người kia thường an trụ bền bỉ, cần mẫn, dũng mãnh, bền chắc. Ở trong thiện pháp thường không xả bỏ ách, mạnh mẽ siêng năng không lười biếng. Khởi phát viên mãn, năng làm việc có nghĩa lợi. Tự sanh lòng cung kính, phụng sự các đồng phạm hạnh có trí. Như vậy gọi là tánh siêng năng tinh tấn.

Sao gọi là thành tựu diệu tuệ? Người kia nhớ nghĩ, hiểu biết thông suốt đều viên mãn tất cả. Các căn không ám độn, căn không ngu ngốc, cũng không câng ngọng, chẳng phải dùng tay ra dấu thay lời. Có khả năng thông đạt, hiểu rõ nghĩa pháp là lời thiện, lời ác. Thành tựu đầy đủ tuệ hiểu biết câu sanh, thành tựu đầy đủ tuệ hiểu biết gia hạnh. Như vậy gọi là thành tựu diệu tuệ.

Sao gọi là ít muốn? Tuy người kia thành tựu hết thấy sở hữu công đức của hạnh ít muốn... nhưng không muốn để người khác biết đến rằng ta thành tựu đầy đủ công đức ít muốn. Đây gọi là ít muốn.

Sao gọi là vui đủ? Đối với hết thấy việc y phục, ăn uống, ngọa cụ... đều sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm chân chánh biết đủ. Đối với những y phục chưa có được, hoặc thô xấu, hoặc tốt đẹp đều không nghĩ nhớ, đều không mong cầu. Đối với y phục đã có được, không nhiễm đắm, không yêu quý, thọ dụng như phần trước đã rộng nói. Như đối với y phục, thì đối với hết thấy việc ăn uống, ngọa cụ... phải biết cũng vậy. Đây gọi là vui đủ.

Sao gọi là dễ nuôi dưỡng? Như có người tự mình đủ khả năng nuôi dưỡng mình, không chờ đợi sự nuôi dưỡng chăm sóc của người khác như tôi tớ, hoặc những người khác. Cũng không mong đợi tiền của nuôi dưỡng từ người khác, khiến cho người thí, chủ thí... phải nói là “khó nuôi dưỡng”. Đây gọi là dễ nuôi dưỡng.

Sao gọi là dễ thỏa mãn? Như có người nếu được chút lợi dầu ít ỏi nhỏ nhoi, cũng tự mình ân trọng giữ gìn, nếu được thô xấu cũng tự mình ân

trọng giữ gìn. Đây gọi là dễ thỏa mãn.

Sao gọi là thành tựu công đức Đâu-đà? Đó là thường khát thực, thứ lớp khát thực, chỉ ngồi ăn một lần, trước dùng sau ăn. Chỉ giữ ba y, chỉ giữ y bằng lông, giữ y phẩn tảo. Sống ở chốn a-lan-nhã, thường ở dưới gốc cây, thường ở đồng vắng, thường ở gò mả. Thường ngồi ngay thẳng, chỗ ngồi bình thường. Hoặc việc ăn uống, hoặc việc áo quần, hoặc việc sắp xếp các vật dụng nằm ngồi đều y như vậy. Công đức Đâu-đà, hoặc 12 thứ, hoặc 13 thứ.

- Khát thực có 2 loại: 1. Tùy chỗ khát thực có được; 2. Thứ lớp khát thực.

Tùy chỗ khát thực có được: tức là chỉ từ một nhà đi đến rồi trở về, tùy những gì có được, tùy chỗ được nhiều ít mà thọ thực.

Thứ lớp khát thực: tức là vào thôn xóm, tuần tự từng nhà mà khát, tùy những gì có được, tùy vật hiện có ấy mà thọ thực. Không giơ tay cao với đến nhà người khác, không mong muốn được thí những thức ăn uống thơm ngon, cho đến mong muốn được nhiều thức ăn, vật uống.

Phải biết trong đây, nếu nương sự khát thực không có tánh khác, thì chỉ có 12 chủng. Nếu nương

khất thực có tướng sai khác, thì có 13 chủng.

- Ngồi ăn một lần: chỉ ngồi một lần cho đến lúc nên ăn, đều thọ thực tất cả, từ chỗ ngồi đứng dậy, quyết định không ngồi ăn trở lại. Như vậy gọi là chỉ ngồi ăn một lần.

- Trước dừng sau ăn: vì việc ăn nên tìm chỗ nên ngồi, cho đến lúc chưa ăn trước tiên phải thọ đầy đủ các việc khi ăn, nên chánh rõ biết: “Ta nay chỉ thọ thức ăn uống đang hiện có như vậy vì để giữ gìn sức khỏe của mình”. Lại chánh rõ biết: “Quá thời gian này, quyết định không ăn thêm”. Đã thọ nhận như thế rồi, sau mới ăn. Như vậy gọi là trước dừng sau ăn.

- Chỉ giữ ba y: được sử dụng ba y để tự bảo vệ mình. Những gì là ba y? 1. Tăng-già-lê; 2. Ôt-đát-la-tăng-già; 3. An-đát-bà-tham. Ngoài ba y đây, trọn không cất giữ trường y vượt quá số này. Đây gọi là chỉ giữ ba y.

- Chỉ giữ y bằng lông: đây là việc giữ y, hoặc giữ trong số ba y, hoặc là y dư thừa, tất cả đều dùng lông của chim, thú kết thành, quyết không tích trữ loại y làm bằng vật dụng khác. Như vậy gọi là chỉ giữ y bằng lông.

- Giữ y phẩn tảo: là sở hữu y mà người khác vất bỏ ở những nơi hoặc chợ, hoặc ngõ hẻm, hoặc đường phố, hoặc hàng quán, hoặc đường cái, hoặc chẳng phải đường cái, hoặc chỗ tạp nhạp ô uest, hoặc đã bị phẩn tiểu, máu mủ, nước dịch, nước bọt vấy nhiễm. Lượm lấy tất cả y phục bất tịnh như thế, tẩy giặt sạch sẽ đơ uest, sau đó khôu nhuộm lại để mặc. Như vậy gọi là giữ y phẩn tảo.

- Ở chốn a-lan-nhã: là cư trú ở chốn không nhàn, núi rừng, đồng hoang, chỗ nằm ngòi bên bờ vắng vẻ, xa lìa tất cả thôn ấp, xóm làng. Như vậy gọi là trú ở a-lan-nhã.

- Thường ở dưới gốc cây: thường nguyện ở dưới gốc cây, nương ở dưới gốc cây. Như vậy gọi là thường ở dưới gốc cây.

- Thường ở đồng hoang hẻo lánh: thường nguyện ở nơi đồng hoang hẻo lánh, nơi không có mái ngấn che. Như vậy gọi là thường ở nơi đồng hoang hẻo lánh, xa xôi.

- Thường ở nơi gò má: thường nguyện ở nghĩa địa, chỗ tống táng các thi hài sau khi chết. Như vậy gọi là thường ở nơi gò má.

- Thường ngòi ngay thẳng: thường ngòi ngay

thẳng trên giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc ngồi trên tòa bằng cỏ lá. Trái qua ngày giờ, trọn không đặt lưng, hoặc không đặt hông tựa vào giường lớn, hoặc giường dây nhỏ, hoặc tường vách, hoặc thân cây, hoặc trên tòa bằng cỏ lá. Như vậy gọi là thường ngồi ngay thẳng.

- Chỗ ngồi bình thường: là chỗ nằm ngồi hoặc có lúc trên cỏ, hoặc có lúc trên lá. Thường nằm ngồi ở trên cỏ lá, chỉ một lần trái, sau khi đã trái trọn không lật lên sửa chữa lại. Như vậy gọi là chỗ ngồi bình thường.

**Hỏi:** Vì sao gọi là công đức Đầu-đà?

Đáp: Ví như ở thế gian hoặc lông thú, hoặc bông vải, nếu chưa dùng roi quất, chưa đánh toi, chưa tách ra, nên sợi của nó lúc ấy không mịn nhuyễn, không nhẹ nhàng, chưa thể kết thành sợi tơ nhỏ để làm chiếu đệm được. Nhưng nếu được đập, được đánh toi, được tách ra, bấy giờ tự phân tán ra trở nên nhẹ nhàng mềm mại, có thể kết thành các sợi tơ nhỏ làm thành chiếu đệm. Hành giả thực hành cũng vậy, do tham ăn uống nên tâm nhiễm đắm đối với các thức ăn uống, do tham y phục nên tâm nhiễm đắm đối với y phục, do tham



các vật dụng nằm ngồi nên tâm nhiễm đắm đối với các vật dụng ấy. Do công đức Đâu-đà như thế, kia năng tu đối trị khiến tâm thuần trực, khiến thanh tịnh, nhu nhuyễn, diệu khéo, có khả năng kham nhiệm, thuận theo điều được dạy bảo năng tu phạm hạnh. Cho nên gọi là công đức Đâu-đà.

Trong việc ăn uống có tham ăn mỹ vị và tham ăn nhiều năng chướng ngại việc tu thiện pháp. Vì muốn đoạn trừ tham ăn mỹ vị, nên tùy chỗ khát thực có được, thứ lớp khát thực. Vì muốn đoạn trừ tham ăn nhiều, nên chỉ ngồi ăn một lần, trước dùng sau ăn.

Trong việc y phục có 3 chủng tham năng chướng trong việc tu thiện: 1. Tham nhiều y; 2. Tham xúc chạm mềm mại; 3. Tham tốt đẹp thượng diệu. Vì muốn đoạn trừ tham nhiều y, nên chỉ giữ ba y. Vì muốn đoạn trừ tham xúc các y phục mềm mại, nên chỉ giữ y bằng lông. Vì muốn đoạn trừ tham y phục tốt đẹp thượng diệu, nên giữ y phẩn tảo.

Trong việc vật dụng nằm ngồi có 4 chủng tham năng chướng trong việc tu thiện: 1. Tham ôn tạp; 2. Tham nhà cửa; 3. Tham ưa nương tựa, ưa nằm; 4. Tham các vật dụng nằm ngồi. Vì muốn đoạn trừ

tham ôn náo hỗn tạp, nên ở chốn a-lan-nhã. Vì muốn đoạn trừ tham nhà cửa, nên thường ở dưới gốc cây, đồng hoang, gò mả. Vì muốn đoạn trừ tham âm dật, nên thường ở nghĩa địa. Vì muốn đoạn trừ tham ưa dựa nằm, nên thường ngồi ngay thẳng. Vì muốn đoạn trừ tham các vật dụng nằm ngồi, nên thiết lập chỗ ngồi bình thường. Đây gọi là thành tựu công đức Đâu-đà.

Sao gọi là đoạn nghiêm? Hoặc đến hoặc về, hoặc thấy hoặc nhìn, hoặc co hoặc duỗi, giữ Tăng-già-lê, giữ y cầm bát... năng thành tựu thân tướng đoạn nghiêm. Đây gọi là đoạn nghiêm.

Sao gọi là biết lượng? Đối với y phục, uống ăn, vật nằm ngồi, thuốc trị bệnh, cùng các vật dụng nuôi thân khác mà các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ tịnh tín rộng rãi cấp thí, phải biết lượng mà thọ nhận. Đây gọi là biết lượng.

Sao gọi là thành tựu đầy đủ pháp của bậc hiền thiện? Như có người sanh dòng tộc cao quý mà tịnh tín xuất gia, hoặc sanh dòng họ giàu có mà tịnh tín xuất gia. Có dung nhan đoạn nghiêm mỹ diệu, mọi người nhìn thấy khiến hoan hỷ, đầy đủ đa văn, lời nói đầy đủ viên mãn. Người kia thành

tự chút ít trí tuệ, an trú chút ít nơi sự an lạc. Tuy nhân duyên như vậy mà không tự đề cao, không khinh miệt người khác, năng rõ biết tùy pháp hành pháp là đạo lý chân thật, cho nên quán sát kỹ lưỡng sâu xa. Đã hiểu biết rồi, tinh tấn tu hành tùy pháp hành pháp. Đây gọi là thành tựu đầy đủ pháp của bậc hiền thiện.

Sao gọi là thành tựu đầy đủ tướng của bậc thông tuệ? Do tướng tạo tác nghiệp nên biết người ngu, do tướng tạo tác nghiệp nên biết người thông tuệ.

Việc ấy như thế nào? Đối với những người ngu thì điều suy nghĩ là nghĩ ác, việc làm là làm ác, lời nói ra là lời nói ác. Những bậc thông tuệ thì điều suy nghĩ là nghĩ thiện, việc làm là làm thiện, lời nói ra là lời nói thiện. Đây gọi là người thành tựu tướng thông tuệ.

Sao gọi là kham nhẫn? Như có người bị mắng, không mắng trả; bị sân, không sân trả; bị đánh, không đánh trả; bị khinh thường, không khinh thường lại. Lại người kia có khả năng kham nhẫn, chịu xúc chạm của lạnh, nóng, đói, khát, ruồi, muỗi, rắn, bò cạp... Lại có khả năng nhẫn thọ các lời thô

ác xúc phạm của người. Lại kham năng nhẫn thọ khi thân chịu đựng sự đau đớn bứt rứt. Mạnh mẽ cứng rắn nhẫn chịu khổ khi tâm bị bức bách, kể cả bị đoạt mạng. Vì tánh kham nhẫn nên có sự bao dung thọ nhận. Đây gọi là kham nhẫn.

Sao gọi là nhu hòa? Như có người đối với bậc Đại sư thành tựu đầy đủ thân nghiệp từ mãn, ngữ nghiệp từ mãn, ý nghiệp từ mãn. Đối với các đồng phạm hạnh có trí, hòa hợp cùng chung thọ dụng các vật được phép thọ dụng. Nếu có đồ ăn thức uống, không cất giấu riêng. Vật có được, thu được như pháp, rơi vào trong bát thì thuộc sở hữu của bát, tùy theo đó mà thọ dụng. Đồng giới, đồng kiến, thành tựu sáu chủng pháp không tranh cãi. Đáng vui, đáng thích, đáng trân trọng, dễ cùng chung sống với nhau, tánh không xúc não người khác. Đối với các đồng phạm hạnh có trí cùng chung ở một chỗ, khi gặp nhau thường vui mừng hoan hỷ. Đây gọi là nhu hòa.

Sao gọi là tánh hiền thiện? Như có người xa lìa nhãn nhó buồn bã, dung nhan tươi tắn. Lời nói uyển chuyển, nói cười nhỏ nhẹ, thường hay ái ngữ. Tánh nhiếp thọ nhiều pháp lành làm bạn. Thân

tâm vắng lặng. Đây gọi là hiền thiện.

Thành tựu các pháp như đây: không ham thích lợi dưỡng, cung kính, xưng khen, vui thích chánh pháp, vui thích tạo làm các công đức. Cũng không có hai chủng tà kiến là tổn giảm và tăng ích, đối với pháp không thật có, chưa từng khiến tăng thêm; đối với pháp thật có, chưa từng làm tổn giảm. Đối với những việc tạo tác tương ưng văn hoa đẹp đẽ, văn câu từ ngữ trang sức xảo diệu, thuận theo vô số văn cú thơ luận của thế gian, phải năng chánh hiểu biết không có nghĩa lý, không có lợi ích, nên tránh xa vứt bỏ, không tập học theo, không quý thích, cũng không lưu truyền. Chẳng vui tích trữ y, bát dư thừa khác. Xa lìa chúng tại gia, cùng những chỗ huyền thuyên ồn tạp, chỉ làm tăng phiền não. Cùng Thánh chúng vui hòa hợp chung ở, vì tịnh tu trí tuệ. Không vui thích nhiếp thọ bà con, làng xóm, bè bạn, tự nghĩ: “Ta chớ do nhân duyên bạn thân đây, sẽ chiêu lấy vô lượng sự việc quấy nhiễu. Nếu kia biến hoại, sẽ sanh chủng chủng sâu thán, ưu não, khốn khổ”. Nếu lúc sanh khởi hai hoặc như vậy, không kiên cố chấp trước, lúc xuất hiện liền vứt bỏ trừ sạch, tự nghĩ: “Ta chớ do nhân duyên

hai hoặc đây, hiện tại khiến sanh các thứ khổ, về sau khiến sanh các thứ khổ”. Trọn không làm hư tổn của tín thí. Trọn chẳng hủy phạm giới cấm thanh tịnh mà thọ dụng của tín thí. Trọn chẳng hủy hoại lòng tín thí. Trọn không xả bỏ học xứ đã thọ. Thường vui quán sát các lỗi lầm đã gây tạo. Không truy tìm lỗi lầm, sai phạm của người khác. Tự ẩn che điều thiện của mình, phát lồ việc ác. Vì nhân duyên khó tồn tại mạng sống, cũng không cố ý suy nghĩ hủy phạm các tội. Nếu do quên mất chánh niệm, hủy phạm lỗi dẫu nhỏ, liền nhanh chóng như pháp hối trừ. Đối với việc cần làm, siêng năng không lười biếng. Phạm dù cả trăm việc, đều tự mình có thể thành tựu đầy đủ, trọn không cầu người khác vì mình cung cấp. Đối với uy đức, thần lực, giáo pháp thâm sâu không thể nghĩ bàn của Phật Thế Tôn cùng đệ tử Phật, năng phát khởi tin hiểu sâu, trọn không chê bai hủy báng, năng chánh biết rõ chỉ là sở tri, sở kiến của Như Lai, chẳng phải cảnh giới của mình. Trọn chẳng vui thích an trụ nơi kiến thủ hư vọng phi lý, chấp điều hiếm lạ, chấp ngôn luận chú thuật do ác kiến sanh khởi.

Nếu cùng tương ứng công đức như vậy, an trụ như vậy, tu học như vậy, dùng các vật trang nghiêm của chánh hạnh Sa-môn mà tự trang nghiêm cho mình, thì thật sâu xa vi diệu. Ví như có người còn trẻ tuổi, xinh đẹp đoan chánh, vì muốn trang nghiêm cho thân thể, nên vui thích thọ dụng các dục, tắm gội thân thể, xoa ướp các diệu hương, mặc áo quần trắng sạch, lại trang điểm bằng các thứ báu vật tuyệt đẹp, như chuỗi anh lạc, bông tai, nhẫn đeo tay, xuyên đeo tay, các diệu bảo ấn, các thứ hoa cài tóc bằng vàng bạc... thì càng thêm kỳ diệu. Cũng vậy, hành giả dùng các vật dụng vi diệu trang nghiêm, đó là chủng chủng công đức của chánh hạnh Sa-môn để tự trang nghiêm cho mình, khiến cho uy đức oai quang chiếu khắp, gọi là trang nghiêm Sa-môn.

Đây gọi là nghĩa vật dụng trang nghiêm của Sa-môn.

